

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
Của cơ sở CƠ SỞ CHẾ BIẾN MÌ RẮM

Tây Ninh, tháng năm 2024

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của cơ sở CƠ SỞ CHẾ BIẾN MÌ RẮM

CHỦ CƠ SỞ
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
ĐOÀN MINH THANH



Tây Ninh, tháng ... năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH	vi
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở:	1
2.1. Địa điểm thực hiện cơ sở	1
2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	3
2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).....	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	4
3.1. Công suất của cơ sở	4
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	5
3.3. Sản phẩm của cơ sở	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có).....	10
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	13
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	19
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	19
1.2. Thu gom, thoát nước thải	20
1.3. Xử lý nước thải	24
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	34
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	36

3.1. Công trình, biện pháp lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt.....	36
3.2. Công trình, biện pháp lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	37
4. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại.....	38
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	40
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	41
7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):	48
8. Các nội dung thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.....	49
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	51
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải	51
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	51
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	51
1.3. Dòng nước thải	51
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải ..	51
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	52
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	52
2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	52
2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	52
2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	53
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn	53
3.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn.....	53
3.2. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh tối đa	53
3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:	54
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	56
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	56
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ....	58
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	58
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	60
2.1. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ	60

2.2. Chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục	61
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	61
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI CƠ SỞ.....	62
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	64
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	64
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	64
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	65

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh hóa ở 20 ⁰ C trong 5 ngày
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CNV – NLĐ	: Công nhân viên – Người lao động
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
NĐ-CP	: Nghị định chính phủ
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy Ban Nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng I-1. Tọa độ mốc ranh giới khu đất cơ sở.....	2
Bảng I-2. Danh mục máy móc, thiết bị	6
Bảng I-3. Sản phẩm của cơ sở	7
Bảng I-4. Nhu cầu về nguyên liệu	7
Bảng I-5. Nhu cầu về nhiên liệu	7
Bảng I-6. Nhu cầu về hóa chất	8
Bảng I-7. Vị trí, tọa độ, lưu lượng và thông số của từng giếng.....	9
Bảng I-8. Nhu cầu sử dụng của cơ sở.....	10
Bảng I-9. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước và xả thải của cơ sở	10
Bảng I-10. Các hạng mục công trình của Nhà máy.....	11
Bảng I-11. Tóm tắt quy mô, tính chất của các nguồn thải phát sinh tại cơ sở	11
Bảng II-1. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt	17
Bảng II-2. Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước	17
Bảng II-3. Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải.....	17
Bảng II-4. Khả năng tiếp nhận của nguồn nước.....	18
Bảng III-1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa.....	19
Bảng III-2. Hệ thống đường ống thu gom nước thải sản xuất của cơ sở	22
Bảng III-3. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại.....	24
Bảng III-4. Các hạng mục xây dựng của HTXLNT	28
Bảng III-5. Danh sách thiết bị máy móc HTXLNT	30
Bảng III-6. Hóa chất sử dụng cho HTXLNT	33
Bảng III-7. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý của cơ sở	34
Bảng III-8. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	36
Bảng III-9. Thông tin về thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở	37
Bảng III-10. Danh mục các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường	37
Bảng III-11. Dự tính khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở	38
Bảng III-12. Thông tin về thùng chứa CTNH tại cơ sở.....	40
Bảng III-13. Hướng dẫn thực hiện khi có sự cố cháy nổ	43
Bảng III-14. Một số sự cố và cách khắc phục trong vận hành	44
Bảng III-15. Quy trình ứng phó sự cố hệ thống XLNT.....	46
Bảng IV-16. Bảng các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	51
Bảng IV-17. Bảng thống kê khối lượng CTNH phát sinh tối đa của cơ sở	53
Bảng IV-18. Bảng thống kê khối lượng CTRCNTT phát sinh tối đa của Dự án.....	54
Bảng IV-19. Bảng thống kê khối lượng CTRSH phát sinh tối đa của cơ sở	54
Bảng V-1. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý năm 2022	56
Bảng V-2. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý năm 2023	56
Bảng VI-3. Dự trù kinh phí giám sát môi trường.....	61

DANH MỤC HÌNH

Hình I-1. Hình ảnh sơ đồ vị trí cơ sở.....	1
Hình I-2. Sơ đồ vị trí Cơ sở so với HTXLNT và vị trí xả thải.....	2
Hình I-3. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở	5
Hình I-4. Sơ đồ cân bằng vật chất	8
Hình III-1. Sơ đồ thu gom nước mưa.....	19
Hình III-2. Sơ đồ hệ thống bể xử lý tự hoại	21
Hình III-3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt	21
Hình III-4. Hình ảnh mương thu gom nước thải tại cơ sở	22
Hình III-5. Sơ đồ hệ thống thoát nước thải của cơ sở	23
Hình III-6. Hình ảnh hố ga cuối cùng trước khi đấu nối vào HTXLNT	24
Hình III-7. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải.....	25

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH

- Địa chỉ văn phòng: Ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

Bà. Châu Thị Xà.

Chức danh: Chủ hộ

- Điện thoại: 0918463720

- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp tư nhân mã số doanh nghiệp: 3901181886 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc UBND Thị xã Hòa Thành cấp lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2014.

2. Tên cơ sở

CƠ SỞ CHẾ BIẾN MÌ RẰM

2.1. Địa điểm thực hiện cơ sở

Cơ sở chế biến mì rằm (gọi tắt là cơ sở) thuộc Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh được thực hiện tại ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Tổng diện tích khu đất thực hiện Cơ sở: 7.898,4 m² trên thửa đất số 88, 315, 305, 65 tờ bản đồ số 28 thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Tọa độ vị trí cơ sở như sau:

$$(X;Y) = (573.758,4; 1.242.565,4).$$



Hình I-1. Hình ảnh sơ đồ vị trí cơ sở

Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

- Phía Bắc giáp : đường Nguyễn Văn Linh.
- Phía Nam giáp : vườn cây.
- Phía Đông giáp : đường nhựa.
- Phía Tây giáp : Cơ sở sản xuất bánh tráng Hồng Tâm.

Bảng I-1. Tọa độ mốc ranh giới khu đất cơ sở

Kí hiệu	Ký hiệu mốc (hệ VN 2000)	
	X	X
M1	573.749,5	1.242.573,0
M2	573.815,0	1.242.624,9
M3	573.808,7	1.242.641,6
M4	573.848,9	1.242.659,7
M5	573.860,9	1.242.672,3
M6	573.854,9	1.242.695,6
M7	573.975,4	1.242.742,1
M8	573.996,4	1.242.716,3
M9	573.873,7	1.242.671,2
M10	573.863,1	1.242.658,9
M11	573.881,0	1.242.605,4
M12	573.881,0	1.242.605,4

Hình I-2. Sơ đồ vị trí Cơ sở

Một số hình ảnh khu vực cơ sở:



Hình I-3. Hình ảnh khuôn viên cơ sở sản xuất

❖ **Đặc điểm khu vực Dự án và các đối tượng xung quanh**

- Hiện trạng dân cư: xung quanh cơ sở giáp khoảng 10 hộ dân cư, nghề nghiệp chủ yếu là nghề kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ, hoặc hộ gia đình, Nhà máy sản xuất bột mì Kim Khánh, Cơ sở sản xuất bánh tráng Hồng Tâm,...
- Vị trí khu đất có liên hệ trong vùng như sau:
 - + Cách trụ sở UBND xã Trường Đông khoảng 1,3 km về hướng Tây.
 - + Cách kênh TN1 khoảng 200m về hướng Đông.
 - + Cách trường THCS Nguyễn Thái Bình khoảng 1,5km về phía Tây.
 - + Cách quốc lộ 22B khoảng 6 km về hướng Bắc.
- Hiện trạng mạng lưới và các công trình giao thông: Giao thông tại khu vực cơ sở tương đối thuận lợi, cơ sở nằm gần tuyến đường Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Lương Bằng, là tuyến đường nhựa nối liền Quốc lộ 22B đi Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như: Bình Dương, Bình Phước,... giao thông tại khu vực thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của Cơ sở.
- Hệ thống sông suối, kênh rạch:
 - + Về phía Tây cơ sở, cách cơ sở khoảng 150m là kênh TN1.
 - + Về phía Đông cơ sở, cách cơ sở khoảng 200 km là kênh TN1.
 - + Về phía Đông cơ sở, cách cơ sở khoảng 2 km là Rạch Bàu Nâu.

Xung quanh khu vực cơ sở không có hệ sinh thái, vườn quốc gia, khu bảo vệ thiên nhiên hay khu dự trữ sinh quyển và công trình di tích lịch sử.

2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết cơ sở chế biến mì rằm của thuộc Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh số 2833/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp.
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 4407/GP-STNMT ngày 08/07/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp.
- Quyết định số 5802/QĐ-STNMT ngày 31/08/2022 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh khai thác nguồn nước dưới đất tại Nhà máy chế biến bột mì rằm
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 145/GP-STNMT ngày 08/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp.
- Giấy xác nhận hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở chế biến mì rằm thuộc Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh số 48/STNMT-CCBVMT ngày 05/01/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp.

- Văn bản số 3077/STNMT-BVMT ngày 18/05/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh về việc xây dựng bể biogas mới thay thế bể biogas cũ đã xuống cấp tại Cơ sở chế biến mì rằm của DNTN Đoàn Minh Thanh.

2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Ngành nghề: Sản xuất bột mì tươi (mì rằm).
- Vốn đầu tư: 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

→ Căn cứ vào Khoản 3, Điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, dự án có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng => Dự án thuộc tiêu chí phân loại nhóm C.

Theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, cơ sở thuộc mục số 14, cột 4, loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình.

Căn cứ Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, “Cơ sở chế biến mì rằm” thuộc dự án đầu tư nhóm II, mục số 1 “Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này”.

Cơ sở đã được cấp quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở chế biến mì rằm. Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo khoản 2 điều 39 Luật bảo vệ môi trường và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh Tây Ninh theo điểm c, khoản 3 điều 41 Luật bảo vệ môi trường.

Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở “*Cơ sở chế biến mì rằm*” tại ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

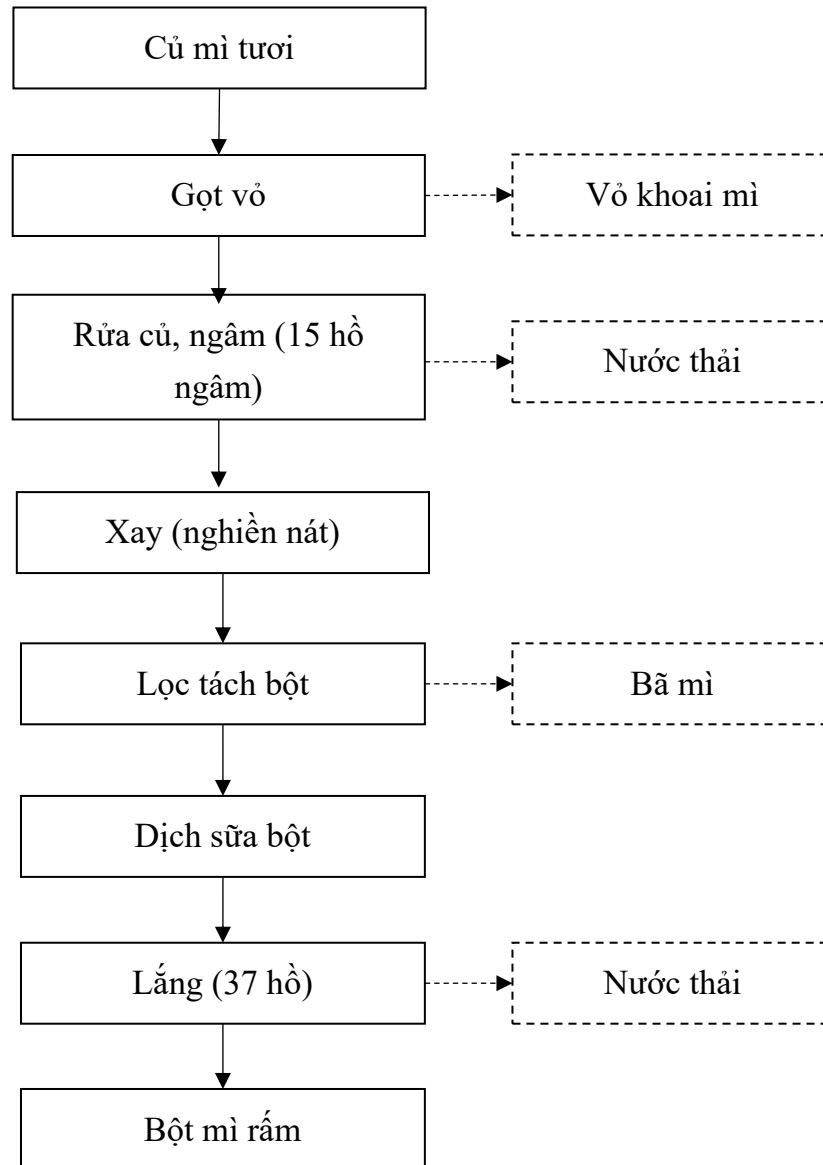
Sản phẩm chính: bột mì tươi (mì rằm).

Công suất sản xuất của cơ sở: 30 tấn củ mì/ngày (tương đương khoảng 15 tấn bột mì tươi/ngày hay 4.500 tấn bột mì tươi/năm).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở chế biến bột mì rằm từ nguồn nguyên liệu củ khoai mì tươi. Cơ sở đã được đầu tư công nghệ chế biến như sau:

Quy trình công nghệ chế biến bột mì tươi (mì rằm), công suất 15 tấn bột mì/ngày thể hiện như sau:



Hình I-4. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Khoai mì tươi được mua từ các thương lái trong tỉnh rồi được đưa vào khu vực chứa nguyên liệu trong Nhà máy.

Gọt vỏ: Khoai mì tiếp nhận sẽ được chuyển qua công đoạn làm sạch sơ bộ củ mì tươi, loại bỏ đất cát dính trên thân củ mì. Công nhân sẽ tiến hành tách vỏ cứng và đầu củ mì ra khỏi củ.

Rửa củ, ngâm (bao gồm 15 hồ ngâm): Khoai mì sau khi được tách vỏ sẽ đem đi rửa sạch và ngâm. Quá trình rửa nhằm làm sạch, loại bỏ lớp vỏ ngoài cũng như mọi

tạp chất khác. Công đoạn rửa rất quan trọng. Nếu rửa không đạt yêu cầu, các hạt bùn dính trên củ khoai mì sẽ là nguyên nhân làm giảm độ trắng của dịch sữa và sản phẩm. Sau khi rửa thì củ mì được ngâm trong hồ nhằm tạo độ mềm cho củ mì, dễ dàng trong quá trình xay.

Xay (nghiền nát): Khoai mì sau khi được ngâm mềm tiếp tục chuyển qua công đoạn nghiền thành hỗn hợp bột, xơ và bã.

Lọc tách bột: Hỗn hợp này được đưa vào cối khuấy để tách dung dịch sữa bột và xơ, bã, các tạp chất. Công đoạn này được cung cấp thêm nước sạch nhằm tăng thêm tỷ lệ thu hồi tinh bột.

Dịch sữa bột: Tại công đoạn này hỗn hợp bột sẽ được ly tâm nhằm tách tinh bột ra khỏi nước và bã. Trong quá trình này, tinh bột được tách khỏi sợi xenluloza, làm sạch sợi mịn trong bột sữa.

Lắng (bao gồm 37 hồ lắng): Dịch sữa bột sau khi được tách tiếp tục chuyển qua các hồ lắng để lắng bột, tách nước để có bột ướt khoảng 40 – 45% độ ẩm. Sau đó bột sẽ được trộn chung với tinh bột sẵn được mua từ bên ngoài theo tỷ lệ quy định để tạo thành bột mì rắm. Sau đó, bột mì rắm sẽ được đưa qua máy vắt để đạt được độ ẩm phù hợp cho bột mì rắm.

Thành phẩm: Lượng bột thu được sẽ được đóng gói vào bao và đem bán ngoài thị trường.

Để phục vụ cho quá trình sản xuất, cơ sở đã lắp đặt các máy móc thiết bị như sau:

Bảng I-2. Danh mục máy móc, thiết bị

STT	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng
01	Máy nghiền	Cái	01	Việt Nam	Sử dụng tốt
02	Máy cối tách bột	Cái	01	Việt Nam	Sử dụng tốt
03	Máy rửa củ	Cái	01	Việt Nam	Sử dụng tốt
04	Máy bơm nước	Cái	06	Việt Nam	Sử dụng tốt
05	Băng tải	Cái	01	Việt Nam	Sử dụng tốt
06	Cân	Cái	04	Việt Nam	Sử dụng tốt
07	Xe xúc	Xe	1	Việt Nam	Sử dụng tốt
08	Máy vắt	cái	2	Việt Nam	Sử dụng tốt

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Bảng I-3. Sản phẩm của cơ sở

STT	Sản phẩm	Khối lượng
1	Bột mì tươi (mì rắm)	15 tấn bột mì tươi/ngày hay 4.500 tấn bột mì tươi/năm

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

➤ Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Nguyên liệu sử dụng cho cơ sở chủ yếu là củ khoai mì tươi, được thu mua từ các hộ trồng tại địa phương và các khu vực lân cận với số lượng cụ thể như sau:

Bảng I-4. Nhu cầu về nguyên liệu

STT	Tên nguyên liệu	Khối lượng	Đơn vị tính	Mục đích sử dụng	Xuất xứ
1	Củ mì tươi	30	Tấn/ngày	Sản xuất mì rắm	Thu mua tại địa phương và các vùng lân cận
2	Tinh bột sắn	20	Tấn/ngày		Thu mua tại địa phương và các vùng lân cận

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

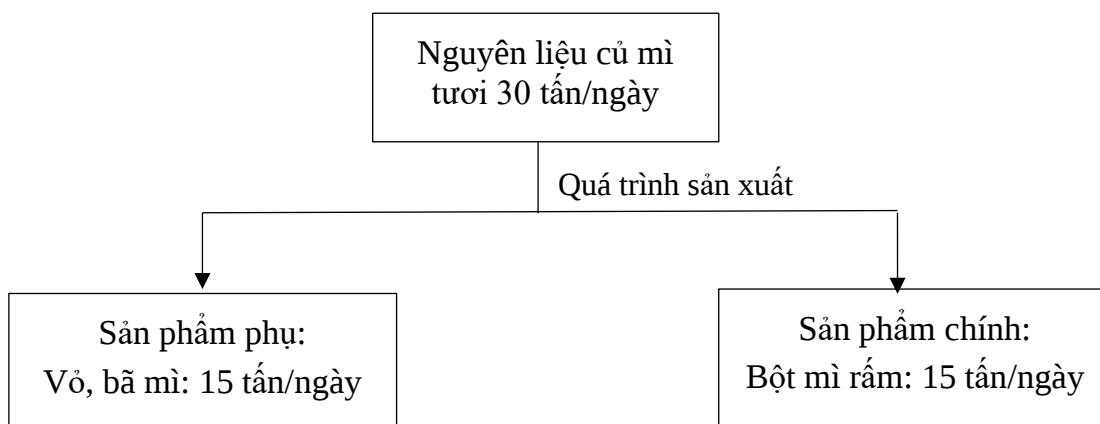
➤ Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Bảng I-5. Nhu cầu về nhiên liệu

STT	Loại nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp	Mục đích sử dụng
1	Dầu DO	Lít/tháng	20	Việt Nam	Phục vụ bảo trì, sửa chữa các loại máy móc sản xuất tại Dự án,...

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Theo tình hình sản xuất thực tế của cơ sở trong thời gian vừa qua. Tính toán cân bằng vật chất giữa nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra, phụ phẩm và chất thải của cơ sở được trình bày tại sơ đồ dưới đây:



Hình I-5. Sơ đồ cân bằng vật chất

Ghi chú: Định mức sử dụng nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm là 1,5:1 tấn nguyên liệu/tấn sản phẩm. Như vậy, khối lượng nguyên liệu hao hụt khi sản xuất 1 tấn sản phẩm là 0,5 tấn nguyên liệu, tương đương tỉ lệ nguyên liệu hao hụt trong quá trình sản xuất là 50%.

- **Nhu cầu sử dụng hóa chất:** trong quá trình sản xuất của cơ sở không sử dụng hóa chất, cơ sở chỉ sử dụng hóa chất trong quá trình xử lý nước thải.

Bảng I-6. Nhu cầu về hóa chất

STT	Tên hóa chất	Khối lượng (kg/tháng)	Nguồn cung cấp
1	PAC	250	Việt Nam
2	Polymer	10	Việt Nam
3	Clorine	10	Việt Nam
4	NaOH	250	Việt Nam

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

➤ **Nhu cầu sử dụng điện**

Nguồn điện cấp: Cơ sở sử dụng điện từ Công ty điện lực Tây Ninh.

Nhu cầu sử dụng điện của Nhà máy được dùng cho các mục đích sau:

- Sử dụng vận hành máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.
- Sinh hoạt công nhân viên, chiếu sáng.

Với lượng điện của cơ sở khoảng 12.000 Kwh/tháng.

➤ **Nhu cầu sử dụng nước**

Nguồn nước cấp: Cơ sở sử dụng nguồn nước ngầm tại giếng khoan trong khu vực Nhà máy với tổng công suất tối đa 195m³/ngày đêm khai thác 05 giếng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 4407/GP-STNMT ngày 08/07/2022.

Bảng I-7. Vị trí, tọa độ, lưu lượng và thông số của từng giếng

Số hiệu	Tọa độ (VN2000)		Lưu lượng (m ³ /ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
GK ₁	1242564	573760	40	24	20	28	4	20	Pleistocen Trung thượng (qp ₂₋₃)
GK ₂	1242567	573763	40	24	20	28	4	20	
GK ₃	1242560	573760	40	24	20	28	4	20	
GK ₄	1242576	573752	Dự phòng		20	28	28	20	
GK ₅	1242569	573771	75	24	20	28	4	20	

Nhu cầu sử dụng nước khi Nhà máy hoạt động với quy mô tối đa (số lượng công nhân viên 20 người) như sau:

Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân: căn cứ QCVN 01:2021/BXD định mức nước sử dụng là 80lít/người/ngày.đêm và số lượng công nhân của Nhà máy 30 người thì lượng nước cấp cho sinh hoạt là:

$$80 \text{ lít/người/ngày.đêm} \times 20 \text{ người} / 1000 = 1,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$$

Nước cấp nhà ăn: cơ sở sử dụng xuất ăn công nghiệp cho công nhân nên không phát sinh nước thải cho nhà ăn.

Nước cấp cho quá trình sản xuất: chủ yếu cơ sở sử dụng nước trong quá trình rửa củ, ngâm, lọc. Trung bình 1 tấn nguyên liệu cần sử dụng khoảng 6 m³ nước, như vậy lượng nước phục vụ sản xuất là: (Định mức sử dụng nước dựa vào tình hình hoạt động thực tế của cơ sở trong thời gian qua).

$$6 \text{ m}^3 \text{ nước} \times 30 \text{ tấn nguyên liệu/ngày.đêm} = 180 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$$

Lượng nước này bao gồm:

- Nước dùng cho công đoạn rửa, ngâm củ: 63,9 m³ (chiếm khoảng 35,5% tổng lượng nước).
- Nước dùng cho công đoạn lắng: 112,5 m³ (chiếm khoảng 62,5% tổng lượng nước).
- Nước sử dụng cho công đoạn rửa thiết bị: 3,6 m³ (chiếm khoảng 2% tổng lượng nước).

Nước dùng tưới cây, PCCC: là 2 m³/ngày.đêm.

➤ **Tổng lượng nước cấp cho Nhà máy (tính cho ngày lớn nhất):**

$$Q_{\text{nước cấp}} = Q_{\text{SH}} + Q_{\text{SX}} + Q_{\text{tưới cây, PCCC}} = 1,6 + 180 + 2 = 183,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$$

Căn cứ theo nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở, chi tiết khối lượng nước sử dụng được trình bày trong bảng sau:

Bảng I-8. Nhu cầu sử dụng của cơ sở

STT	Đối tượng sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)	Định mức sử dụng	Quy chuẩn sử dụng
01	Nước dùng cho sinh hoạt (Khai thác nước dưới đất)	1,6	80 lít/người/ ngày đêm	Theo QCVN 01:2021/BXD
02	Nước dùng cho sản xuất bột mì rằm (Khai thác nước dưới đất)	180	6 m ³ nước/tấn thành phẩm	Theo tình hình sản xuất thực tế của nhà máy
03	Nước tưới cây, rửa đường (Khai thác nước dưới đất)	2	--	--
Tổng cộng		183,6		

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Bảng I-9. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước và xả thải của cơ sở

TT	Đối tượng sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Lượng nước xả thải (m ³ /ngày đêm)	Nguồn cấp nước	Ghi chú
1	Cấp cho sinh hoạt (20 công nhân làm việc 01 ca/ngày)	1,6	1,6	Giếng khoan của Dự án	Nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước cấp
2	Nước cấp cho quá trình sản xuất	180	180		
3	Nước dùng cho tưới cây, PCCC, làm ẩm đường nội bộ	2	--		Không phát sinh nước thải
Tổng		183,6	181,6		

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có)

Cơ sở chế biến mì rằm Doanh nghiệp Tư nhân Đoàn Minh Thanh được thực hiện tại ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã được phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết cơ sở chế biến mì rằm của thuộc Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh theo Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp.

Cơ sở có tổng diện tích đất sử dụng là 7.898,4m², khối lượng và quy mô các hạng mục công trình trình bày như sau:

Bảng I-10. Các hạng mục công trình của Nhà máy

STT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Các hạng mục công trình chính	1.579	20,00	<i>Hiện trạng</i>
1	Khu vực xay (nghiền nát)	384	--	
2	Khu vực chứa nguyên liệu	380	--	
3	Khu vực rửa, ngâm	290	--	
4	Khu vực lắng bột	525	--	
II	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
1	Hệ thống xử lý nước thải	3.000	37,98	<i>Hiện trạng</i>
2	Kho chứa CTNH	6	0,08	<i>Hiện trạng</i>
3	Khu vực chứa CTRCN thông thường	15	0,20	<i>Hiện trạng</i>
III	Cây xanh	1.700	21,5	<i>Hiện trạng</i>
IV	Công trình khác	1.598,4	20,24	<i>Hiện trạng</i>
Tổng		7.898,4	100	

➤ **Tóm tắt quy mô, tính chất của các nguồn thải phát sinh tại cơ sở**

Bảng I-11. Tóm tắt quy mô, tính chất của các nguồn thải phát sinh tại cơ sở

STT	Các tác động môi trường chính	Quy mô, tính chất
1	Tác động từ bụi, khí thải	- Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm - Bụi từ khu vực tập kết nguyên liệu, sản phẩm + Thành phần: Chủ yếu là bụi vô cơ, hữu cơ
2	Tác động từ nước thải	+ Nước thải sinh hoạt: 1,6 m ³ /ngày + Nước thải sản xuất: 180 m ³ /ngày + Thành phần: pH, BOD ₅ , COD, TSS, tổng Nito, tổng Photpho, Xyanua, Sunfua, Clorua, Amoni, Coliform
3	Tác động từ chất thải rắn, chất thải nguy hại	+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên: 16 kg/ngày + Thành phần:

STT	Các tác động môi trường chính	Quy mô, tính chất
		Chất thải sinh hoạt chủ yếu là các loại rác thực phẩm như vỏ rau quả, đồ ăn thừa,...
		+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: 4.500 tấn/năm đối với phụ phẩm mì, đầu vỏ mì và bao bì phế thải khoảng 200 kg/năm. + Thành phần: Vỏ củ, bã mì, bao bì phế thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.
		+ Chất thải nguy hại: 30 kg/năm + Thành phần: bóng đèn huỳnh quang thải bỏ, Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác) giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, bao mì mềm thải.

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện nay, các Sở ngành tỉnh Tây Ninh đang trong quá trình xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường, phân vùng môi trường nên quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh, phân vùng môi trường chưa được ban hành. Tuy nhiên, Cơ sở được mua lại từ đất và tài sản gắn liền với đất của Hộ kinh doanh Ngô Quốc Thanh để tiếp tục hoạt động sản xuất chế biến mì rắm. Do đó, Cơ sở hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển chung của tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

-Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết cơ sở chế biến mì rắm của thuộc Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh số 2833/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp.

-Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 145/GP-STNMT ngày 08/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp.

- Phù hợp với Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc “Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

- Phù hợp với Quyết định số 64/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Phù hợp với Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 02/10/2007 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Tây Ninh đến năm 2010, có xét đến năm 2020.

Như vậy, Cơ sở hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở “Cơ sở chế biến mì rắm”, công suất 10 tấn bột mì/ngày thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Về môi trường không khí: Hiện trạng môi trường không khí khu vực Cơ sở chưa bị ô nhiễm. Trong quá trình hoạt động của Cơ sở không phát sinh khí thải.

Về môi trường đất: dự án không xả thải chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải trực tiếp ra môi trường đất, không có các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được phân loại và thu gom vào các thùng chứa rác thải sinh hoạt tại cơ sở, sau đó hợp đồng với đội thu gom rác tại địa phương để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Chất thải rắn sản xuất: bã mì, vỏ củ: được thu gom bán làm thức ăn gia súc hoặc làm phân bón. Bao bì phế thải: được thu gom, phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Bùn thải: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

Chất thải rắn nguy hại: chất thải nguy hại sẽ được thu gom và xử lý đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Thông tư Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Về môi trường nước:

+ Đối với nước mưa tại khu vực Cơ sở: Cơ sở đã được đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn chỉnh, riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa chảy tràn tại Cơ sở được thu gom sau đó thoát ra bên ngoài môi trường.

+ Đối với nước thải: Tại Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được xử lý tại HTXLNT công suất 200 m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A trước khi thải ra kênh TN1-16T vị trí K0+450 (bờ tả) qua 01 cửa xả theo hình thức tự chảy.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải → Bể thu gom và tách cặn → Hàm Biogas 1 → Hàm bơm → Hàm Biogas 2 → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Nguồn tiếp nhận.

Nguồn tiếp nhận nước thải của Nhà máy là kênh TN1-16T vị trí K0+450.

Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sau khi xử lý theo đường ống PVC Ø=200mm, dài khoảng 50m chảy ra kênh TN1-16T vị trí K0+450, phương thức xả thải tự chảy.

Kênh TN1-16T là nơi tiếp nhận nguồn nước thải của cơ sở và dân cư xung quanh khu vực. Vì vậy, yêu cầu chất lượng nước thải phải luôn đạt quy chuẩn cho phép theo Quy chuẩn nước mặt của Bộ Tài nguyên môi trường. Do đó, nước thải của cơ sở phải luôn đảm bảo đạt QCVN 63:2017/BTNMT, Cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Cơ sở cam kết sẽ tiếp tục theo dõi, kiểm tra và bảo trì hệ thống xử lý nước thải trong quá trình hoạt động của cơ sở (khi hệ thống bị hư hỏng), đồng thời định kỳ lấy mẫu nước thải sau hệ thống xử lý để kiểm tra chất lượng nhằm đảm bảo nước thải sinh hoạt, sản xuất sau xử lý của cơ sở đạt theo quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

=> Để đánh giá khả năng chịu tải của chất thải đối với môi trường, định kỳ Chủ cơ sở thực hiện lập hồ sơ báo cáo công tác bảo vệ môi trường, kết quả quan trắc đạt quy chuẩn cho phép, do đó khả năng chịu tải của chất thải phù hợp với môi trường.

❖ Đánh giá sự phù hợp về khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận Kênh TN1-16T

Theo khoản 1 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 1 điều 15 của Thông tư số 76/2107/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ thì khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của mỗi đoạn sông, hồ phải được đánh giá đối với từng thông số sau: COD, BOD₅, Amoni, tổng Ni-tơ, tổng Phốt-pho. Đối với các thông số khác thì dựa vào quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải, mục đích sử dụng nước, quy mô, tính chất nước thải, yêu cầu bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường đối với từng đoạn sông, hồ có cơ quan thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định.

Hiện tại, kênh TN1-16T tiếp nhận nước thải của cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải theo quy định số 145/GP-STNMT ngày 08/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp. Vì vậy, khi cấp phép cho cơ sở không làm phát sinh thêm nguồn thải.

Căn cứ vào Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thông số quy định trong QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt và QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A, giá trị $C_{\max}$, với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$.

Đoạn kênh tiếp nhận nước thải có chiều dài 5.162m, và lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại kênh là 0,9 m³/s.

❖ Trình tự đánh giá

Bước 1: Xác định tải lượng tối đa của các thông số chất lượng nước mặt

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

- L_{td} (kg/ngày) tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn suối, đơn vị tính là kg/ngày;
- C_{qc} : giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn suối, đơn vị tính là mg/l;
- Q_s : lưu lượng dòng chảy của đoạn suối đánh giá, đơn vị tính là m³/s;

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bước 2: Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước

$$L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

- L_{nn} : tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn suối, đơn vị tính là kg/ngày;
- C_{nn} : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;
- Q_s : lưu lượng dòng chảy của đoạn suối đánh giá, đơn vị tính là m³/s;
- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

Bước 3: Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

$$L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$$

Trong đó:

- L_t : tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải, đơn vị tính là kg/ngày.
- C_t : kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn suối, đơn vị tính là mg/l;
- Q_t : lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn suối, đơn vị tính là m³/s;
- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

Bước 4: Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo công thức:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_t) \times F_s$$

Nếu giá trị L_{tn} lớn hơn (>) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại, nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng (<=) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

❖ Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT (mức C). Áp dụng các công thức tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$ ta có: tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

Bảng II-1. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt

Thông số	Amoni	BOD ₅	COD	Tổng Nito	Tổng Phospho
Q _s	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9
C _{qc}	--	≤10	≤20	≤2,0	≤0,5
Giá trị chuyển đổi	86,4	86,4	86,4	86,4	86,4
L _{td} (kg/ngày)	--	≤777,60	≤1.555,20	≤155,52	≤38,88

Áp dụng các công thức tính toán tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận: $L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$, ta có: tải lượng ô nhiễm của các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

Bảng II-2. Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước

Thông số	Amoni	BOD ₅	COD	Tổng Nito	Tổng Phospho
Q _s	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9
C _{nn}	1,23	17,3	37,2	1,5	0,14
Giá trị chuyển đổi	86,4	86,4	86,4	86,4	86,4
L _{nn} (kg/ngày)	-	388,8	2.892,7	116,6	10,9

Áp dụng các công thức tính toán tải lượng ô nhiễm từ nguồn xả thải đưa vào nguồn nước: $L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$ ta có: tải lượng các chất ô nhiễm trên từ Dự án đưa vào nguồn nước lần lượt như sau:

Bảng II-3. Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

Thông số	Amoni	BOD ₅	COD	Tổng Nito	Tổng Phospho
Q _t	0,0023	0,0023	0,0023	0,0023	0,0023
C _t	--	25	39	4,53	0,249
Giá trị chuyển đổi	86,4	86,4	86,4	86,4	86,4
L _t	--	4,97	7,75	0,9	0,05

(Nguồn: Kết quả mẫu nước thải ngày 15/05/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường lấy mẫu nước thải sau xử lý của cơ sở)

Áp dụng các công thức tính toán khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể: $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_t) \times F_s$, (trong trường hợp này hệ số F_s được lấy là 0,5), ta có: khả năng tiếp nhận của nguồn nhận nước sau khi tiếp nhận nước thải từ Dự án đối với các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

Bảng II-4. Khả năng tiếp nhận của nguồn nước

Thông số	Amoni	BOD ₅	COD	Tổng Nito	Tổng Phospho
L _{td}	--	≤777,60	≤1.555,20	≤155,52	≤38,88
L _{nn}	--	388,8	2.892,7	116,6	10,9
L _t	--	4,97	7,75	0,9	0,05
F _s	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
L _{tn}	--	191,92	-672,61	18,99	13,97

Kết luận: Nguồn nước tại kênh TN1-16T vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với các thông số Amoni, BOD₅, Tổng Nito, Tổng Phospho.

Cơ sở đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 145/GP-STNMT ngày 08/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp và nước thải sau xử lý tại cơ sở đạt quy chuẩn theo quy định, do vậy việc xả nước thải của cơ sở chỉ làm tăng lưu lượng dòng chảy, không gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận. Cơ sở cam kết xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 63-MT:2017/BTNMT, Cột A, K_q=0,9, K_f=1,1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn trước khi thải ra môi trường.

Việc quản lý xả thải của cơ sở do Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ theo quy định, phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Như vậy, nhìn chung vị trí của cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách biệt với nước thải. Ngoài ra, nhà máy tạo độ dốc nên khả năng tiêu thoát tốt không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, nguyên liệu, chất thải rắn lưu trữ... Hơn nữa, rác thải của Nhà máy được thu gom, không để vương vãi vì thế không làm ô nhiễm môi trường nước mưa chảy tràn.

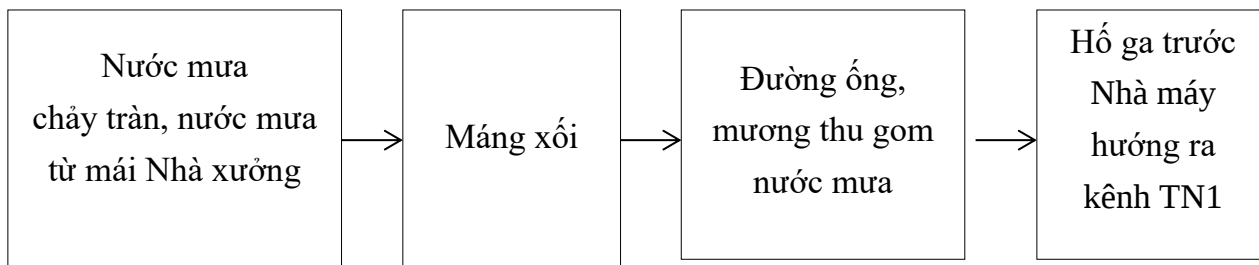
Thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng: Nước mưa trên mái được thu gom vào các máng xối. Các máng xối này thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng, dẫn thẳng xuống mặt đất bằng các ống nhựa PVC có kích thước D168mm sau đó chảy tràn tự nhiên và được thu gom bằng mương BTCT có kích thước 200mmx 200mm, chiều dài 35m tới hố ga trước Nhà máy hướng ra kênh TN6-1.

Kích thước cụ thể như bảng sau:

Bảng III-5. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa

STT	Tên hạng mục và thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
01	Các máng xối inox Kích thước: RxH=600x1400 (mm), chiều dài 800m	Hệ	2
02	Ống thu gom nước mưa từ mái nhà Vật liệu: PVC Ø168	Hệ	1
03	Mương thu gom nước mưa Vật liệu: BTCT, chiều dài 35m	Hệ	1

Sơ đồ minh họa của hệ thống thoát nước mưa:



Hình III-1. Sơ đồ thu gom nước mưa

Vị trí điểm thoát nước mưa: nước mưa chảy tràn của Nhà máy được thu gom sau đó thoát ra đường nhựa theo hình thức chảy tràn tự nhiên thông qua 01 điểm thoát.

Tọa độ vị trí thoát nước mưa theo VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°:

Vị trí gô ga thoát nước mưa: $(X,Y) = (573.749,3;1.242.567,7)$.

Hướng dốc thoát nước mưa từ các khu vực nhà xưởng xung quanh đổ ra công thoát nước mưa trước Nhà máy hướng về kênh TN1-16T.

Vị trí điểm thoát nước mưa của Nhà máy được thể hiện trên Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa đính kèm phụ lục 1.3.

Ngoài ra, cơ sở thực hiện một số biện pháp sau để hạn chế tối đa nguồn ô nhiễm này:

- Bê tông hóa sân, đường nội bộ Cơ sở.
- Khu vực kho chứa, xưởng sản xuất cũng được xây dựng theo đúng cao trình thiết kế, nền được gia cố bằng bê tông.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước mưa trong Nhà máy đảm bảo vận hành công trình vào thời điểm trời mưa.

Nhận xét: Đánh giá khả năng tiêu thoát nước mưa: qua thời gian cơ sở hoạt động đến nay hệ thống thoát nước mưa hiện hữu hoàn toàn đáp ứng được khả năng tiêu thoát nước mưa trong khu vực, chưa xảy ra hiện tượng tràn thoát nước mưa và hồ ga.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Hiện nay, Công ty đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom thoát nước thải để phục vụ cho quá trình hoạt động của Nhà máy. Hệ thống thoát nước thải được xây dựng tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

a. Nước thải sinh hoạt

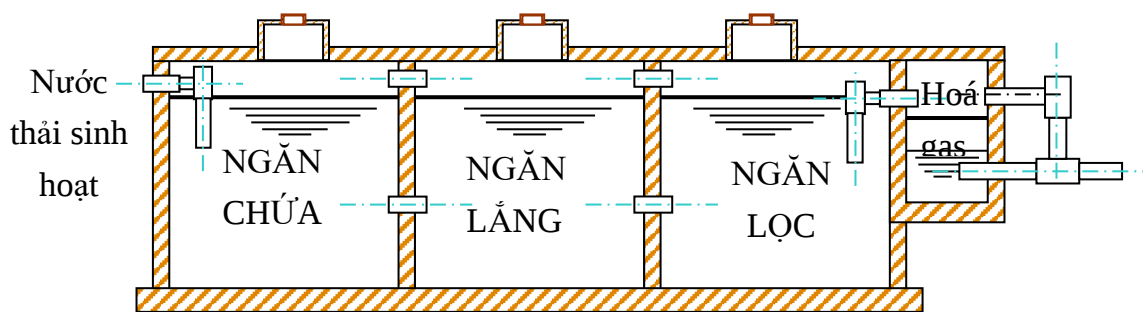
Nước thải từ khu vực vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó đầu nối vào HTXLNT tập trung của Cơ sở.

Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân: căn cứ QCVN 01:2021/BXD định mức nước sử dụng là 80lít/người/ngày.đêm. Lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp sử dụng. Như vậy lượng nước thải phát sinh là:

$$80 \text{ lít/người/ngày đêm} \times 20 \text{ người} / 1000 = 1,6\text{m}^3/\text{ngày.đêm}.$$

Nước thải sinh hoạt từ khu vực vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn bằng đường ống nhựa PVC đặt ngầm, kích thước D114mm, chiều dài đường ống 25m sau đó đầu nối về HTXLNT tập trung của Cơ sở.

Sơ đồ cấu tạo và chức năng của bể tự hoại được trình bày như sau:



Hình III-2. Sơ đồ hệ thống bể xử lý tự hoại

Bể tự hoại 03 ngăn thông dụng được dùng để xử lý cục bộ nước thải từ các khu nhà vệ sinh có kết cấu như sau:

- Ngăn thứ nhất: Ngăn tự hoại.
- Ngăn thứ hai: Ngăn lắng.
- Ngăn thứ ba: Ngăn lọc.

Bể có ống thông hơi ra bên ngoài, có hộp bảo vệ và nắp để hút cặn. Nắp bể được làm bằng đan bê tông cốt thép.

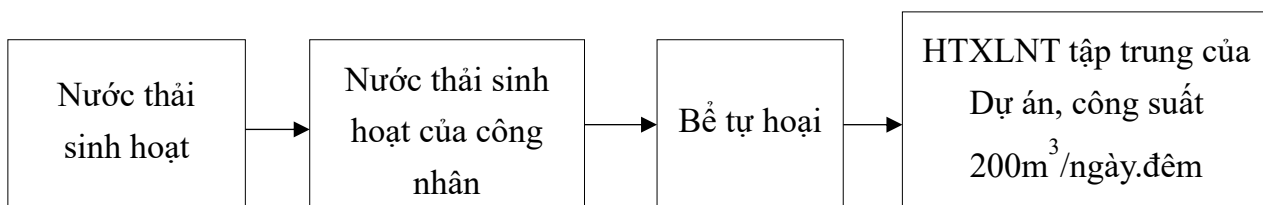
Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: Lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân huỷ.

Tiêu chuẩn kết cấu của bể tự hoại:

- Không được thấm vào đất, vào nước ngầm.
- Thê tích hợp lý, xây dựng bằng bê tông M200.

Tính toán sơ lược bể tự hoại:

- Bể tự hoại 3 ngăn sẽ thực hiện đồng thời 2 chức năng: lắng cặn và xử lý sinh học chất hữu cơ. Trong khoảng thời gian chứa từ 6 – 8 tháng, cặn tươi sẽ bị phân huỷ sinh học trong điều kiện kỵ khí sinh gas và các chất vô cơ hòa tan. Kích thước cần thiết của bể tự hoại cho việc xử lý nước thải phát sinh từ dự án như sau:



Hình III-3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

b. Nước thải sản xuất

Cơ sở phát sinh nước thải sản xuất tại công đoạn rửa, ngâm củ mì và công đoạn lắng lấy bột mì nên định mức nước thải là 6m³ nước thải cho 1 tấn nguyên liệu (*theo tình hình sản xuất thực tế của cơ sở*), Cơ sở sản xuất 15 tấn mì rằm ngày, tương đương 30 tấn củ mì nguyên liệu/ngày, nên tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh khoảng:

$6 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 30 \text{ tấn nguyên liệu/ngày} = 180 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Trong đó, lượng nước thải này bao gồm:

- Nước thải từ công đoạn rửa, ngâm củ: $63,9 \text{ m}^3$ (chiếm khoảng 35,5% tổng lượng nước).
- Nước thải từ công đoạn lắng: $112,5 \text{ m}^3$ (chiếm khoảng 62,5% tổng lượng nước).
- Nước thải từ công đoạn rửa thiết bị: $3,6 \text{ m}^3$ (chiếm khoảng 2% tổng lượng nước).

Nước thải từ các hồ rửa củ, ngâm được thu gom bằng các mương thoát nước có kích thước chiều rộng x chiều sâu là 250mm x 100mm, tổng chiều dài 8m chảy ra bể thu gom và tách cặn để dẫn về HTXLNT tập trung công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước thải từ các hồ lắng được thu gom bằng các mương có kích thước chiều rộng x chiều sâu 300 x 100mm, tổng chiều dài 38m dẫn đến bể thu gom và tách cặn để đưa về HTXLNT tập trung của Cơ sở.



Hình III-4. Hình ảnh mương thu gom nước thải tại cơ sở

Bảng III-6. Hệ thống đường ống thu gom nước thải sản xuất của cơ sở

STT	Hạng mục	Kết cấu	Kích thước chiều rộng x chiều sâu (mm)	Chiều dài (m)
1	Mương thu gom nước thải từ hồ rửa và ngâm	Bê tông	250 x 100	8
2	Mương thu gom nước thải từ hồ lắng	Bê tông	300 x 100	38

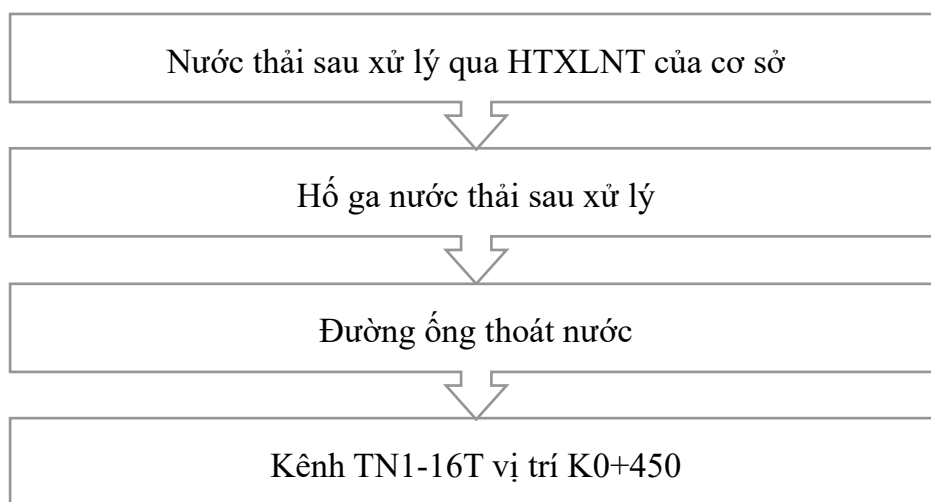
(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Tổng lượng nước thải sản xuất của Dự án là $180\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, nước thải sinh hoạt là $1,6\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tổng lượng nước thải phát sinh là $181,6\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải từ bể thu gom và tách cặn được bơm về hầm Biogas để thực hiện quá trình phân hủy kỵ khí trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, kết cấu, kích thước chiều dài của các tuyến đường ống dẫn nước thải như sau:

- Nước thải từ bể thu gom và lắng cặn → Bể Biogas 1: ống ngầm uPCV Ø114mm, độ dốc $i=0,5\%$, chiều dài 106 mét;
- Nước thải từ hầm Biogas 1 → Hầm bơm: ống nhựa uPVC Ø114mm, độ dốc $i=1\%$, chiều dài 7 mét;
- Nước thải từ Hầm bơm → Hầm bơm: ống nhựa uPVC Ø114, độ dốc $i=0,5\%$, chiều dài 100 mét;
- Nước thải từ Hầm bơm → Hầm Biogas 2: ống nhựa uPVC Ø140, độ dốc $i=1\%$, chiều dài 3mét;
- Nước thải từ Hầm Biogas 2 → Hầm bơm: ống nhựa uPVC Ø140, độ dốc $i=1\%$, chiều dài 3mét;
- Nước thải từ Hầm bơm → Hệ thống xử lý nước thải tập trung: ống nhựa uPVC Ø110, độ dốc $i=1\%$, chiều dài 1mét.

1.2.2. Công trình thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Nhà máy sau khi xử lý đạt QCVN QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A ($K_q= 0,9$, $K_f= 1,1$), theo đường ống nhựa PVC kích thước D114mm đến hố ga nước thải sau xử lý sau đó theo đường ống PVC kích thước D200mm, dài khoảng 50m chảy ra kênh TN1-16T vị trí K0+450, phương thức xả thải tự chảy.



Hình III-5. Sơ đồ hệ thống thoát nước thải của cơ sở

Vị trí tọa độ xả thải theo VN 2000, kinh tuyến trụ $105^{\circ}30'$, múi chiều 3° :

Điểm đầu vào: (X;Y) = (573.547; 1.242.686)

Điểm đầu ra: (X;Y) = (573.568; 1.242.674)

Điểm xả thải: (X;Y) = (573.798; 1.242.792).



Hình III-6. Hình ảnh hố ga sau xử lý trước khi xả vào kênh TN1-16T vị trí K0+450

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó đầu nối vào HTXLNT tập trung của Nhà máy.

Nhà máy có 1 bể tự hoại, với tổng thể tích bể tự hoại là 18 m^3 được phân bố như tại khu vực sản xuất.

Bảng III-7. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại

STT	Hạng mục	Kích thước	Thể tích mỗi bể (m^3)	Số lượng (cái)
1	Bể tự hoại khu vực sản xuất	3m x 3m x 2m	18	01

(Nguồn: Hộ kinh doanh Lê Thị Yên Ngọc)

1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải toàn Nhà máy

Tổng lượng nước thải sản xuất của Cơ sở là $180 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, nước thải sinh hoạt là $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tổng lượng nước thải phát sinh là $181,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải sinh hoạt và sản xuất của Nhà máy sẽ được thu gom và đầu nối dẫn đến HTXLNT tập trung công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở.

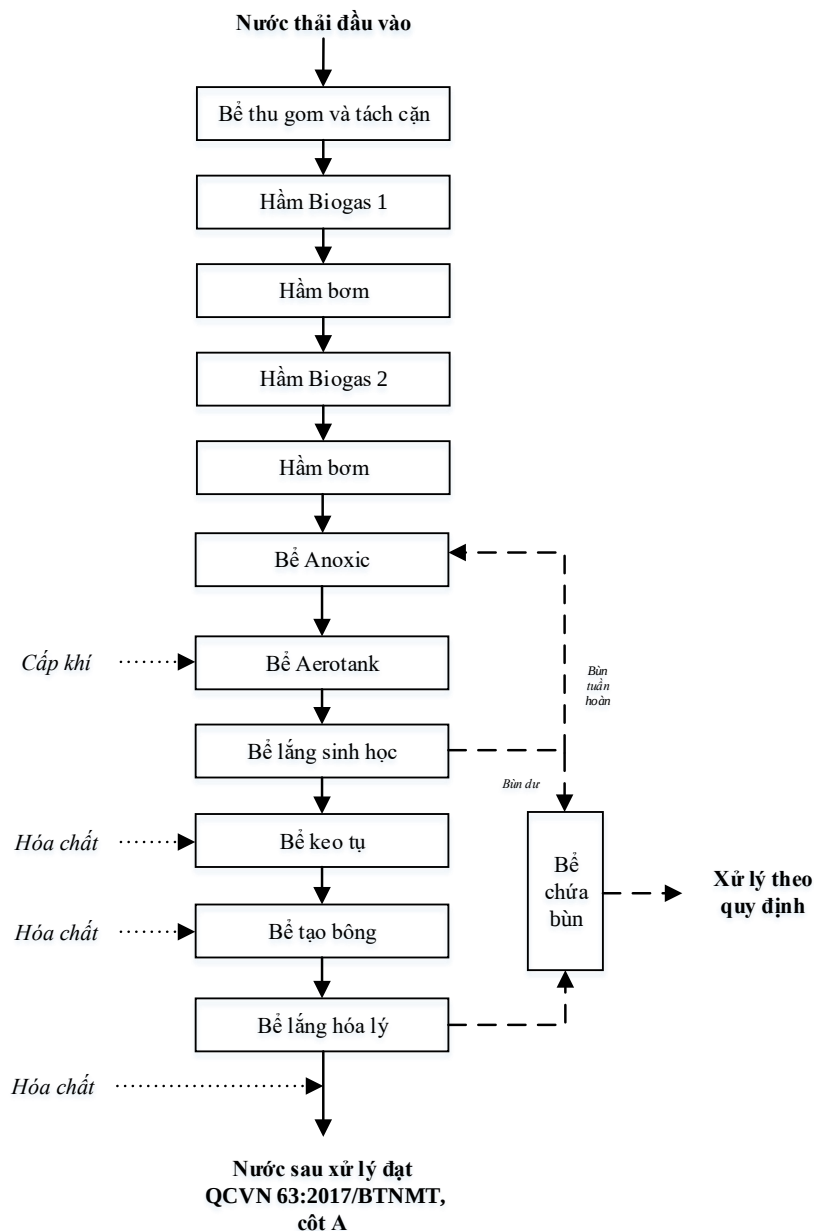
Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chấp thuận về việc xây dựng bể biogas mới thay thế bể biogas cũ đã xuống cấp tại văn bản số 3077/STNMT-BVMT ngày 18/05/2022. Theo đó, Cơ sở đã rà soát lại toàn bộ HTXLNT và hiện tại đã xây dựng hoàn thiện HTXLNT đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Đơn vị lập bản vẽ hoàn công HTXLNT: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Toàn Việt.

Công nghệ xử lý: Công nghệ được lựa chọn và áp dụng tại dự án là công nghệ xử lý hóa lý kết hợp sinh học.

Chế độ vận hành: 24/24 giờ.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải:



Hình III-7. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

Bể thu gom và tách cặn

Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh được thu gom và dẫn về bể thu gom và tách cặn. Bể có nhiệm vụ loại bỏ cặn thô, nặng như cát, sỏi... để giảm tải cho các công đoạn xử lý sau.

Nước thải từ bể thu gom và tách cặn được bơm về hầm biogas 1.

Hầm biogas 1

Tại hầm biogas 1, trong điều kiện không có oxi các vi sinh vật phân hủy chất hữu cơ biến thành năng lượng hoạt động và khí mê tan. Hỗn hợp khí CH_4 (Metan), hidrosulfur (H_2S), NO_x , CO_2 ...tạo thành khí biogas.

Bể Biogas dưới sự tác động của chế phẩm vi sinh tốc độ cao, kết hợp sự tác động của các loại vi sinh vật kỵ khí sẽ lên men nước thải, làm giảm hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải.

Nước thải sau khi qua hầm biogas sẽ tự chảy tràn sang hầm bơm.

Hầm bơm

Nước thải sau khi qua hầm biogas sẽ được bơm tại hầm bơm bơm về bể kỵ khí.

Hầm Biogas 2

Tại hầm biogas 2, trong điều kiện không có oxi các vi sinh vật phân hủy chất hữu cơ biến thành năng lượng hoạt động và khí mê tan. Hỗn hợp khí CH_4 (Metan), hidrosulfur (H_2S), NO_x , CO_2 ...tạo thành khí biogas.

Bể Biogas dưới sự tác động của chế phẩm vi sinh tốc độ cao, kết hợp sự tác động của các loại vi sinh vật kỵ khí sẽ lên men nước thải, làm giảm hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải.

Nước sau khi xử lý tại hầm Biogas 2 sẽ tiếp tục sang hầm bơm để bơm qua bể sinh học thiếu khí – Anoxic.

Bể sinh học thiếu khí - Anoxic

Trong giai đoạn xử lý này, nước thải được đưa vào bể thiếu khí với chức năng chính là xử lý triệt để lượng Nitơ và Phospho trong nước thải. Tại đây, thiết bị khuấy chìm được lắp đặt trong bể nhằm mục đích khuếch tán không khí với nồng độ nhỏ nhằm tạo ra môi trường thiếu khí phù hợp. Các vi khuẩn dị dưỡng cần nguồn cacbon như là nguồn thức ăn để sinh trưởng và phát triển, vi khuẩn khử nitrat sử dụng nguồn oxy từ các phân tử nitrat cho hoạt động của mình.

Nước thải sau xử lý thiếu khí tự chảy tràn sang bể sinh học hiếu khí.

Bể sinh học hiếu khí

Tại bể sinh học hiếu khí, nước thải kết hợp với bùn hoạt tính và một số chủng vi sinh vật đặt hiệu cho quá trình phân hủy hiếu khí. Không khí được đưa vào tăng cường bằng máy thổi khí đảm bảo lượng oxy hòa tan trong nước thải luôn lớn hơn 02mg/l.

Giai đoạn này sẽ diễn ra quá trình phân hủy hiếu khí xử lý nồng độ COD và BOD triệt để, sản phẩm của quá trình này chủ yếu sẽ là khí CO₂ và sinh khối vi sinh vật tồn tại dưới dạng bùn hoạt tính khối lượng.

Nước thải sau khi xử lý tại bể sinh học hiếu khí sẽ tự chảy tràn sang bể lắng sinh học.

Bể lắng sinh học

Toàn bộ nước thải được dẫn vào bể lắng sinh học, bùn hoạt tính sẽ lắng xuống đáy bể lắng sinh học, phần nước tách bùn được thu gom ở phần máng răng cưa thu nước trong phía trên. Bùn được bơm bùn bơm tuần hoàn liên tục về bể sinh học thiếu khí nhằm duy trì lượng vi sinh vật ổn định và một phần bùn dư sẽ dẫn xả về bể chứa bùn.

Nước thải sau khi qua bể lắng chảy tràn sang bể keo tụ.

Bể keo tụ

Bể keo tụ có nhiệm vụ tiếp nhận nước thải từ bể lắng sinh học và tiến hành xử lý hóa lý. Tại bể keo tụ, hóa chất được châm vào để cân bằng pH nước thải theo liều lượng xác định. Mục đích của việc điều chỉnh pH trong nước thải nhằm ổn định pH nước thải, tăng hiệu quả xử lý. Đồng thời, hóa chất trợ keo tụ (PAC) được bơm định lượng hóa chất bơm định lượng vào bể keo tụ, để khuấy trộn đều hóa chất và nước thải, thiết bị khuấy trộn được lắp đặt tại bể để khuấy trộn nước thải với hóa chất.

Nước thải sau khi được khuấy trộn đều sẽ chảy tràn sang bể tạo bông.

Bể tạo bông

Nước thải sau bể keo tụ chảy tràn sang bể tạo bông, hóa chất tạo bông (Polymer Anion) được bơm định lượng hóa chất bơm định lượng vào bể tạo bông. Để khuấy trộn đều hóa chất tạo bông và nước thải, thiết bị khuấy được lắp đặt tại bể để khuấy trộn nước thải với hóa chất tạo bông. Hóa chất Polymer Anion có nhiệm vụ kết dính những bông cặn nhỏ lơ lửng trong nước thải sau qua trình keo tụ lại với nhau để tạo thành những bông bùn có kích thước lớn hơn, có khả năng lắng trọng lực.

Nước thải sau khi được xáo trộn đều sẽ chảy tràn sang bể lắng hóa lý để lắng các bông bùn hóa lý.

Bể lắng hóa lý

Tại đây, toàn bộ nước thải được dẫn vào bể lắng hóa lý, dưới tác dụng của trọng lực, các bông bùn lắng xuống đáy bể lắng, phần bùn ở đáy bể lắng định kỳ sẽ xả chảy xuống bể chứa bùn.

Phần nước tách bùn được thu gom ở phần máng răng cưa thu nước ở phía trên. Ở đây, hóa chất chlorine sẽ được bơm định lượng bơm vào trong thiết bị để khử các vi khuẩn và mầm bệnh còn sót lại. Chất lượng nước đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sản QCVN 63:2017/BTNMT, cột A, nước thải được dẫn về nguồn tiếp nhận.

Bể chứa bùn

Bùn sinh học và bùn hóa lý sẽ được bơm về bể chứa bùn. Chức năng chính của bể chứa bùn là làm giảm thể tích và khối lượng của bùn. Phần nước tách ra từ bùn được đưa về bể thu gom và tách cặn tái xử lý. Bùn trong bể chứa bùn định kỳ hợp ký đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Bảng III-8. Các hạng mục xây dựng của HTXLNT

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Bể thu gom và tách cặn - Kích thước: DxRxC=3,4x2,1x1,4m - Vật liệu: BTCT dày 200mm - Thời gian lưu: 1,2h.	cái	1
2	Bể thu gom và tách cặn - Kích thước: DxRxC=10,0x9,0x1,4m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 15,13h.	cái	1
3	Bể thu gom và tách cặn - Kích thước: DxRxC=7,0x6,4x1,4m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 7,53h.	cái	1
4	Hầm biogas 1 - Kích thước: DxRxC=138x30x5m - Vật liệu: Đào đất, lót bạc HDPE Thời gian lưu: 2.484,9h.	cái	1
5	Hầm bơm - Kích thước: DxRxC=1,2x1,2x1,4m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 0,24h.	cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG
6	Hầm bơm - Kích thước: DxRxC=1,5x1,5x2,4m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 0,65h.	cái	1
7	Hầm Biogas 2 - Kích thước: DxRxC=40x20x4m - Vật liệu: Đào đất, lót bạc HDPE Thời gian lưu: 384,15h.	cái	1
8	Hầm bơm - Kích thước: DxRxC=1,2x1,2x1,4m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 0,24h.	cái	1
9	Bể Anoxic - Kích thước: DxRxC=3,7x3,0x4,0m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 5,33h.	cái	1
10	Bể Anoxic - Kích thước: DxRxC=3,5x3,0x4,0m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 5,04h.	cái	1
11	Bể Aerotank - Kích thước: DxRxC=12,4x4,0x3,1m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 18,46h.	cái	1
12	Bể Aerotank - Kích thước: DxRxC=8,0x7,0x3,1m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 20,84h.	cái	1
13	Bể lắng sinh học - Kích thước: DxRxC=8,0x3,2x3,1m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 9,52h.	cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG
14	Bể lắng sinh học - Kích thước: DxRxC=4,0x2,8x3,1m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 4,17h.	cái	1
15	Bể lắng sinh học - Kích thước: DxRxC=5,6x3,0x3,1m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 6,25h.	cái	1
16	Bể keo tụ - Kích thước: DxRxC=1,9x1,5x3,1m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 1,06h.	cái	1
17	Bể tạo bông - Kích thước: DxRxC=1,9x1,5x3,1m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 1,06h.	cái	1
18	Bể lắng hóa lý - Kích thước: DxRxC=4,5x4,0x3,1m - Vật liệu: BTCT dày 200mm Thời gian lưu: 6,69h.	cái	1
19	Bể chứa bùn - Kích thước: DxRxC=28x18x4m - Vật liệu: Đào đất, lót bạc HDPE Thời gian lưu: 242h.	cái	1

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Danh sách thiết bị máy móc của HTXLNT như sau:

Bảng III-9. Danh sách thiết bị máy móc HTXLNT

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG
I	BỂ THU GOM VÀ TÁCH CẶN		
1	Bơm nước thải - Công suất: 5,5kW/380V/50Hz - Lưu lượng: 10 m ³ /h - Cột áp: 60 m	cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG
II	HẦM BIOGAS		
III	HẦM BƠM		
1	Bơm nước thải - Công suất: 3,7kW/380V/50Hz - Lưu lượng: 10 m ³ /h - Cột áp: 45 m	cái	1
2	Bơm nước thải - Công suất: 2,2kW/380V/50Hz - Lưu lượng: 10 m ³ /h - Cột áp: 30 m	cái	1
IV	BỂ KỸ KHÍ		
V	HẦM BƠM		
1	Bơm nước thải - Công suất: 2,2kW/380V/50Hz - Lưu lượng: 10 m ³ /h - Cột áp: 30 m	cái	2
VI	HẦM BƠM		
1	Thiết bị khuấy trộn - Động cơ: + Công suất: 0,75kW/380V/50Hz + Số vòng quay: 50-100rpm - Trục và cánh khuấy: SUS304	bộ	1
VII	BỂ AEROTANK		
1	Đĩa phân phối khí tĩnh - Q = 6 - 10 m ³ / giờ - Vật liệu: Màng EPDM, khung PP	hệ	1
2	Máy thổi khí - Công suất: 15kW/380V/50Hz - Lưu lượng: 8 m ³ /phút - Cột áp: 4 m	cái	2
3	Vì sinh vật xử lý nước thải - Số lượng vi khuẩn: Bacteria 5 tỉ cfu/gram	hệ	1
4	Chất nền cơ hoạt tính	hệ	1
VIII	BỂ LẮNG SINH HỌC		

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Bơm bùn tuần hoàn - Công suất: 2,2kW/380V/50Hz - Lưu lượng: 10 m ³ /h - Cột áp: 30 m	cái	6
IX	BỂ KEO TỤ + BỂ TẠO BÔNG		
1	Thiết bị khuấy trộn - Động cơ: + Công suất: 0,75kW/380V/50Hz + Số vòng quay: 50-100rpm - Trục và cánh khuấy: SUS304	bộ	2
X	CỤM HÓA CHẤT		
1	Bơm định lượng hóa chất - Công suất: 0,18kW/380V/50Hz - Lưu lượng: 100l/giờ	cái	4
2	Bồn chứa hóa chất - Dạng bồn nhựa đứng	bộ	4
XI	ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ		
1	Đường ống dẫn nước thải - Vật liệu: Ống uPVC _Bình Minh - Phụ kiện: + Van + Co, tê, cút, nối, mặt bích, bu lông,.. + Pass đỡ, cùm giữ ống, đai xiết_SUS304	hệ	1
2	Đường ống dẫn khí - Phần ngập nước: Ống uPVC _Bình Minh - Phần lắp đặt trên cạn: Ống SUS304 - Phụ kiện: + Van + Co, tê, cút, nối, mặt bích, bu lông,.. + Pass đỡ, cùm giữ ống, đai xiết_SUS304	hệ	1
3	Đường ống dẫn bùn - Vật liệu: Ống uPVC _Bình Minh - Phụ kiện: + Van	hệ	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	+ Co, tê, cắt, nối, mặt bích, bu lông,.. + Pass đỡ, cùm giữ ống, đai xiết_SUS304		
4	Đường ống dẫn hóa chất - Vật liệu: Ống uPVC _Bình Minh - Phụ kiện: + Van + Co, tê, cắt, nối, mặt bích, bu lông,.. + Pass đỡ, cùm giữ ống, đai xiết_SUS304	hệ	1
XII	HỆ THỐNG ĐIỆN VÀ CẤP ĐIỆN		
1	Tủ điện điều khiển - Tủ điện + Xuất xứ: Việt Nam + Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện, dày 1,2mm - Linh kiện chính: + Thiết bị đóng cắt: MCB, MCCB, contactor, relay nhiệt: LS_Korea + Relay trung gian, đèn báo, Công tắc chuyển mạch_Taiwan + Đồng hồ Volt, Ampe kế_Taiwan	hệ	1
2	Hệ thống cấp điện động lực và cấp điện điều khiển - Cấp điện: Daphaco_Việt Nam - Máng lồng dây điện: PVC	hệ	1

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Định mức sử dụng hóa chất cho HTXLNT như sau:

Bảng III-10. Hóa chất sử dụng cho HTXLNT

STT	Tên hóa chất	Khối lượng (kg/tháng)
1	PAC	250
2	Polymer Anion	10
3	Chlorine	10
4	NaOH	250

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

❖ **Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải trong thời gian hoạt động vừa qua:**

Bảng III-11. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý của cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 63:2017/BTNMT (cột A) $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$
01	pH	-	6,51	6 – 9
02	Chất rắn lơ lửng	mg/l	15	99
03	BOD ₅	mg/l	25	49,5
04	COD	mgO ₂ /l	39	198
05	Xianua	mgO ₂ /l	KPH	0,0693
06	Tổng Nito	mg/l	4,53	39,6
07	Tổng Phospho	mg/l	0,249	9,9
08	Tổng Coliform	MPN/100ml	460	3.000

(Nguồn: Kết quả phân tích nước thải sau xử lý của DNTN Đoàn Minh Thanh
ngày 09/05/2023)

➤ Nhận xét: Từ kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, ta thấy các chỉ tiêu ô nhiễm đều đạt giá trị giới hạn cho phép của QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A, hệ thống xử lý hoạt động ổn định và hiệu quả, nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

➤ Trong thời gian hoạt động vừa qua, hệ thống xử lý nước thải của cơ sở vẫn đang hoạt động ổn định, hiệu quả, nước thải sau xử lý đảm bảo với QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A.

Ngoài ra, cơ sở đã thực hiện nghiêm túc các công tác bảo vệ môi trường và đưa ra phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải, nhân viên vận hành HTXLNT có nghiệp vụ chuyên môn, định kỳ lấy mẫu quan trắc nước thải theo quy định và nộp báo cáo cho cơ quan chức năng theo dõi và quản lý. Chi tiết phương án phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải được trình bày tại mục 2.2.2 Chương IV của báo cáo.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

❖ Giảm thiểu bụi xung quanh nhà máy và từ kho tập kết nguyên liệu

Nhằm hạn chế tối đa khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, Công ty sẽ thực hiện biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thường xuyên thu gom lượng bụi phát sinh bằng cách quét dọn khu vực tập kết nguyên liệu để không chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy với số lượng chiếm 20% diện tích đất nhà máy để không chế nguồn bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Nguồn bụi gây ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân chủ yếu phát sinh từ các công đoạn sản xuất do đó Công ty đã trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất.

- Ngoài ra, các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm luôn có đầy đủ dụng cụ che phủ không cho lượng bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển.

- Các tháng mùa nắng thường xuyên tưới nước tạo độ ẩm trong khu vực nhà máy để phương tiện ô tô đi lại không khuếch tán bụi trong không khí.

- Áp dụng biện pháp phun nước thường xuyên tại khu vực bãi chứa nguyên liệu và khu vực xe tải ra vào.

❖ **Giảm khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm**

- Sử dụng các phương tiện đã qua đăng kiểm.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ tăng hiệu quả đốt cháy nhiên liệu của động cơ.

- Sử dụng nhiên liệu đảm bảo chất lượng, không chứa chì, có hàm lượng S thấp (dầu DO hàm lượng lưu huỳnh 0,05%).

- Các phương tiện đi vào khu Dự án quy định đậu đúng vị trí.

- Quản lý mật độ phương tiện tham gia giao thông, tránh lưu thông vào những giờ cao điểm, bố trí lịch hoạt động vận chuyển hợp lý tránh tình trạng ùn tắc, tăng khả năng phát tán khí thải, bụi. Bắt buộc các phương tiện này phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn của Sở Giao thông Vận tải.

- Đối với dầu mỡ, chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển, các thiết bị máy móc rò rỉ ra được công nhân lau bằng giẻ lau hoặc đổ cát lên phần dầu mỡ đó để thu gom lượng dầu mỡ đó lại sau đó lưu kho để mang đi xử lý đúng quy định.

❖ **Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hệ thống thoát nước thải và HTXLNT**

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nắp đậy hố ga, không để các loại khí thải sinh ra từ quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ trong nước thải phát tán vào môi trường không khí.

- Vận hành HTXL nước thải đúng quy trình kỹ thuật để hệ thống xử lý nước thải đầu ra đạt giới hạn cho phép và không phát sinh mùi hôi.

❖ **Giảm thiểu mùi hôi phát sinh do lưu trữ chất thải rắn**

- Chất thải rắn sinh hoạt được quy định bỏ vào các thùng chứa có nắp kín để tránh thu hút côn trùng và phát tán mùi hôi ra xung quanh. Các thùng chứa được đặt tại các nơi chủ yếu phát sinh rác sinh hoạt, định kì được đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt

Thành phần: Rác thải sinh hoạt phát sinh trong Nhà máy từ hoạt động sinh hoạt của công nhân với một số thành phần như: Thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

Theo Quyết định số 1923/UBND-KT ngày 26/06/2023 về phương pháp xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, thu gom, xử lý tại khu vực đô thị đối với Thị xã Hòa Thành là 0,85 kg/người/ngày.

Lượng rác thải sinh hoạt của Dự án với số lượng 20 công nhân viên phát sinh như sau:

Bảng III-12. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Chủng loại	Lượng rác thải phát sinh		
		Kg/ngày	Kg/tháng	Kg/năm
1	Rác thải hữu cơ và rác thải phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày của công nhân: Thức ăn thừa, vỏ trái cây, vật dụng cá nhân cũ,...	17	442	5.304

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Chất thải rắn tại cơ sở được thu gom, lưu giữ và xử lý đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hình thức lưu giữ:

Đối với CTR sinh hoạt không có khả năng tái sử dụng, tái chế, định kỳ 1 lần/ngày nhân viên vệ sinh của cơ sở sẽ thu gom CTR sinh hoạt về khu tập trung tại cơ sở.

Cơ sở bố trí các thùng chứa 240l và chất thải rắn sinh hoạt sẽ được tập trung vào các thùng chứa 240l chứa rác sinh hoạt.

Thông số kỹ thuật về thùng chứa chất thải rắn tại cơ sở như sau:

Bảng III-13. Thông tin về thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở

Đặc điểm	Hình ảnh
Thùng rác thu gom rác thải sinh hoạt Màu xanh, dung tích 240L, số lượng 8 thùng Có nắp đậy ngăn mùi và chắn nước mưa, nặng Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng Kích thước: D x R x C = 720 mm x 575 mm x 1015 mm Nguyên liệu: nhựa HDPE	

Biện pháp xử lý: Công ty hợp đồng với đội vận chuyển rác thải sinh hoạt tại địa phương để thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định.

➤ Trong thời gian hoạt động vừa qua, Công ty đã thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt đúng theo quy định và đúng cam kết đã đề ra trong Báo cáo Đề án BVMT chi tiết đã được phê duyệt. Công ty cũng bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra vệ sinh, theo dõi, nhắc nhở công nhân thực hiện nghiêm túc quy định về thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt.

3.2. Công trình, biện pháp lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thành phần: Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở gồm có:

- Bao bì phế thải trong quá trình tháo dỡ nguyên liệu chuẩn bị sản xuất và bao bì lỗi trong quá trình đóng gói sản phẩm.
- Vỏ mì, bã mì: Định mức sử dụng nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm là 1,5:1 tấn nguyên liệu/tấn sản phẩm. Như vậy, khối lượng nguyên liệu hao hụt khi sản xuất 1 tấn sản phẩm là 0,5 tấn nguyên liệu, tương đương tỉ lệ nguyên liệu hao hụt trong quá trình sản xuất là 50%. Như vậy, Dự án sản xuất tối đa 30 tấn củ/ngày tương đương vỏ, bã mì khoảng 15 tấn/ngày.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án được phân loại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

Bảng III-14. Danh mục các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Vỏ mì, bã mì	14 03 03	kg/ngày	15.000
2	Bao bì phế thải	18 01 05	kg/năm	200

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Hình thức lưu giữ: Vỏ, bã mì được chứa trong các bao buộc kín miệng, được đặt bên trong nhà xưởng có mái che do đó các loại chất thải rắn lưu chứa tại đây đảm bảo không phát tán ra ngoài môi trường. Các vỏ và bã khoai mì sẽ được phân loại và thu gom, lưu chứa trong khu vực chứa CTR, khu vực chứa được bố trí trong nhà máy có diện tích khoảng 25m² (kích thước dài x rộng = 5m x 5m).

Biện pháp xử lý:

Đối với bã mì và vỏ được thu gom liên tục, hằng ngày tránh để tồn đọng. Đối với bã mì và vỏ được bán lẻ cho các hộ dân làm phân bón cây trồng.

Giấy, bao nylon thải,... được thu gom tập trung và bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

-> Bãi chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường bảo đảm không rạn nứt, không bị thấm thấu, đủ độ bền chịu được tải trọng của phương tiện vận chuyển và lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu giữ. Căn cứ vào khoản 4 Điều 33 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường thì khu vực chứa CTR tại Dự án hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

➤ Trong thời gian hoạt động vừa qua công tác thu gom xử lý CTR công nghiệp thông thường của cơ sở vẫn đang hoạt động ổn định, hiệu quả. Chủ cơ sở tiếp tục duy trì các biện pháp hiện hữu.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

Thành phần: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, một số giẻ lau có dính dầu mỡ phát sinh trong quá trình lau chùi, bảo dưỡng dây chuyền thiết bị sản xuất,...

Dựa vào quá trình hoạt động kinh doanh trong thời gian qua ước tính lượng chất thải nguy hại phát sinh vào khoảng 30kg/năm và phân loại CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

Bảng III-15. Dự tính khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	6
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	10

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	14
Tổng cộng				30

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Bùn thải từ HTXLNT: phát sinh khoảng 100kg/ngày, theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì bùn thải của Cơ sở thuộc Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác có mã chất thải số 12 06 05 thuộc phân loại chất thải công nghiệp phải được kiểm soát ký hiệu là KS (Ký hiệu phân loại KS là chất thải cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT). Do đó, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Công ty sẽ được lấy mẫu gửi cơ quan có chức năng để phân tích về thành phần nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, và được phân định như sau:

- Nếu bùn thải của Công ty có chứa thành phần nguy hại liệt kê bùn thải vào danh mục chất thải nguy hại, Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
- Nếu bùn thải của Công ty không có thành phần nguy hại sẽ được đưa vào danh mục CTR thông thường. Công ty sẽ tiến hành bán cho đơn vị có nhu cầu hoặc hợp đồng với đơn vị thu gom và xử lý theo quy định. Chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của Cơ sở được thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt.

Hình thức lưu giữ: Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 6 m², làm bằng tole, mặt sàn trong khu vực lưu trữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che làm bằng tôn kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH. Khu vực lưu trữ CTNH xây gờ chống tràn bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn, được dán nhãn, biển báo chất thải nguy hại và có cửa khóa, có bảng liệt kê các thành phần chất thải nguy hại mà mã số tương ứng kèm theo dán vào kho chứa,... theo đúng quy định. Bố trí các thùng chuyên dụng có nắp đậy đặt bên trong kho chứa để thu gom các thành phần chất thải nguy hại khác nhau, không thu gom chung để tránh xảy ra sự cố như cháy, nổ,...

Bảng III-16. Thông tin về thùng chứa CTNH tại cơ sở

Đặc điểm	Hình ảnh
Màu đỏ, dung tích 120L, số lượng 1 thùng Có nắp đậy ngăn mùi và chắn nước mưa, nắng. Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng Kích thước: D x R x C = 550 x 490 x 930 mm. Nguyên liệu: nhựa HDPE	

Biện pháp xử lý: Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phương án thu gom chất thải nguy hại trong trường hợp bị tràn đổ:

Lập tức sử dụng các phương tiện ứng phó phù hợp như cát, giẻ lau,... để cô lập nguồn ô nhiễm tránh sự cố tràn đổ lan ra diện rộng.

Sau khi đã khoanh vùng, cô lập nguồn ô nhiễm thì sử dụng cát phủ lên bề mặt khu vực đã khoanh vùng để cát hấp thụ chất thải dạng lỏng.

Sử dụng xẻng chuyên dụng để tiến hành thu gom lượng cát đã hấp thụ chất thải nguy hại dạng lỏng và cho vào thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng.

Đậy kín và niêm phong thùng chứa chất thải rồi bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Tiến hành làm sạch lại khu vực nền kho bị tràn đổ chất thải nguy hại bằng hóa chất làm sạch chuyên dụng.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp để giảm tiếng ồn như sau:

- Giảm thiểu tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở
 - + Hạn chế các phương tiện giao thông ra vào cơ sở vào giờ cao điểm.
 - + Bố trí khu vực ra vào, bãi đậu xe cho các loại phương tiện vận chuyển.
 - + Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở nhằm hạn chế tiếng ồn và cải thiện vi khí hậu.
 - + Thường xuyên kiểm tra, bảo trì nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển.

- Giảm thiểu tiếng ồn và độ rung từ trang thiết bị máy móc
 - + Kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
 - + Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc định kỳ.
 - + Công nhân phải được trang bị đồ bảo hộ lao động (trang bị nút tai), đặc biệt là những công nhân tiếp xúc lâu với tiếng ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. An toàn lao động

Trong tất cả các công trình sản xuất vấn đề an toàn lao động luôn được quan tâm hàng đầu, Cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Có kế hoạch kiểm tra, vệ sinh các khu vực sản xuất hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng.
- Nhân viên được trang bị thiết bị bảo hộ lao động như khẩu trang,...
- Nhân viên làm việc trong khu vực sản xuất không đùa giỡn gây nguy hiểm.
- Cấm hút thuốc hay sử dụng các loại rượu bia, dược phẩm bất hợp pháp khi ở trong Công ty.
- Cấm xả rác, phóng uế bừa bãi.
- Cấm dùng lửa, các nguồn sinh nhiệt ở những khu vực dễ cháy như kho chứa nguyên nhiên liệu, kho thành phẩm,...
- Cấm ngủ hoặc rời vị trí trong ca sản xuất.

b. An toàn điện

- Các biện pháp kỹ thuật:
 - + Bọc cách điện những chỗ hay va chạm, những chỗ bị hở.
 - + Nối dây tiếp đất, vỏ thiết bị.
 - + Rào chắn, treo biển báo những chỗ nguy hiểm (có điện nguy hiểm, cấm đóng điện...).
- Quy định an toàn điện:
 - + Chỉ những người có chuyên môn về điện và đã qua huấn luyện an toàn điện mới được bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị điện.
 - + Không tự tiện ấn nút hoặc đóng ngắt cầu dao, aptomat ngoài chức trách của mình (nhất là đối với các máy bơm, máy nén, quạt gió...).
 - + Phải ngắt thiết bị ra khỏi nguồn điện và nối đất thiết bị trước khi bảo dưỡng, sửa chữa.
 - + Khi đóng/cắt thiết bị điện cần có 2 người tham gia để tránh nhầm lẫn.

+ Khi bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị điện ít nhất phải có 2 người tham gia, thực hiện các bước cô lập điện, treo biển cảnh báo cấm đóng điện tại cầu dao nguồn trong suốt quá trình làm việc, đặt các thiết bị/dụng cụ điện trên mặt bằng khô ráo, sử dụng “quy trình làm việc” và tuân theo “giấy phép làm việc điện”, sau khi kết thúc công việc phải nghiệm thu, trả giấy phép và thông báo để người vận hành đưa thiết bị vào hoạt động.

+ Nếu cần chiếu sáng cục bộ khi sửa chữa, phải dùng đèn di động cầm tay 36V.

+ Không tự tiện đi vào vùng nguy hiểm của thiết bị điện hoặc đường dây dẫn điện và không tự ý đấu nối thay đổi hệ thống điện.

+ Tại vị trí có dòng điện cao thế phải treo bảng cảnh báo nguy hiểm.

+ Không bố trí thiết bị điện trên mặt bằng ẩm ướt có khả năng dẫn điện hoặc dễ trượt ngã, sập đổ.

+ Ngắt khỏi nguồn điện các thiết bị, dụng cụ điện khi không sử dụng.

+ Khi làm việc trên cao phải đeo dây an toàn.

+ Khi ngắt một cầu chì, cầu dao, công tắc, mối nối điện, tại vị trí cô lập phải treo biển thông báo hoặc khóa cách ly.

+ Ít nhất 2 lần/năm đo kiểm tra điện trở tiếp đất của thiết bị, nếu số đo $>2W$ thì phải xử lý để đạt giá trị $<2W$.

+ Phải mang quần áo khô, đi giày cách điện, đội mũ khi đi vào vùng nguy hiểm về điện.

+ Tháo đồ kim loại trên người, mặc quần áo khô, đeo găng, mang ủng cách điện, dụng cụ cách điện phù hợp khi việc với thiết bị đang mang điện.

+ Khi phát hiện thấy điều bất thường (mùi khét, khói, tia lửa điện...) phải lập tức báo để người vận hành ngừng ngay thiết bị.

+ Sau khi một mạch điện bị ngắt bởi 1 thiết bị bảo vệ, không được đóng mạch điện lại cho đến khi có quyết định của người chịu trách nhiệm về điện bảo đảm rằng thiết bị và mạch đã an toàn để đóng điện lại.

+ Không được dùng các thang có khả năng dẫn điện khi làm việc trên hoặc gần các thiết bị điện. Cấm dùng thang bằng kim loại không có cách điện.

c. Sự cố cháy nổ

Cơ sở thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy cho Nhà máy như sau:

- Để đảm bảo an toàn trong sản xuất, phòng tránh sự cố cháy nổ có thể xảy ra, Công ty trang bị đầy đủ các dụng cụ PCCC đúng theo quy định của phòng cảnh sát PCCC.
- Định kỳ vệ sinh sạch sẽ khu vực sản xuất.

- Bố trí hệ thống dẫn điện hợp lý, dây điện được đi trong ống nhựa, bảng điện được lắp đặt phù hợp tầm sử dụng. Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng điện, phải có thiết bị bảo vệ quá tải và lắp đặt hệ thống chống giật.
- Phân công nhân viên thường xuyên kiểm tra ổ cắm điện và thay mới khi phát hiện có dấu hiệu bị hư hỏng nhằm hạn chế tối đa sự cố có thể xảy ra.
- Lưu trữ riêng chất tạo bọt và lưu trữ đúng quy định để phòng chống sự cố cháy nổ từ vật liệu này.
- Thành lập đội PCCC cơ quan và tập huấn, huấn luyện các thao tác PCCC.
- Máy móc thiết bị có xuất xứ và thông số kỹ thuật, thay thế, bảo trì đúng thời hạn.
- Công ty đã lắp hệ thống PCCC bao gồm: các phương tiện và thiết bị chữa cháy: bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy,... bên cạnh đó lắp đặt hệ thống phòng chống sét.
- Thường xuyên kiểm tra các bể, thùng chứa nguyên liệu hóa chất, sử dụng các bể chứa đúng tiêu chuẩn ngành và được hướng dẫn, huấn luyện cụ thể về các phương án phòng ngừa cháy nổ.

Quy trình chữa cháy:

- Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có lửa cháy, cần tiến hành các công tác dập lửa tại chỗ bằng bình chữa cháy, nước, cát. Nhà máy sẽ huy động lực lượng cán bộ, nhân viên để ứng cứu.
- Nếu đám cháy lớn cần gọi cho PCCC khu vực đến hỗ trợ.
- Dọn dẹp: sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.
- Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Công ty sẽ phối hợp cùng với cơ quan hữu quan cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra, Công ty tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ:

Bảng III-17. Hướng dẫn thực hiện khi có sự cố cháy nổ

Quy định chung	Người duyệt
- KHÔNG đặt hàng hóa, vật che chắn nút báo cháy. - BIẾT vị trí các nút báo cháy gần khu vực mình làm việc	

		
1. Khi phát hiện đám cháy, hô to “CHÁY! CHÁY! CHÁY!”	2. Di chuyển đến nút báo cháy gần nhất, NHẤN MẠNH nút báo cháy	3. Nghe chuông báo cháy
		
4. Dừng tất cả các hoạt động đang làm	5. Bình tĩnh di chuyển theo hướng mũi tên để thoát khỏi nhà máy	6. Di chuyển nhanh đến khu vực tập trung an toàn và điểm danh

d. Sự cố của hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: như hư máy bơm, bồn, thiết bị châm hóa chất, chế độ vận hành,... Tất cả nguyên nhân này đều dẫn đến việc xử lý nước thải không đạt yêu cầu, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của HTXLNT. Vì vậy, cơ sở đưa ra các biện pháp có thể chủ động ứng phó tốt khi có sự cố HTXL nước thải.

Các sự cố thường gặp và cách khắc phục:

Bảng III-18. Một số sự cố và cách khắc phục trong vận hành

STT	Những sự cố	Nguyên nhân	Cách phát hiện	Biện pháp khắc phục
Tủ điện điều khiển	Không hoạt động	- Mất điện - Cầu chì hỏng - Bảo vệ pha không hoạt động	Tủ điện	- Nguồn điện dự phòng - Thau cầu chì - Thay mới
	Rò rỉ nhiệt bị nhảy	- Quá tải - Bị hư - Giảm áp	Còi báo sự cố Kiểm tra bơm	- Khởi động lại - Tăng bơm - Thay mới
	Man & auto tiếp xúc không được	- Tiếp điểm bị mòn - Dây điều khiển bị hỏng	Đèn báo	Tiến hành vệ sinh hoặc thay mới

STT	Những sự cố	Nguyên nhân	Cách phát hiện	Biện pháp khắc phục
	Các công tắc tơ kêu	- Giảm áp - Tiếp điểm bị mòn	Phát tiếng kêu	Khởi động lại Tiến hành vệ sinh hoặc thay mới
Bơm	Bơm hoạt động nhưng không lên nước	- Vật cứng chèn cánh bơm	Kiểm tra lưu lượng nước ra ở tại van thăm của bơm	Vệ sinh bơm
	Bơm hoạt động nhưng lên ít nước	- Bị kẹt rác - Điện áp không đủ -		Vệ sinh bơm Khởi động lại
	Bơm không hoạt động	- Cháy bơm - Mất điện		Thay bơm Kiểm tra và khởi động lại
Máy thổi khí	Đầu máy thổi khí nóng hơn bình thường	- Không đủ mỡ bôi và nhớt	Máy thổi khí	Bơm thêm mỡ bôi và nhớt
	Đầu máy thổi khí kêu	- Không đủ mỡ bôi và nhớt		Bơm thêm mỡ bôi và nhớt
	Vỡ bạc đạn đầu thổi khí	- Không đủ mỡ bôi		Tha mới
	Motor không hoạt động	- Mất điện - Cháy motor		Kiểm tra và khởi động lại Quấn lại hoặc thay mới

Quy trình vận hành khi HTXLNT gặp sự cố:

- Mức độ nhẹ, xảy ra cục bộ tại các bể xử lý không phải dừng vận hành HTXLNT. Nhân viên vận hành tiến hành kiểm tra sửa chữa bằng các trang thiết bị dự phòng được chuẩn bị sẵn tại Phân xưởng.
- Mức độ trung bình, ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình vận hành của HTXLNT và ảnh hưởng đến chất lượng nước thải đầu ra phải dừng vận hành HTXLNT và nhanh chóng kiểm tra khắc phục sự cố.

- Mức độ nặng, sự cố phát sinh ngoài khả năng của nhân viên vận hành, hệ thống không vận hành được trong nhiều ngày, ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình vận hành của HTXLNT và ảnh hưởng đến chất lượng nước thải đầu ra, báo ngay và cơ sở cam kết dừng hoạt động sản xuất của Nhà máy, dừng vận hành HTXLNT. Tiếp theo, tiến hành sửa chữa với thời gian nhanh nhất để đưa hệ thống đi vào hoạt động trở lại. Sau khi sự cố được khắc phục, HTXLNT bắt đầu xử lý lại theo đúng quy trình xử lý cho đến khi chất lượng nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Bảng III-19. Quy trình ứng phó sự cố hệ thống XLNT

STT	Quy trình	Hành động
I	Phối hợp nội bộ	
1	Người phát hiện là nhân viên làm việc trực tiếp trong khu vực xử lý nước thải	Nhận biết được các thông tin sự cố: • Vị trí công đoạn gặp sự cố. • Mức độ, tình trạng gặp sự cố. • Nguyên nhân công đoạn của HTXL gặp sự cố. • Có nhân viên nào bị ảnh hưởng bởi sự cố hay không? - Thông báo cho mọi người trong khu vực xảy ra sự cố; - Thông báo sự cố cho Chủ cơ sở. - Báo cáo rõ ràng, chính xác cho ban lãnh đạo về tình hình sự cố tại công đoạn hiện tại; - Tham gia hành động ứng cứu khẩn cấp (nếu thuộc lực lượng cứu hộ và xử lý sự cố cơ sở) hoặc trở về vị trí làm việc của mình; - Nhận sự sắp xếp nhiệm vụ từ cấp trên.
2	Người điều hành trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố	Thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan trong khu vực xử lý nước thải theo quy trình thông báo tin khẩn cấp, yêu cầu mọi người thực hiện đúng theo quy trình ứng cứu sự cố. - Sơ tán người không có nhiệm vụ hay không được trang bị bảo hộ ứng cứu ra khỏi khu vực nguy hiểm. - Khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố và phạm vi tác động của sự cố ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động sản xuất của nhà máy.

STT	Quy trình	Hành động
		- Chỉ đạo các đội viên trong Đội ứng phó sự cố thực hiện các nhiệm vụ sau: + Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và thông báo cho bộ phận sản xuất ngừng sản xuất. + Bộ phận chuyên môn bảo trì tiến hành khắc phục, sửa chữa công đoạn gặp sự cố. + Bộ phận vận hành HTXLNT: kiểm tra các thông số vận hành để làm căn cứ xem xét sự cố đã được khắc phục hay chưa. + Sau khi khắc phục xong: • Bộ phận vận hành HTXLNT báo cáo tình hình khắc phục, sửa chữa tại công đoạn gặp sự cố cho Chủ cơ sở. • Bộ phận sản xuất: sau khi kiểm tra chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn, tiến hành sản xuất lại.
II	Phối hợp với các đơn vị bên ngoài khi sự cố vượt tầm kiểm soát của Công ty	
1	Người điều hành trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố	Khi xác định sự cố vượt tầm kiểm soát, xử lý, người điều hành trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố thông báo cho các đơn vị bên ngoài để hỗ trợ.
2	Các đơn vị thi công, sửa chữa	Khi đến cơ sở sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. Thực hiện triển khai sửa chữa tại công đoạn gặp sự cố.

Ngoài ra, cơ sở thực hiện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục khi xảy ra sự cố như sau:

- Định kỳ kiểm tra các ống dẫn nước và thông tắt ống kịp thời khi có sự cố.
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị hỗ trợ hệ thống xử lý như bơm, đồng hồ đo lưu lượng.
- Bố trí nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải và được tập huấn về chương trình vận hành, bảo dưỡng của hệ thống.
- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.
- Thực hiện quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải cho trạm xử lý nước thải.

- Lập sổ nhật ký vận hành HTXLNT để theo dõi hoạt động của các máy móc thiết bị hằng ngày, tình trạng sử dụng hóa chất,...

Trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ bị mài mòn, thường xuyên hư hỏng do trong quá trình vận hành HTXLNT. Do đó, các thiết bị hư hỏng sẽ được thay thế kịp thời khi phát hiện hư hỏng.

e. Sự cố đối với khu chất thải rắn

Sự cố về khu chứa chất thải rắn: chất thải rắn nếu không được lưu trữ theo quy định có thể bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, nếu kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ khi xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động lớn đến môi trường, con người và tài sản.

Phát tán tại chỗ: Do rò rỉ thiết bị chứa,... dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa, với số lượng lớn sẽ phát tán ra môi trường.

Phát tán cường bức: Do khu chứa có chất dễ cháy, nổ, hoặc được xây dựng cạnh các thiết bị có khả năng phát nổ... trong quá trình sản xuất vô tình gây nổ kho chứa vì một lý do nào đó nêu trên dẫn đến chất thải nguy hại theo sức ép của vụ nổ mà phát tán mạnh ra môi trường xung quanh, không theo diễn biến cố định ảnh hưởng lớn đến tài sản, tính mạng con người cũng như môi trường xung quanh.

Quy trình ứng phó sự cố môi trường:

Số lượng nhân lực tham gia ứng phó: 05 người.

Các bước xử lý:

- Bước 1: Báo động.
- Bước 2: Xác định nguồn phát tán, rò rỉ và ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng.
- Bước 3: Xử lý việc phát tán, tràn đổ chất thải. Trong quá trình thực hiện chú ý công tác cháy nổ, chống điện giật....
- Bước 4: Trong trường hợp vượt quá khả năng của Dự án, Chủ dự án tiến hành thông báo ngay cho chính quyền địa phương, cơ quan Thường trực (Sở Tài nguyên và Môi trường), đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố xảy ra.

7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Tác động đến hệ sinh thái kênh TN1-16T

Kênh TN1-16T được người dân sử dụng với nhiều mục đích khác nhau nên chất lượng của nước kênh sẽ ảnh hưởng lớn đến con người và cả các loài sinh vật sống dưới

suối. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước kênh, Chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp sau:

- Nước thải đầu ra của cơ sở sẽ cam kết đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn đạt QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$), không để nước thải chưa qua xử lý chảy ra kênh.

Khai thác nguồn nước ngầm

Cơ sở đã được cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 4407/GP-STNMT ngày 08/07/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp.

Cơ sở sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, quy trình bảo vệ nguồn nước dưới đất theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cơ sở đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng trên đường ống dẫn tại miệng giếng và bố trí nhân công tiến hành quan trắc đo lưu lượng, mực nước tĩnh, mực nước động để ghi vào sổ nhật ký theo dõi hàng ngày, đồng thời sẽ đóng các loại thuế phí đầy đủ từ việc khai thác tài nguyên nước ngầm.

Trong thời gian khai thác Nhà máy tiến hành quan trắc mẫu nước định kỳ để theo dõi chất lượng nước tại giếng sử dụng.

Không bố trí công trình có khả năng phát sinh nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước trong bán kính 30m tính từ giếng khai thác.

8. Các nội dung thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt

Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh đã thực hiện theo đúng Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt và các thay đổi so với xác nhận hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tại văn bản số 48/STNMT-CCBVMТ ngày 05/01/2015 như sau:

Bảng III-16. Nội dung của cơ sở đã điều chỉnh, thay đổi so với hồ sơ phê duyệt

TT	Nội dung	Phương án đề xuất trong Đề án BVMT	Điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Lý do thay đổi
1	Quy trình xử lý nước thải	Nước thải → Bể phân hủy kỵ khí Biogas 1 → Bể phân hủy kỵ khí biogas 2 → Bể thu gom → Bể lọc kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận	Nước thải → Bể thu gom và tách cặn → Hàm Biogas 1 → Hàm bom → Hàm Biogas 2 → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Khử trùng → Nguồn tiếp nhận.	Do Bể biogas cũ của Nhà máy đã xuống cấp nên Công ty có xin phép và xây dựng nâng cấp cải tạo bể biogas 2 thay thế cho bể đã xuống cấp (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận tại văn bản số 3077/STNMT-BVMT ngày 18/05/2022). Bên cạnh đó, Cơ sở cũng đã rà soát lại toàn bộ hệ thống xử lý nước thải để cải tạo nâng cấp các hạng mục đã xuống cấp như sau: - Xây dựng thêm bể thu gom và lắng cặn. - Lược bỏ bể lọc kỵ khí. Việc xây dựng thêm bể thu gom và lắng cặn sẽ làm giảm nồng độ TSS đầu vào cho các công trình tiếp theo làm tăng hiệu quả xử lý nước thải. Trong công nghệ xử lý nước thải đã sử dụng 02 hàm Biogas, do đó mặc dù lược bỏ bể lọc kỵ khí nhưng vẫn đảm bảo xử lý đạt quy định trước khi thải ra môi trường. Ngày 09/05/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải sau HTXLNT của Nhà máy cho thấy các chỉ tiêu ô nhiễm đều đạt so với quy chuẩn quy định. Như vậy, cho thấy hệ thống nước thải tại cơ sở hoạt động ổn định và hiệu quả.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh khu vực xưởng sản xuất của 20 nhân viên, lưu lượng 1,6m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải từ công đoạn rửa, ngâm của, với lưu lượng 63,9m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải công đoạn lắng, lưu lượng 112,5 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải công đoạn rửa thiết bị, lưu lượng 3,6 m³/ngày đêm.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa của cơ sở là 181,6 m³/ngày đêm tương đương 7,56m³/giờ.

1.3. Dòng nước thải

Chủ cơ sở đề nghị cấp phép 01 dòng nước thải bao gồm:

- Dòng nước thải số 01: Nguồn số 01, nguồn số 02, nguồn số 03 và nguồn số 04 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở có công suất 300m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh TN1-16T vị trí K0+450 (bờ tả) thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở sau khi qua HTXLNT tập trung công suất 200 m³/ngày đêm đạt QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của Dự án được trình bày chi tiết tại bảng sau:

Bảng IV-17. Bảng các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 63:2017/BTNMT (cột A)	QCVN 63:2017/BTNMT (cột A) $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$
01	pH	-	6 – 9	6 – 9
02	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	99
03	BOD ₅	mg/l	50	49,5
04	COD	mgO ₂ /l	200	198
05	Xianua	mgO ₂ /l	0,07	0,0693

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 63:2017/BTNMT (cột A)	QCVN 63:2017/BTNMT (cột A) $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$
06	Tổng Nito	mg/l	40	39,6
07	Tổng Phospho	mg/l	10	9,9
08	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	3.000

(Nguồn: QCVN 63-MT:2017/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn)

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung tại cơ sở có công suất 200 m³/ngày.đêm theo đường ống chảy kênh TN1-16T vị trí K0+450 (bờ tả) thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 200 m³/ngày.đêm, lắp đặt đường ống PVC D250mm dài 50m từ hố ga sau HTXLNT dẫn dọc theo đường dẫn ra kênh TN1-16T vị trí K0+450 (bờ tả) thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3°):

Điểm đầu vào: (X;Y) = (573.547; 1.242.686)

Điểm đầu ra: (X;Y) = (573.568; 1.242.674)

Điểm xả thải: (X;Y) = (573.798; 1.242.792).

- Phương thức xả thải: tự chảy, xả ngầm.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy rửa củ;
- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy nghiền;
- Nguồn số 03: phát sinh từ khu vực Hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi 3°:

- Vị trí số 01: Tương ứng nguồn số 01: X = 573.798,5; Y = 1.242.551,0
- Vị trí số 02: Tương ứng nguồn số 02: X = 573.815,6; Y = 1.242.568,1
- Vị trí số 03: Tương ứng nguồn số 03: X = 573.816,3; Y = 1.242.593,7.

2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

2.3.1. Tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

2.3.2. Độ rung

Độ rung phát sinh không đáng kể, nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

3.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn

- Nguồn số 1: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở.
- Nguồn số 2: Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất của cơ sở.
- Nguồn số 3: Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày của công nhân viên.

3.2. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh tối đa

- Nguồn số 1: Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tối đa như sau:

Bảng IV-18. Bảng thống kê khối lượng CTNH phát sinh tối đa của cơ sở

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	6	16 01 06
2	Bao bì mềm	Rắn	10	18 0 101
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	14	18 02 01
Tổng			30	

- Nguồn số 2: Chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm bao bì phế thải, vỏ, bã mì.

Bảng IV-19. Bảng thống kê khối lượng CTRCNTT phát sinh tối đa của Dự án

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Vỏ mì, bã mì	14 03 03	Rắn	4.500.000
2	Bao bì phế thải	18 01 05	Rắn	200
Tổng khối lượng				4.520.000

- Nguồn số 3: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa khoảng 0,48tấn/năm.

Bảng IV-20. Bảng thống kê khối lượng CTRSH phát sinh tối đa của cơ sở

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải hữu cơ và rác thải phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày của nhân viên	0,48
Tổng khối lượng		152,88

3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

3.3.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

3.3.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

Việc lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu theo khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3.3.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho: 6 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có chất liệu tole, thiết kế theo dạng hình chữ nhật. Bên trong rộng, có cánh cửa mở tại 1 mặt và có thể chốt để đóng kín có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo,

phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Bố trí kho/khu vực lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu theo khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3.3.1.3. Biện pháp xử lý

- Chất thải nguy hại được thu gom, lưu trữ trong các thùng nhựa, đậy kín, không bị hư hỏng, đổ vỡ. Trước khi vận chuyển, bao bì, thùng chứa đựng CTNH được dán nhãn theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

3.3.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

3.3.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì 50kg.

3.3.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời

- Diện tích 25 m²

+ Thiết kế, cấu tạo: Chất thải rắn được chứa trong các bao buộc kín miệng, được đặt trên các tấm pallet nhựa. Các pallet nhựa được đặt lên trên nền bê tông, đảm bảo nền không bị ngập.

3.3.2.3. Biện pháp xử lý

- Các vỏ, bã mì... được thu gom vào các bao 50kg buộc chặt miệng và chứa vào khu vực chứa chất thải rắn cố định trong nhà xưởng và hằng ngày bán cho các hộ chăn nuôi tại địa phương.

3.3.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Đối với kết quả quan trắc môi trường định kỳ trong 2 năm liên kế của Cơ sở, trong quá trình hoạt động, cơ sở đã làm thất lạc, không đầy đủ các kết quả mẫu phân tích nên báo cáo chỉ tổng hợp các kết quả như sau:

Vị trí lấy mẫu, điều kiện lấy mẫu các thông số đo đạc và phân tích được trình bày như sau:

Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.

Vị trí lấy mẫu: nước thải sau HTXL.

Thời gian lấy mẫu:

Năm 2022: ngày 16/04/2022.

Năm 2023: ngày 09/05/2023.

Kết quả đo đạc phân tích chất lượng nước thải:

Bảng V-1. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 63:2017/BTNMT (cột A) $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$
01	pH	-	6,72	6 – 9
02	Chất rắn lơ lửng	mg/l	36	99
03	BOD ₅	mg/l	21	49,5
04	COD	mg/l	43	198
05	Xianua	mg/l	KPH	0,0693
06	Tổng Nitơ	mg/l	18,8	39,6
07	Tổng Phospho	mg/l	1,37	9,9
08	Sunfua	mg/l	KPH	-

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Bảng V-2. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 63:2017/BTNMT (cột A) $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$
01	pH	-	6,51	6 – 9
02	Chất rắn lơ lửng	mg/l	15	99
03	BOD ₅	mg/l	25	49,5

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 63:2017/BTNMT (cột A) $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$
04	COD	mg/l	39	198
05	Xianua	mg/l	KPH	0,0693
06	Tổng Nito	mg/l	4,53	39,6
07	Tổng Phospho	mg/l	0,249	9,9
08	Tổng Coliform	MPN/100ml	460	3.000

(Nguồn: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh)

Nhận xét: Từ kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, ta thấy các chỉ tiêu ô nhiễm đều đạt giá trị giới hạn cho phép của QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A, hệ thống xử lý hoạt động ổn định và hiệu quả, nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

Căn cứ điểm h Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm đối với các công trình xử lý nước thải (do đã có Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số số 145/GP-STNMT ngày 08/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp). Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, hệ thống xử lý nước thải có thay đổi so với hồ sơ đã phê duyệt, nên Cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm như sau:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng VI-3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

TT	Hạng mục công trình vận hành thử nghiệm	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm		Công suất	
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Thiết kế lắp đặt	Thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
I	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI				
1	Công trình xử lý nước thải	03/05/2024	31/05/2024	200m ³ /ngày.đêm	200 m ³ /ngày.đêm

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải

Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

Bảng VI-4. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường

STT	Giai đoạn	Thời gian lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu
1	Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định	Ngày 14/05/2024 – 15/05/2024 (3 ngày) - Đợt 1: 14/05/2024 - Đợt 2: 15/05/2024 - Đợt 3: 16/05/2024	- Tần suất: 1 ngày/lần - Số đợt lấy mẫu: 3 đợt - Thời điểm lấy mẫu: mẫu đơn, bao gồm 01 mẫu nước thải đầu vào, 01 mẫu nước thải đầu ra Đợt 1 và 01 mẫu nước thải đầu ra Đợt 2, Đợt 3.

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lực Thiên Việt Nam)

Quy chuẩn so sánh: QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột B, (Kq=0,9; Kf=1,1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn.

1.2.2. Vị trí đo đạc, lấy mẫu các loại chất thải

Bảng VI-5. Vị trí đo đạc, lấy mẫu nước thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ vị trí	Chỉ tiêu phân tích	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải đầu vào (tại bể thu gom)	X= 573.547; Y= 1.142.688.	Lưu lượng pH; BOD ₅ ; COD; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng nitơ;	QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột B, (Kq=0,9; Kf=1,1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn
2	Nước thải đầu ra (tại hồ ga sau HTXLNT)	X= 573.568; Y= 1.242.674.	tổng phot pho; tổng Xianua; tổng coliforms	

1.2.3. Tổ chức dự kiến phối hợp thực hiện lấy mẫu chất thải

Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh sẽ phối hợp với các đơn vị, các Công ty (đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu) có đủ điều kiện quan trắc đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép theo quy định.

Thông tin về một số đơn vị phân tích mẫu như sau:

- Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam:
 - + Địa chỉ: Số 1358/21/5G Quang Trung, phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Điện thoại: 028.62959784 Fax: 028.62959783

- Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số vimcert 039 kèm theo Quyết định số 038/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2021.

Quyết định và giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc của đơn vị quan trắc được đính kèm ở Phụ lục 1.2.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ

❖ Quan trắc nước thải

Các chỉ tiêu giám sát: lưu lượng pH; BOD₅; COD; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng nitơ; tổng photpho; tổng Xianua; tổng coliforms.

Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Vị trí số 01: Nước thải đầu vào:

Tọa độ: X= 573.547; Y= 1.242.686.

- Vị trí số 02: Nước thải sau xử lý:

Tọa độ: X= 573.568; Y= 1.242.674.

Tần suất giám sát và quy chuẩn so sánh:

- Đối với thông số lưu lượng Q (m³/ngày.đêm): 01 lần/ngày, thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải.
- Đối với các thông số còn lại: 06 tháng/lần; QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A, (Kq=0,9; Kf=1,1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn.

❖ Quan trắc chất thải rắn

Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại kèm theo chứng từ chuyên giao, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Tần suất giám sát:

- Phụ phẩm (vỏ, bã mì): 1 ngày/lần.
- Các loại phế liệu: 06 tháng/lần.
- Chất thải nguy hại: 06 tháng/lần.

Vị trí giám sát: Khu vực chứa chất thải rắn thông thường, kho chất thải nguy hại.

Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng lắp quan trắc tự động, liên tục.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng VI-6. Dự trù kinh phí giám sát môi trường

TT	Mẫu giám sát	Số lượng mẫu	Đơn giá (đồng/mẫu)	Tần suất giám sát	Thành tiền (Đồng)
1	Nước thải	04	1.800.000	6 tháng/lần	7.200.000
2	Viết Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (1 lần/năm)				5.000.000
3	Chi phí tạm tính xăng xe 4 lần lấy mẫu				2.000.000
Tổng kinh phí giám sát môi trường tạm tính cho 1 năm					14.400.000

Vậy tổng kinh phí quan trắc định kỳ hằng năm của Nhà máy là: 14.400.000 đồng.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI CƠ SỞ

❖ **Các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với Cơ sở trong 02 năm gần nhất, trước thời điểm lập báo cáo:**

Cơ sở chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Ngày 04/07/2022, Cơ sở bị xử phạt hành chính theo Quyết định số 1423/QĐ-XPHC của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc vi phạm hành chính có xả nước thải chứa các thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải. Công ty đã chấp hành đóng vi phạm hành chính theo văn bản xử phạt (*biên lai đóng phạt được đính kèm phụ lục 1.1*) và chủ cơ sở đã thực hiện rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về môi trường và nước thải sau xử lý đạt giới hạn cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Ngày 09/05/2023, Căn cứ theo Thông báo số: 1325/TB-STNMT ngày 03/03/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Cơ sở chế biến mì rầm Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh, Sở Tài nguyên và môi trường đã lấy mẫu nước thải sau HTXL của cơ sở, kết quả phân tích cho thấy nước thải đạt quy chuẩn QCVN 63:2017/BTNMT, (cột A). (*phiếu kết quả đính kèm Phụ lục 1.2*).

Ngày 19/05/2023, theo biên bản vi phạm công trình thủy lợi của Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy Lợi Tây Ninh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc cơ sở đặt ống xả nước thải ra kênh TN1-16T làm sặc lở bờ kênh và Giấy phép xả thải đã được cấp của cơ sở không đúng thực tế xả thải. Hiện tại, Cơ sở đã khắc phục xây dựng cho ống thoát theo đúng thiết kế kỹ thuật của thủy lợi, đảm bảo an toàn cho kênh và thực hiện lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường để chỉnh sửa vị trí xả nước thải thực tế.

Hiện tại, qua các đợt kiểm tra cơ sở đã khắc phục được các nội dung tồn tại đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Nhà máy.

Để hạn chế tối đa các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động, cơ sở vẫn thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường như sau:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi đầu xả ra nguồn tiếp nhận.
- Định kỳ kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải xung quanh cơ sở;
- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, Chủ cơ sở sẽ thực hiện báo cáo quan trắc định kỳ, tiến hành khảo sát, đo đạc và phân tích chất lượng nước thải để tổng hợp đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường trong khu vực đảm bảo tiêu chuẩn môi trường hiện hành và kịp thời đưa ra biện pháp xử lý khi có vấn đề phát sinh.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thật; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

- Cam kết tuân thủ đúng Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của Nhà nước liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường.
- Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 63-MT:2017/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận kênh TN1-16T vị trí K0+450 (bờ tả) thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.
- Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại CTRSH, chất thải rắn sản xuất thông thường và CTNH phát sinh, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.
- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành cơ sở, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước và UBND tỉnh Tây Ninh.
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

Trên đây là Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án “Cơ sở chế biến mì rắm” kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh xem xét, thẩm định và phê duyệt./.

Trân trọng!

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1.1:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Bản sao quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.
- Các giấy tờ pháp lý liên quan.

Phụ lục 1.2:

- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại Dự án.
- Quyết định và giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc của đơn vị quan trắc.

Phụ lục 1.3:

- Bản vẽ sơ đồ vị trí dự án.
- Bản vẽ sơ đồ mặt bằng tổng thể.
- Bản vẽ thu gom và thoát nước mưa.
- Bản vẽ thu gom và thoát nước thải.
- Bản vẽ hoàn công Hệ thống xử lý nước thải.
- Sơ đồ giám sát môi trường.

PHỤ LỤC I.1

GIẤY TỜ PHÁP LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

1. Tên doanh nghiệp

2. Địa chỉ trụ sở chính

4. Vốn đầu tư 4.500.000.000 đồng

6. Chủ doanh nghiệp

7. Thông tin về chi nhánh

8. Thông tin về văn phòng đại diện

9. Thông tin về địa điểm kinh doanh

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Ngọc Nhung

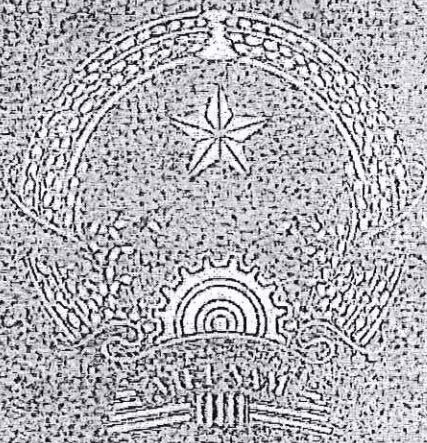




ĐÃ ĐỐI CHIẾU BẢN C...
Ngày... tháng... năm 20...

NV kiểm tra:

Lê Quốc Việt



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

36/30 8354/03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH - TỈNH TÂY NINH

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông Đoàn Minh Thanh

Sinh năm 1963, Số CMND: 290078749 cấp ngày 04/6/2007 tại Công an tỉnh Tây Ninh

Bà Châu Thị Xà

Sinh năm 1964, Số CMND: 290166971 cấp ngày 17/5/2007 tại Công an tỉnh Tây Ninh

Địa chỉ thường trú: ấp Long Hải, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 88

2. Tờ bản đồ số: 28

3. Địa chỉ thửa đất: ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

4. Diện tích: 2.585,7 m²

Bằng chữ: Hai ngàn năm trăm tám mươi lăm phẩy bảy mét vuông

5. Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 2.585,7 m²

+ Sử dụng chung: 0 m²

6. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa

7. Thời hạn sử dụng đất: 11/2016

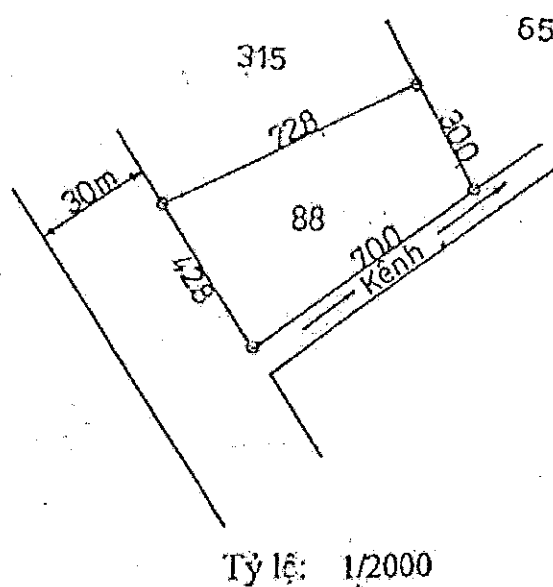
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất

1902



Ngày 09 tháng 02 năm 2009
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Đức

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H04460/05

VI - Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lưu ý: Không được tự ý gỡ bỏ trang bổ sung giấy CNQSDB (này) khi bị mất hoặc hư hỏng phải báo ngay với cơ quan cấp giấy.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Số: 2833/QĐ-UBND



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tây Ninh, ngày 11 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở chế biến
mì rằm thuộc Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BTNMT ngày 5/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định và hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở chế biến mì rằm tại ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh ngày 01/10/2014;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cơ sở chế biến mì rằm đã được hoàn chỉnh gửi kèm Văn bản số 03/CV ngày 17/11/2014 của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 4222/TTr-STNMT ngày 26 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của Cơ sở chế biến mì rằm (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

I.1. Cơ sở có vị trí tại ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.



1.2. Quy mô, công suất hoạt động: Cơ sở sản xuất 01 sản phẩm là bột mì rôm. Khối lượng nguyên liệu củ mì sử dụng trong sản xuất: 30 tấn củ mì/ngày (tương đương khoảng 15 tấn bột mì rôm/ngày).

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường.

2.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.4. Trong thời hạn tối đa là 06 tháng kể từ ngày ký Quyết định này Doanh nghiệp phải hoàn thành các nội dung sau: Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Tiến hành lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải; Tách riêng biệt hệ thống điện sử dụng cho sản xuất và xử lý chất thải; Thu gom, xử lý tạp chất phát sinh từ hoạt động sản xuất đúng theo quy định đảm bảo không làm rơi vãi, tồn đọng trong Cơ sở gây ô nhiễm môi trường; Hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước mưa.

2.5. Hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở phải được vận hành liên tục, đúng quy trình, công nghệ đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_f = 0,9$ và $K_f = 1,1$ trước khi thải ra môi trường.

2.6. Trong quá trình Cơ sở hoạt động phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về môi trường không khí xung quanh được quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

2.7. Thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp, bùn, đất và rác thải sinh hoạt trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

2.8. Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại của Cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.9. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

2.10. Diện tích đất trồng cây xanh phải đảm bảo ít nhất 20% tổng diện tích đất của Cơ sở.

2.11. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. Thực hiện đầy đủ chương trình quản lý và giám sát môi trường như Đề án được phê duyệt.

2.12. Đối với diện tích đất lúa chưa chuyển mục đích qua đất chuyên dùng (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn ghi mục đích sử dụng là đất lúa), Doanh nghiệp

chỉ được phép thực hiện khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

3. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu nội dung hoạt động của Cơ sở, nội dung của Đề án có thay đổi, Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh phải có văn bản báo cáo với UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

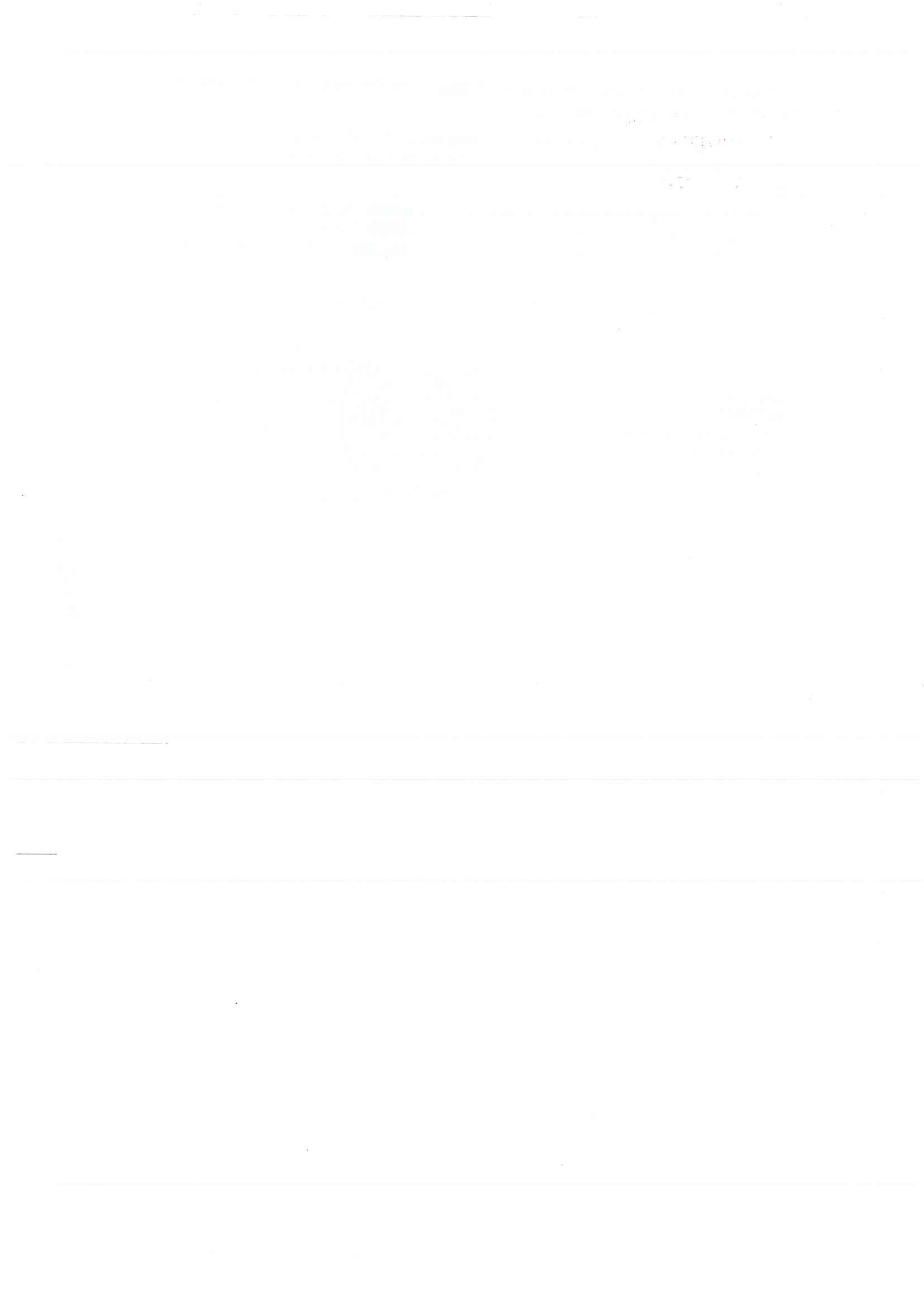
- CT, PCT Huỳnh Quang;
- Chủ dự án;
- Sở TNMT;
- UBND huyện Hòa Thành;
- UBND xã Trường Đông;
- LDVP-CVK;
- Lưu: VT

814b



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Quang





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2015

Số: 48/STNMT-CCBVMT
V/v xác nhận hoàn thành hệ thống xử lý
nước thải tại Cơ sở chế biến mì rằm thuộc
Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh

Kính gửi: Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 050/CV-DMT ngày 27/11/2014 của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) về việc đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành hệ thống xử lý nước thải, công suất 200 m³/ngày đêm đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A tại Cơ sở chế biến mì rằm, ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do Doanh nghiệp đầu tư. Ngày 12/12/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hòa Thành tiến hành kiểm tra thực tế hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy, kết quả:

Doanh nghiệp đã xây dựng hoàn chỉnh và lắp đặt đầy đủ các thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải sau bể phân hủy kỵ khí biogas, công suất 200 m³/ngày đêm tại Cơ sở với phương án thiết kế nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,1. Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý như sau:

Nước thải → Bể phân hủy kỵ khí biogas 1 → Bể phân hủy kỵ khí biogas 2 → Bể thu gom → Bể lọc kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng.

Nước thải sau xử lý xả thải ra ruộng thoát nước chảy về suối cầu Rạch Rẽ Dưới. Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý được thu gom về bể chứa bùn. Vào thời điểm Đoàn kiểm tra, Cơ sở thuộc Doanh nghiệp hoạt động với công suất 08 tấn củ/ngày (theo báo cáo của Doanh nghiệp).

Đoàn kiểm tra đã tiến hành lấy 01 mẫu nước thải sau xử lý (tại bể khử trùng). Kết quả: Tất cả các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,1 (Đính kèm Phiếu kết quả phân tích của Công ty TNHH khoa học công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam tại mã số: B042212-2).

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận cho Doanh nghiệp đưa hệ thống xử lý nước thải vào hoạt động nhưng phải cam kết thực hiện các nội dung sau:

- Hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở phải được vận hành liên tục và đúng quy trình, công nghệ đã thiết kế đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,1. Thu gom toàn bộ nước thải tại ao chứa hiện hữu về hệ thống xử lý để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra môi trường.

- Để dự phòng trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải hoạt động không hiệu quả hoặc bị sự cố, đề nghị Doanh nghiệp xây dựng phương án thu gom nước thải sau xử lý để kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải trước khi thải ra môi trường.

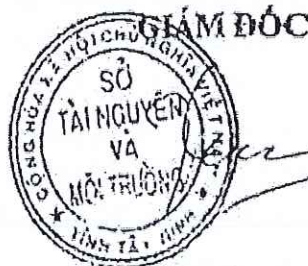
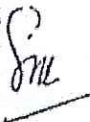
- Nhanh chóng thiết kế, thi công hành lang an toàn tại các bể xử lý nước thải, xây dựng hàng rào, lắp đặt biển báo nguy hiểm tại khu vực xử lý nước thải để đảm bảo an toàn cho con người. Nghiêm cấm người không có nhiệm vụ (hoặc không được phân công) vào hệ thống xử lý nước thải.

- Trong quá trình hệ thống xử lý nước thải hoạt động, Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch kiểm tra, lấy mẫu phân tích để đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý và báo cáo kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hòa Thành định kỳ ít nhất ba (03) tháng/lần. Nếu phát hiện chất lượng nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn quy định hoặc hệ thống xảy ra sự cố phải báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hòa Thành, UBND xã Trường Đông xem xét, giải quyết, ứng phó kịp thời không được tự ý xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn cột A ra môi trường.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được thu gom, lưu giữ và xử lý đúng theo quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - PTN&MT huyện Hòa Thành;
 - UBND xã Trường Đông;
 - Lưu: VT Sở, CCBVMT.
- Duyệt tham định



Nguyễn Đình Xuân

Chứng thực bản sao

đúng với bản chính

Vị chức thực... 295... Quyền số... 01... SCT/BS

Ngày... 02... tháng... 02... năm... 2017.

Chủ tịch UBND Xã Trường Đông



Tây Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của UBND tỉnh về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định 45/2015/QĐ-UBND ngày 10/9/2015;

Căn cứ Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh về việc công bố quy trình điện tử giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ, khôi phục và thu hồi các thủ tục thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh về việc công bố, công khai quy trình nội bộ giải quyết TTHC của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2483/GP-STNMT ngày 24/6/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho DNTN Đoàn Minh Thanh;

Xét Đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của DNTN Đoàn Minh Thanh, ngày 29/10/2020 và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 01 ngày 29/10/2020 của DNTN Đoàn Minh Thanh giải trình liên quan đến Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2483/GP-STNMT ngày 24/6/2015 hết hạn từ ngày 25/6/2018 đến nay.

Xét Báo cáo kết quả thẩm định ngày 05/01/2021 của Phòng Quản lý Tài nguyên nước và khoáng sản về kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả

nước thải chế biến mì rấm vào nguồn nước của DNTN Đoàn Minh Thanh tại ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. //

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cho phép DNTN Đoàn Minh Thanh địa chỉ tại ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh được xả nước thải từ hệ thống xử lý nước thải chế biến mì rấm vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý chảy vào hồ sinh học, ra mương thoát nước theo đường ống nhựa PVC $\Phi = 220\text{mm}$, đặt ngầm cách mặt đất 60cm, chảy về suối Cầu Rạch Rể Dưới thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Vị trí công trình xả nước thải: Trong phạm vi khu đất của DNTN Đoàn Minh Thanh tại ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ VN 2000 múi 3^o, KT 105^o30':

Điểm	Hệ tọa độ VN 2000 múi 3 ^o KTT 105 ^o 30'	
	X	Y
Điểm đầu vào	573.547	1242.686
Điểm đầu ra	573.568	1242.714
Điểm xả thải	573.798	1242.792

(có sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải kèm theo)

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng nước thải lớn nhất là: 200 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Đạt QCVN 63:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn, cột A.

7. Thời hạn của giấy phép: 03 (ba) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với DNTN Đoàn Minh Thanh:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận định kỳ sáu (06) tháng một (01) lần.

3. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều này.

4. Cam kết không xả nước thải chưa đạt QCVN 63:2017/BTNMT, cột A vào nguồn nước, ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và tuân thủ các nghĩa vụ theo Quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

100
Mirth
at 10

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do xả nước thải ra.

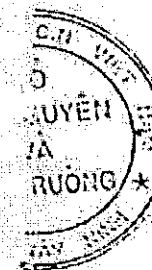
6. Đảm bảo không có đường ống xả nước thải ngầm.

Điều 3. DNTN Đoàn Minh Thanh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu DNTN Đoàn Minh Thanh còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục cấp giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:

- Cục quản lý TNN;
- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- UBND thị xã Hòa Thành;
- DNTN Đoàn Minh Thanh;
- Lưu: VT. Sở, PQLTNN&KS.



Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 100.../SL-ĐN-SINH.../2016-SINH...
15 tháng 4 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh, hết hạn ngày 15 tháng 4 năm 2021.

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh.

Xét báo cáo thẩm định ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Phòng Quản lý Tài nguyên nước & khoáng sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh, địa chỉ trụ sở chính tại ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh được khai thác nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ sinh hoạt và sản xuất tại Nhà máy chế biến mì rằm.

2. Vị trí công trình khai thác nước: Ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Tầng chứa nước khai thác: Pleistocen trung – thượng (qp₂₋₃).

4. Tổng số giếng khai thác: 05 giếng, gồm 04 giếng khai thác, 01 giếng dự phòng.

5. Tổng lưu lượng nước khai thác: 195 m³ /ngày đêm.

6. Thời hạn khai thác: 05 năm.

7. Chế độ khai thác: 312 ngày/năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của từng giếng cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN 2000, KTT 105°30', múi chiều 3°)		Lưu lượng (m ³ / ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Mức nước tĩnh (m)	Mức nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước
	X(m)	Y(m)			Từ	Đến			
G1	1242 564	573760	40	24	20	28	4	20	Pleistocen trung – thượng (qp ₂₋₃)
G2	1242567	573763	40	24	20	28	4	20	
G3	1242560	573760	40	24	20	28	4	20	
G4	1242576	573752	Dự phòng		20	28	4	20	
G5	1242569	573771	75	24	20	28	4	20	

Điều 2. Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh có trách nhiệm:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo nước theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Thiết bị quan trắc phải có giấy kiểm định của cơ quan quản lý đo lường chất lượng tiêu chuẩn Việt Nam và thông báo lần đầu với cơ quan thuế kèm theo hồ sơ khai thuế tài nguyên trong kỳ khai thuế gần nhất kể từ ngày lắp đặt xong thiết bị.

3. Thiết lập phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác: tối thiểu 20 m tính từ miệng các giếng khoan (trong phạm vi hiện trạng sử dụng đất); Phối hợp với UBND thị xã Hòa Thành, UBND xã Trường Đông và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa theo quy định;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật;

6. Hằng năm (trước ngày 31 tháng 01), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

8. Thông báo cho cơ quan chức năng giám sát việc trám lấp giếng theo quy định sau khi giấy phép hết hạn.

Điều 3. Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý TNN;
- UBND tỉnh;
- UBND thị xã Hòa Thành;
- Cục thuế tỉnh Tây Ninh;
- Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh;
- Lưu: VT Sở, PQLTNN&KS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Minh Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 04 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số: 107/BB-VPHC lập ngày 30/5/2022 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Biên bản số 115/BB-XM lập ngày 06/6/2022 xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính;

Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-GQXP ngày 01/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh

Địa chỉ trụ sở: ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Mã số doanh nghiệp: 3901181886 đăng ký lần đầu ngày 28/2/2014 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Châu Thị Xà

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ doanh nghiệp

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m³/ngày (24 giờ) đến dưới

3. Quy định tại: Điểm b khoản 6 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ, mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, mức phạt tiền đối với tổ chức 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Người vi phạm hành chính có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm (khoản 1 Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính).

5. Các tình tiết tăng nặng: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể: Mức phạt tiền: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 13 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ:

+ Phạt tăng thêm 20% của mức phạt tiền đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 03 lần (TSS vượt 2,9 lần): $20\% \times 1 \times 100.000.000$ đồng = 20.000.000 đồng.

+ Phạt tăng thêm 50% của mức phạt tiền đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên (COD vượt 11,38 lần): $50\% \times 1 \times 100.000.000$ đồng = 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh phải nộp là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm;

+ Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này;

+ Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh có tên tại Điều này chi trả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2022.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho bà Châu Thị Xà là đại diện tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà không tự nguyện chấp hành

3
mọi sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt vào tài khoản số 7111, Mã số chương 4250, tiểu mục 4261 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh để thu tiền phạt.

3. Gửi cho UBND xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành; UBND thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh để biết.

4. Gửi cho Thanh tra Sở, Phòng Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thực hiện.

Nơi nhận *ĐTC*
- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ. *10*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến



BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Liên số: Lưu tại: Số seri: TNII12322

Số biên lai: 256222

Số tham chiếu: /6204

Thu phạt ☒ Nội dung phạt:
 Thu phí, lệ phí ☐ Tên loại phí, lệ phí:
 Thu thuế ☐

Người nộp thuế: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN

Mã số thuế/ số CMND/HC:

ĐỊA CHỈ: TRƯỜNG LƯU TRƯỞNG ĐÔNG TX HÒA

Huyện:

Tỉnh: Tỉnh Tây Ninh

THÀNH TN

Theo Quyết định số: 1423 ngày 04/07/2022

của UBND TỈNH TÂY NINH

Đơn vị nhận tiền:

STT	Nội dung các khoản nộp NS/Mã định danh hồ sơ (ID)	Số tiền
1	Thu phạt VPHC	172,890,000
Tổng cộng		172,890,000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng.

PHÂN NGÂN HÀNG GHI:

TK Nợ: 110101001

TK Có: 280701025

Số tiền nộp NSNN: 170,000,000

Phí: 0

VAT: 0

Số tiền phạt chậm: 2,890,000

Tổng tiền thu: 172,890,000

Ngày 19 tháng 08 năm 2022

Người nộp tiền

(Ký tên)

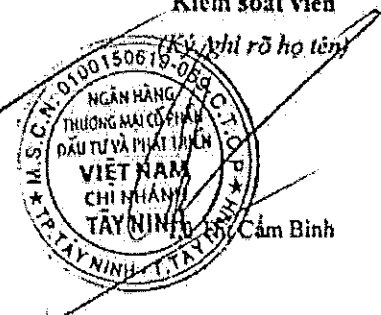
Giao dịch viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tú Anh



Cẩm Bình



DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kết quả khắc phục hậu quả vi phạm

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh;
- Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Tây Ninh.

Ngày 16/5/2022, Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Tây Ninh phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra, lập biên bản đối với Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh, địa chỉ: ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành đang thực hiện việc tác động đào lấy đất tại thửa đất số 41 tờ bản đồ số 28 thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành; mục đích sử dụng đất: đất trồng lúa, để lấy đất đắp bờ bao xung quanh làm ao chứa nước thải chế biến tinh bột khoai mì nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Ngày 15/6/2022, Thanh tra Sở Tài nguyên môi trường ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25/QĐ-XPHC đối với Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh do bà Châu Thị Xà, sinh năm 1964, ngụ ấp Long Hải, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành làm chủ, về hành vi vi phạm: hủy hoại đất cụ thể là làm biến dạng địa hình đất trong trường hợp diện tích đất bị hủy hoại từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, trong đó yêu cầu Doanh nghiệp khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với khu vực đất tại thửa đất số 41 tờ bản đồ số 28.

Tuy nhiên, ngày 17/5/2022 Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh có đơn xin làm hầm biogas để chứa nước thải chế biến tinh bột khoai mì tại thửa đất số 41 tờ bản đồ số 28 thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành và đã được Sở Tài nguyên môi trường phê duyệt cho chủ trương xây dựng bể biogas mới thay thế bể biogas cũ đã xuống cấp tại Cơ sở chế biến mì rầm của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh theo Công văn số 3077/STNMT-BVMT ngày 18/5/2022 của Sở Tài nguyên và môi trường.

Đến nay, Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh đã hoàn thành xong việc đào ao chứa nước thải chế biến khoai mì tại thửa đất số 41 tờ bản đồ số 28 và tiến hành ký hợp đồng với cơ quan chuyên môn thi công, lót bạc PE chống thấm đối với toàn bộ diện tích ao đất nêu trên để làm hầm biogas chứa nước thải chế biến khoai mì đúng theo quy định; đồng thời, doanh nghiệp sẽ hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất làm hầm chứa nước thải tại thửa đất số 41 tờ bản đồ số 28 nêu trên đúng theo quy định của pháp luật.

Báo cáo Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Tây Ninh, Phòng Cảnh sát môi trường tỉnh Tây Ninh năm./.

..., ngày.... tháng năm 2022


Đoàn Minh Thanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 31 tháng 8 năm 2023

Số: 233/TLTN-QLN

V/v thỏa thuận hoạt động trong phạm vi
bảo vệ công trình thủy lợi
kênh TN1-16 (tiêu)

Kính gửi: Châu Thị Xà

Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh nhận được Đơn đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của bà Châu Thị Xà.

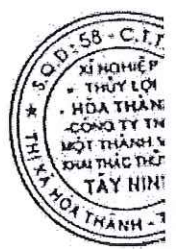
Ngày 29/8/2023, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh có tổ chức phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra vị trí xin xây dựng ống xả thải vào kênh TN1-16T của bà Châu Thị Xà. Qua nghiên cứu nội dung Đơn, bản vẽ thiết kế và Biên bản kèm theo, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh có ý kiến cụ thể như sau:

1. Kênh TN1-16T: có chiều dài 5.162 m (vị trí điểm đầu K0 của kênh tiêu này trùng với vị trí K8+540 của kênh TN1 thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành; vị trí Kc=K5.162 trùng với hạ lưu cầu rạch Rễ Dưới (Quốc lộ 22B) thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông thuộc ấp Trường Ân, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; đoạn K0+K0+250 là kênh tưới; đoạn K0+250 đến K5+162 là kênh tiêu; với diện tích thiết kế tiêu $F_{tk} = 218 \text{ ha} \div 607 \text{ ha}$, lưu lượng tiêu $Q_{tk} = 0,28 \div 2,428 \text{ m}^3/\text{s}$.

2. Vị trí xin xây dựng ống xả thải của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh vào kênh TN1-16T là vị trí K0+450 (bờ tả) thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có lưu lượng tiêu $Q_{tk} = 0,87$; có phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tính từ tìm kênh ra đến phạm vi vùng phụ cận: 8,04 m (bờ hữu); 8,28 m (bờ tả).

3. Theo Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 145/GP-STNMT ngày 08/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh địa chỉ ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh được xả thải từ hệ thống xử lý nước chế biến mì rầm vào nguồn nước có nội dung: "Về nguồn nước tiếp nhận: chảy về suối cầu rạch Rễ Dưới thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông".

Từ những nội dung trên cho thấy vị trí xin xả thải chưa xác định được vị trí (tọa độ) cụ thể. Lý do hiện nay suối cầu rạch Rễ Dưới thực tế là kênh TN1-16T do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh quản lý.



Do đó để tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động sản xuất của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh. Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh thống nhất đề bà Châu Thị Xà xây dựng ống xả thải vào kênh TN1-16T vị trí K0+450 (bờ tả) theo Đơn đề nghị của bà Châu Thị Xà.

Tuy nhiên để đảm bảo an toàn của công trình xả thải và kênh TN1-16T trong quá trình quản lý, vận hành khai thác và bảo vệ công trình nhằm phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo chất lượng của các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định. Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh có một số ý kiến như sau:

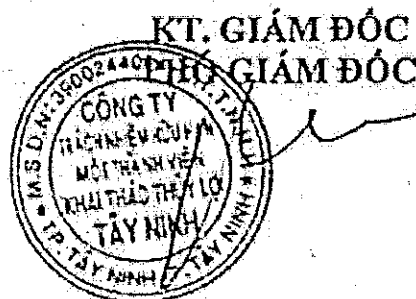
- Đề nghị Châu Thị Xà phối hợp với Đơn vị tư vấn thiết kế: điều chỉnh cao trình đáy ống xả thải vào kênh TN1-16T cách đáy kênh $h = 0,77$ m (bằng chiều cao cột nước thiết kế); Bản vẽ thiết kế bổ sung các thông số kỹ thuật theo quy định về công trình thủy lợi để phục vụ công tác thẩm định cấp phép; kiểm tra, giám sát, lấy mẫu về chất lượng thải theo quy định.

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất vị trí xả thải và công trình tiếp nhận nguồn nước để cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phù hợp với điều kiện thực tế và đúng theo quy định.

Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh đề nghị bà Châu Thị Xà hoàn chỉnh hồ sơ và liên hệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được cấp phép theo quy định/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng Kinh tế thị xã Hòa Thành;
- Chủ tịch Công ty;
- BGD Công ty;
- Xí nghiệp thủy lợi Hòa Thành;
- Lưu: VT, QLN.



Nguyễn Thanh Phong



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc khảo sát kênh TN1-16T theo nội dung đề nghị cấp giấy phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của bà Châu Thị Xà

Theo Giấy mời số 98/GM-TLTN ngày 23/8/2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh khảo sát kênh TN1-16 (tiêu) theo nội dung đơn đề nghị cấp giấy phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của bà Châu Thị Xà.

Hôm nay, ngày 29/8/2023. Đoàn kiểm tra, khảo sát kênh TN1-16T phục vụ công tác hướng dẫn hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được đảm bảo không làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, vận hành và an toàn công trình thủy lợi kênh TN1 theo quy định, với thành phần tham dự gồm:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

Ông Trần Quang Vinh, Chỉ cục Trưởng Chỉ cục Thủy lợi.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Vắng.

3. Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh

- Ông Trần Đình Thường, Trưởng phòng Quản lý nước và Công trình.

- Ông Phùng Minh Nhựt, Nhân viên kỹ thuật phòng Quản lý nước và Công trình.

4. Phòng Kinh tế thị xã Hòa Thành

Ông Nguyễn Quốc Hoàn, Phó phòng.

5. UBND xã Trường Đông

Ông Huỳnh Thanh Yên, phụ trách Giao thông Thủy lợi.

6. Xí nghiệp thủy lợi Hòa Thành

Ông Lê Thành Nhân, Giám đốc.

7. Đại diện bà Châu Thị Xà: ông Đoàn Minh Tánh (con).

Sau khi kiểm tra khảo sát vị trí xây dựng mới công tiêu vào kênh TN1-16T vị trí K0+450 và nội dung đơn đề nghị cấp giấy phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của bà Châu Thị Xà, Đoàn thống nhất nội dung như sau:

- Kênh TN1-16T: có chiều dài 5.162 m (vị trí điểm đầu K0 tại vị trí K8+540 kênh TN1 thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành; vị trí Kc = hạ lưu cầu rạch Rể Dưới (QL 22B) thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông thuộc ấp Trường An, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; đoạn từ K0 đến K0+250 là kênh tưới, đoạn từ K0+250 đến K5+162 là kênh tiêu diện tích thiết kế tiêu $F_{tk} = 218 \text{ ha} \div 607 \text{ ha}$, lưu lượng tiêu $Q_{tk} = 0,28 \div 2,428 \text{ m}^3/\text{s}$;

- Vị trí xin xây dựng công xả thải của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh



Thanh vào kênh TN1-16T tại vị trí K0+450 (bờ tả) có lưu lượng thiê kế Qtk = 0,87 m³/s, thuộc ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh có phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tính từ tìm kênh ra đến phạm vi vùng phụ cận: 8,04 m (bờ hữu); 8,28 m (bờ tả).

- Theo Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 145/GP-STNMT ngày 08/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh địa chỉ ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh được xả thải từ hệ thống xử lý nước chế biến mì rằm vào nguồn nước theo đó có nội dung: "Về nguồn nước tiếp nhận: chảy về suối cầu rạch Rẽ Dưới thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông".

Từ những nội dung trên cho thấy vị trí xin xả thải chưa xác định được vị trí (tọa độ) cụ thể. Lý do hiện nay suối cầu rạch Rẽ Dưới thực tế theo ngành Nông nghiệp là kênh TN1-16T do đó để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất của Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Minh Thanh đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp vị trí xả thải vào kênh TN1-16T để Sở Nông nghiệp và PTNT cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phù hợp với điều kiện thực tế và đúng theo quy định.

Biên bản kết thúc vào lúc 14. giờ cùng ngày, thành phần tham dự thống nhất ký tên/.

Thành phần tham dự

XMTL HÒA THÀNH

[Signature]
Lê Thanh Nhân

Phòng Kế hoạch

[Signature]

Nguyễn Quốc Hoàn

[Signature]

Nhân sự Huyện

GT PL Xã

[Signature]
Huỳnh Thị Xuân

Chi cục Thủy Lợi

[Signature]

Trần Quang Vinh

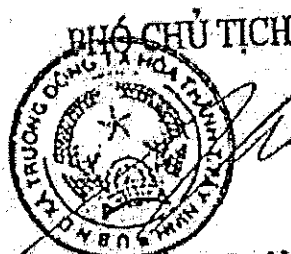
Đại diện doanh nghiệp

[Signature]

Đoàn Minh Thanh

Người ghi biên bản

[Signature]
Phùng Văn Nhứt



Trần Văn Hoàng



CÔNG TY TNHH MTV KHAI
THÁC THỦY LỢI TÂY NINH

TƯ NHÂN SỐ: /BB-VPCTr

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

BIÊN BẢN VI PHẠM CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Căn cứ Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 07 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về ban hành Quy định vi phạm vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Hôm nay, hồi 9 giờ 15, ngày 19 tháng 05 năm 2023, tại kênh vị trí (bờ:.....) thuộc xã (phường) Trảng Dông huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

I. Chúng tôi gồm:

A. Đơn vị quản lý thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh.

Ông (bà): Nguyễn Trọng Phú Chức vụ: P. Giám đốc XN;

Ông (bà): Ngô Hoàng Phú Chức vụ: N.V. kỹ thuật;

Ông (bà): Nguyễn Châu Ngọc Chức vụ: CN QL kênh;

B. Thành phần với sự chứng kiến của:

Ông (bà): Trần Văn Hoàng Nghề nghiệp/chức vụ: P. Chủ tịch xã FD

Địa chỉ:

Ông (bà): Nguyễn Trung Quốc Nghề nghiệp/chức vụ: C.B. GT. thủy lợi;

Địa chỉ:

C. Tiến hành lập biên bản vi phạm công trình đối với:

Ông (bà)/tổ chức: Lô mi Đoàn Minh Thành

Sinh ngày 18 tháng 03 năm 1987 Quốc tịch Việt Nam

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động S.X.K.D

Địa chỉ: Trảng Dông, Trảng Dông, TX. Hòa Thành

Giấy CMND/Quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh số: 072087008993

Cấp ngày 01/05/2021 Nơi cấp: CA Tây Ninh

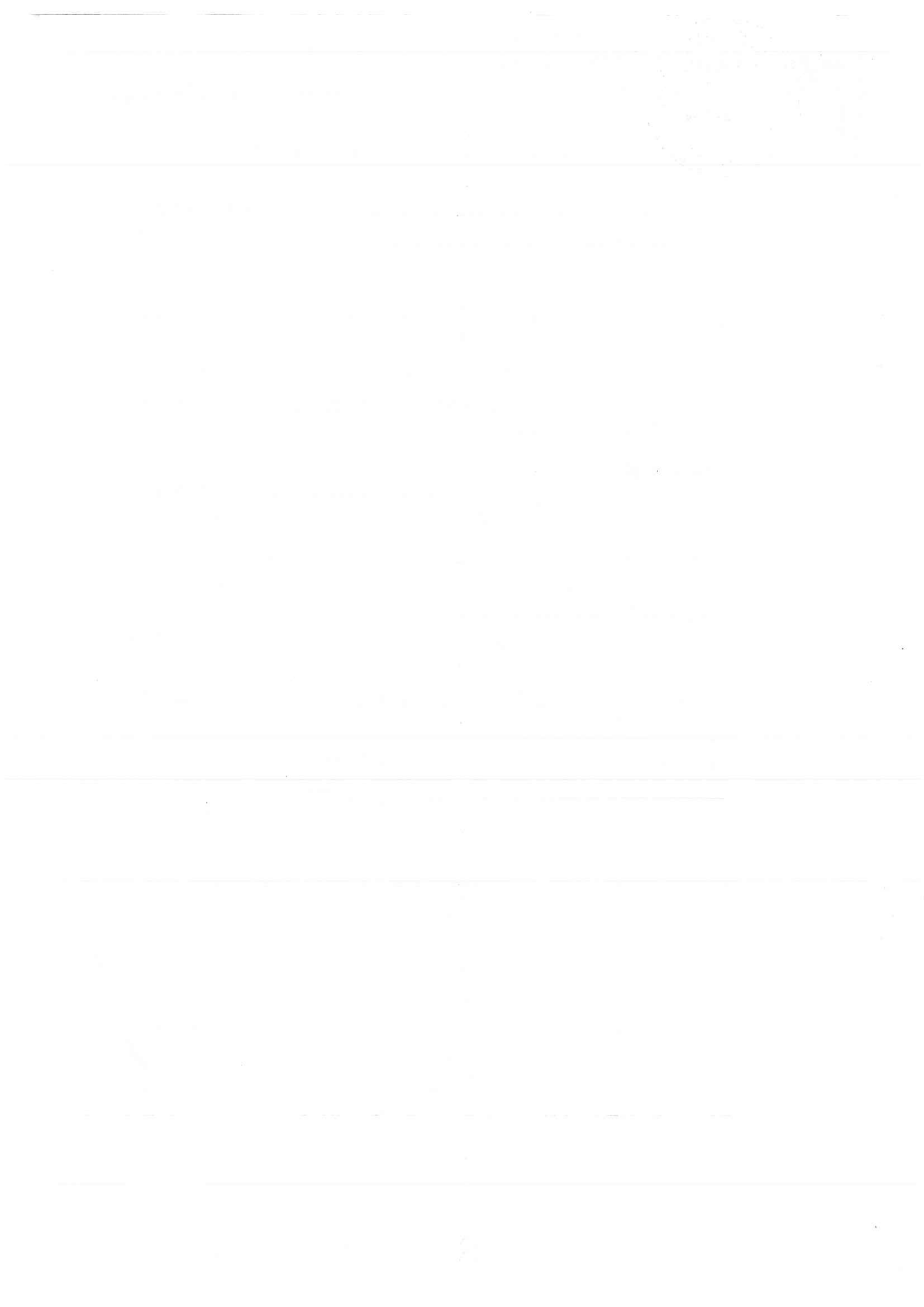
Đã có các hành vi vi phạm công trình: Trên kênh T.N.1-16.T. vị trí

KD + 450 bờ tả cu thi như sau

+ Đặt ống xả nước trên bờ kênh làm ảnh hưởng

đến bờ kênh độ 250mm

+ Giấy phép xả không đúng vị trí thực tế xả



h, ngày 28 tháng 1

Ý kiến của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:

Pháo đài vi phạm đã làm liên lạc... ban đầu
cho... liên lạc... kinh T.N. 1-16 T.

với Dự án

THAN

ur

Ý kiến của người chứng kiến:

Thông nhất cho... thời gian cho
03... tháng... và... cho... để... để...
phát triển... kinh... kinh... kinh...

Ý kiến của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm:

Cho... thời gian... trong... để... đi...
xa... thời... nước... kinh... và... để...
cũng... theo... theo... theo...
phương... đảm... an... cho...
trong... thời... kinh... để... để...

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm công trình và bảo đảm xử lý vi phạm
được áp dụng gồm:

Biên bản lập xong hồi 10... giờ... ngày 19... tháng 05... năm 2023 được
lập thành..... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có
tên trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; đã giao cho
người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC VI PHẠM

Đoàn Minh Tân

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
PHÓ CHỦ TỊCH

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

Nguyễn Trung Quốc

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Nguyễn Hoàng Phúc

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BỊ THIẾT HẠI

Shio
Nguyễn Trọng Phúc

PHỤ LỤC I.2

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 22.04.335/2-2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	23/04/2022 Trang/Page: 1/1
-------------------	---	-------------------------------

Yêu cầu/ Customer : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH
 Lấy mẫu/ Sampling location : Đầu ra hệ thống xử lý
 Địa chỉ/ Address : Ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh
 Tây Ninh
 Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải
 Mã mẫu/ Mark of sample : NT.041601
 Ngày (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 16/04/2022
 Thời gian thử nghiệm/ Date of testing : 18/04/2022 – 23/04/2022
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
 Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 63:2017/BTNMT CỘT A Kq=0,9; Kf=1,1
pH	—	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,72	6 – 9
SS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	36	49,5
BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	21	29,7
COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017 ^(*)	43	99
NH ₄ ⁺ -N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	2,95	-
Đồng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	1,37	9,9
Đồng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	18,8	49,5
Coli dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011 ^(*)	KPH (MDL=0,2)	-
yanua	mg/L	SMEWW 4500 CN-C&E:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,005)	0,0693
S ₂	mg/L	SMEWW 4500-S ₂ -C&D:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	-

Kiểm đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
 Chưa hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
 The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

1309001:2015 Giám đốc
 Director
 Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh
 Dương Hoàng Thành
 12-TP. Hồ Chí Minh



Số: 0377/KQTN-QTTNMT

Tây Ninh, ngày 15 tháng 5 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ : Số 606, Đường 30/4, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày nhận mẫu : 09/5/2023

Loại mẫu : Nước thải tại điểm xả sau hệ thống xử lý ra môi trường
của DNTN Đoàn Minh Thanh.

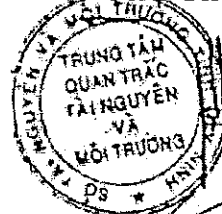
Mã số mẫu : 0912-23

Stt	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 63:2017/ BTNMT		Phương pháp phân tích
				Cột A	Cột B	
1	pH (nhiệt độ 28,8 °C) (**)	-	6,51	6 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	COD	mg/L	39	75	200	SMEWW5220.C:2017
3	BOD ₅	mg/L	25	30	50	TCVN 6001-1:2008
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (**)	mg/L	15	50	100	SMEWW 2540.D:2017
5	Tổng Nitơ (N)	mg/L	4,53	40	60	TCVN 6638:2000
6	Tổng Photpho (P)	mg/L	0,249	10	20	TCVN 6202:2008
7	Tổng xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH (< 0,002)	0,07	0,1	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017
8	Tổng Coliform (**)	MPN/100ml	4,6 x 10 ²	3.000	5.000	TCVN 6187-2:1996

PHÒNG PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

ĐẶNG THÁI HIẾU

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHAN KIM ĐỒNG

Ghi chú:

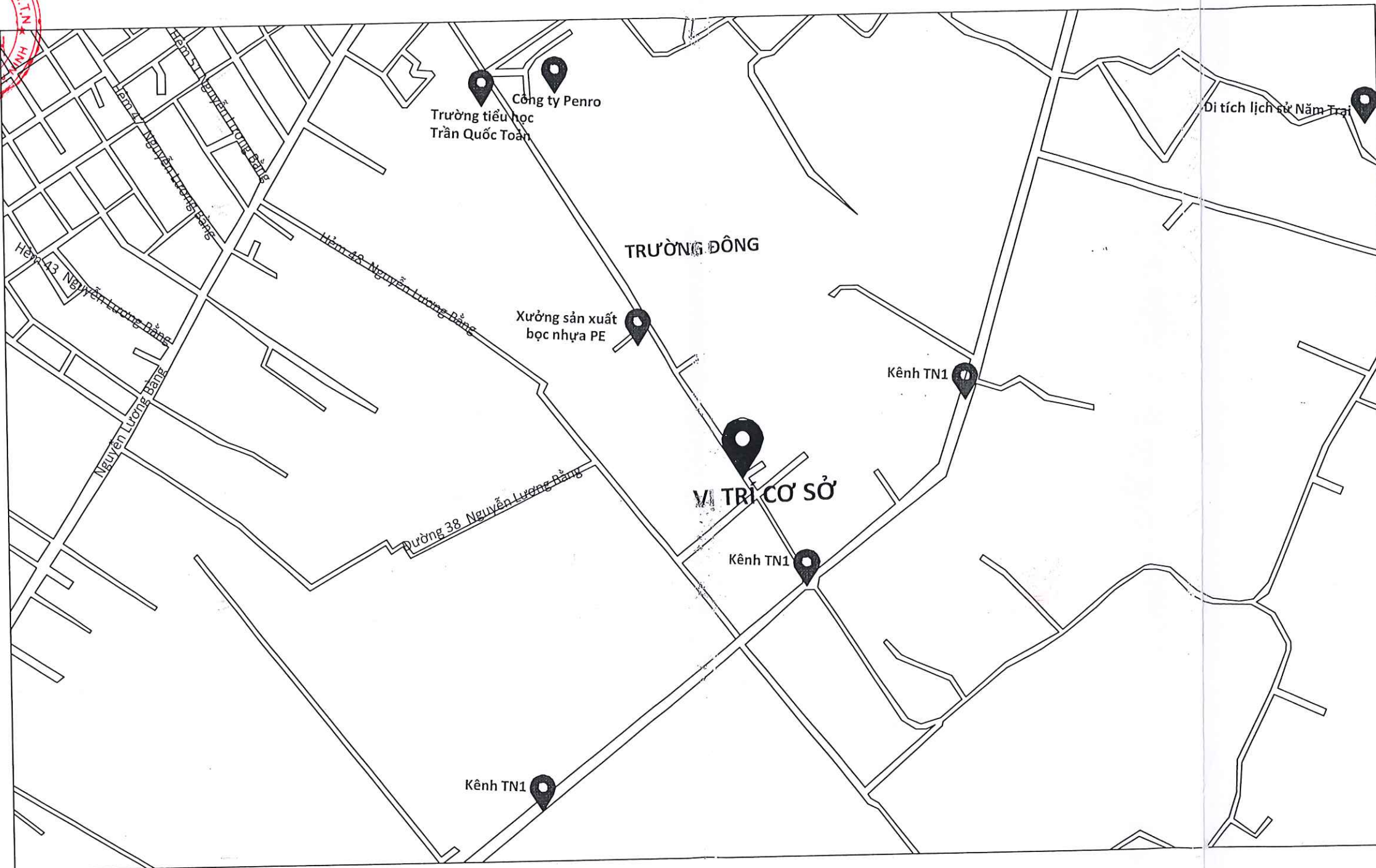
- KPH: Không phát hiện - (-): Không quy định
- Các phép thử được công nhận: (**): ISO/IEC 17025:2017 (VLAT 1.175)
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Thông tin ghi trên kết quả theo phiếu yêu cầu thử nghiệm của khách hàng hoặc biên bản lấy mẫu.
- Kết quả thử nghiệm này thực hiện đúng theo cam kết bảo mật tại trung tâm Quan trắc TN & MT

1/1

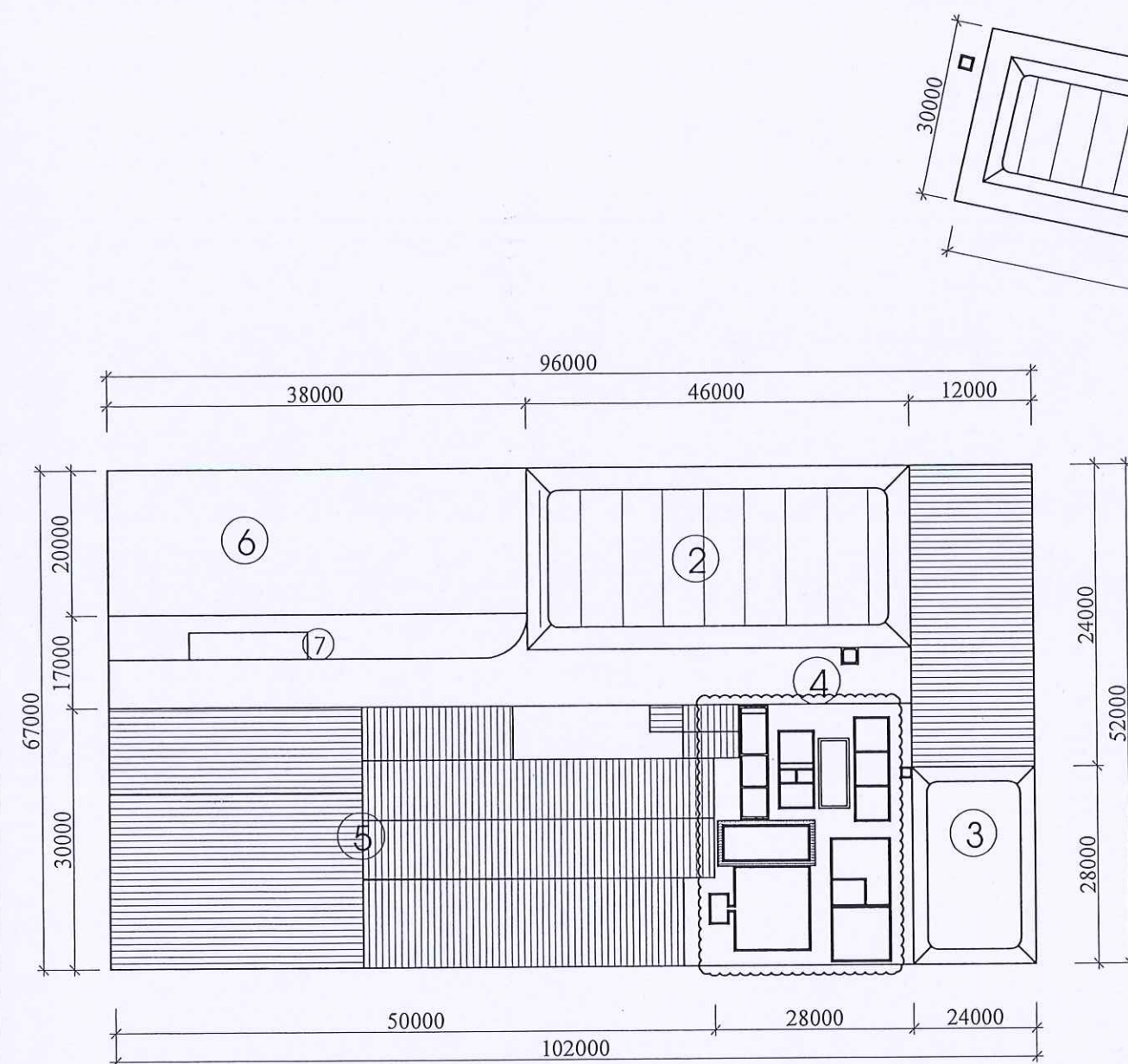
CHÍNH XÁC – KỊP THỜI – KHÁCH QUAN

PHỤ LỤC I.3

CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

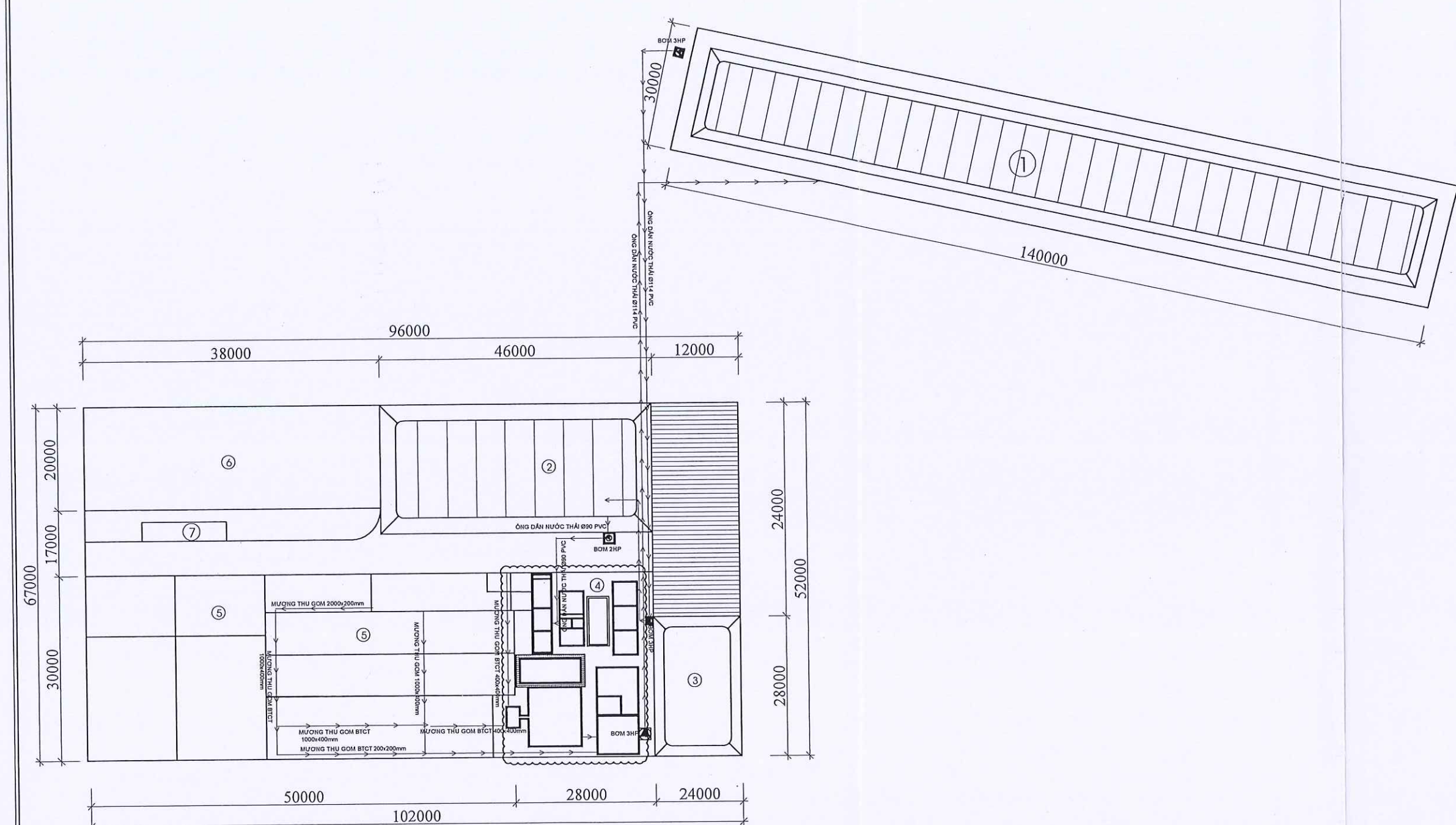


DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH Chủ hộ	ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG ĐÔNG, THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH		
	SƠ ĐỒ VỊ TRÍ DỰ ÁN		



SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ

KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
①	HẦM BIOGAS 1	⑤	KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT
②	HẦM BIOGAS 2	⑥	KHU VỰC NHÀ Ở
③	BỂ CHỨA BÙN	⑦	TRẠM CÂN
④	CỤM BỂ BTCT		



SƠ ĐỒ THU GOM NƯỚC THẢI

GHI CHÚ

KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
①	HẦM BIOGAS 1	⑤	KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT
②	HẦM BIOGAS 2	⑥	KHU VỰC NHÀ Ở
③	BỂ CHỨA BÙN	⑦	TRẠM CÂN
④	CỤM BỂ BTCT		

Mục đích phát hành / Issued for	
Thiết kế sơ bộ / Preliminary Design	☐
Trình duyệt / Browser	☐
Thi công / Construction	☐
Hiệu chỉnh / Correction	☐
Hoàn công / Completion of	☒
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH ĐOÀN MINH THANH	
CÔNG TRÌNH - PROJECT DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH	
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION Áp Trường Lưu, Xã Trường Đông, Thị xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh	
SƠ ĐỒ THU GOM NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ - DWG.TITLE	
TỶ LỆ - SCALE	1:100
NGÀY - DATE	05/01/2023
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO.	0501 - TV23
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.	02/04

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH

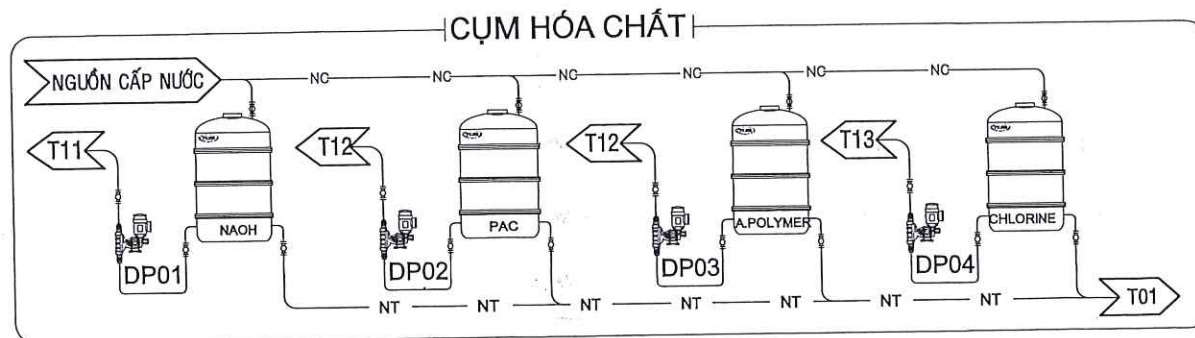
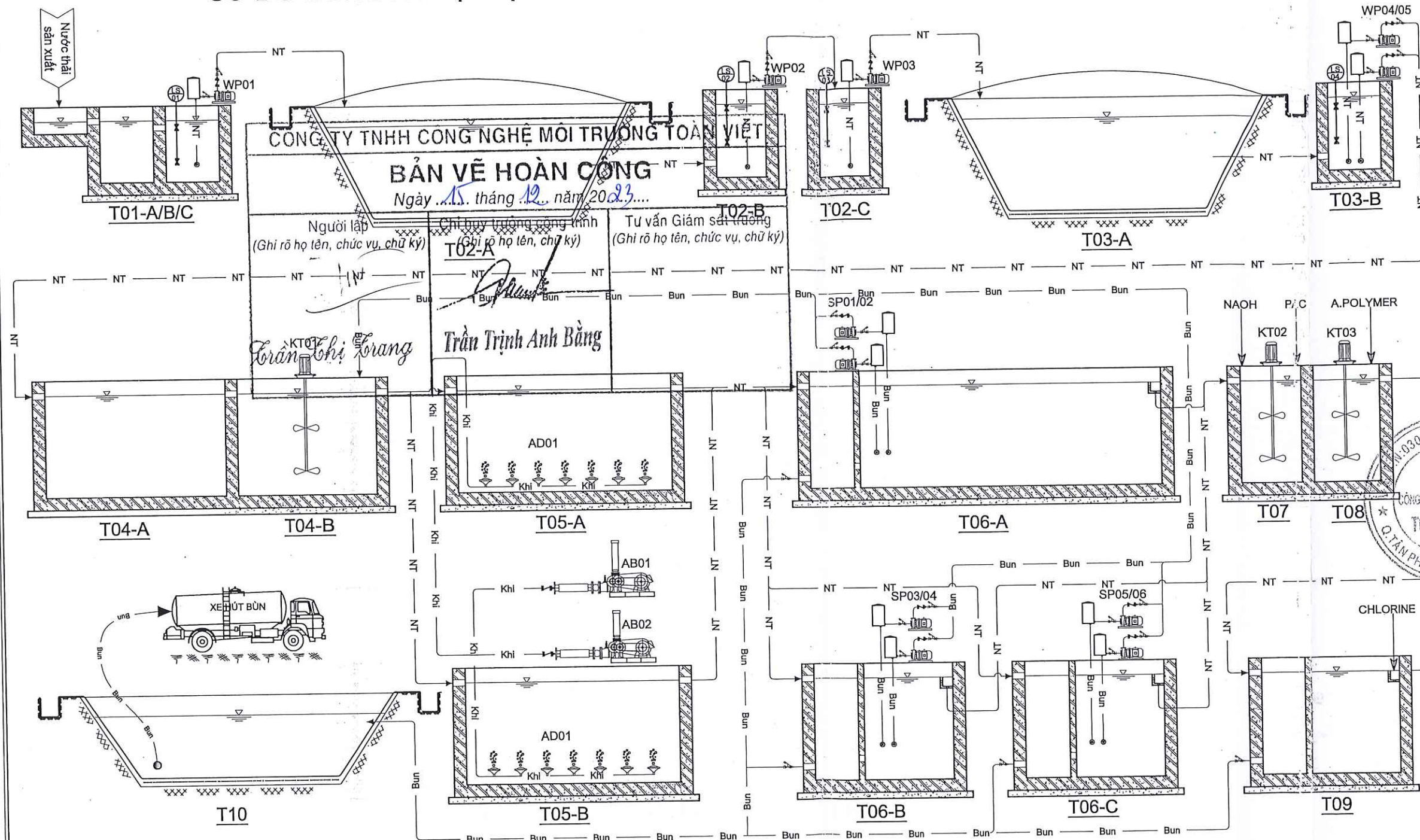
ĐỊA CHỈ: ÁP TRƯỜNG LƯU, XÃ TRƯỜNG ĐÔNG, THỊ XÃ HOÀ THÀNH, TỈNH TÂY NINH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

- CÔNG TRÌNH : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH
- HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 200M³/NGÀY.ĐÊM
- ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : ÁP TRƯỜNG LƯU, XÃ TRƯỜNG ĐÔNG, THỊ XÃ HOÀ THÀNH, TỈNH TÂY NINH
- CHỦ ĐẦU TƯ : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH
- NHÀ THẦU : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT
- ĐỊA CHỈ : SỐ 04 LÊ LIỄU, P.TÂN QUÝ, Q.TÂN PHÚ, TP.HCM
- ĐIỆN THOẠI : 028.62767340 - 028.62860172 - 0906800091

THÁNG 12 NĂM 2023

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 200M³/NGÀY.ĐÊM



CHÚ THÍCH

- NC — ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC CẤP
- NT — ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI
- HC — ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT
- Khí — ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
- Bùn — ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN

KÝ HIỆU BẢN VẼ

- THÙNG MÔI BƠM NƯỚC
- BƠM TRỤC NGANG
- BƠM ĐỊNH LƯỢNG
- MOTOR KHUẤY
- MÁY THỜI KHÍ
- BỒN CHỨA HÓA CHẤT
- PHAO BÁO MỨC NƯỚC
- ĐĨA THỜI KHÍ

PHẦN XÂY DỰNG

CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
T01-A/B/C	BỂ THU GOM VÀ TÁCH CẶN	T03-A	HẦM BIOGAS 2	T05-A/B	BỂ AEROTANK
T02-A	HẦM BIOGAS 1	T03-B	HẦM BƠM	T06-A/B/C	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02-B	HẦM BƠM	T04-A	BỂ ANOXIC	T07	BỂ KEO TỤ
T02-C	HẦM BƠM	T04-B	BỂ ANOXIC	T08	BỂ TẠO BÔNG

PHẦN THIẾT BỊ

CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
WP	BƠM NƯỚC THẢI	AD	ĐĨA THỜI KHÍ
SP	BƠM BÙN	KT	THIẾT BỊ KHUẤY TRỘN
AB	MÁY THỜI KHÍ	FM	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG
DP	BƠM ĐỊNH LƯỢNG	LS	PHAO BÁO MỨC NƯỚC

Mục đích phát hành / Issued for

Thiết kế sơ bộ / Preliminary Design	☐
Trình duyệt / Browser	☐
Thi công / Construction	☐
Hiệu chỉnh / Correction	☐
Hoàn công / Completion of	☒

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

ĐOÀN MINH THANH

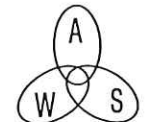
TU NHẬN

CHỦ HỌ

ĐOÀN MINH THANH

THÀNH - T. TÂY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - CONSULTING CONTRACTOR
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT
TOAN VIET ENVIRONMENTAL ENGINEERING CO., LTD



TV ENV ENGIN CO., LTD

Website : www.moitruongtoanviet.vn

Email : info@moitruongtoanviet.vn

Địa chỉ : 04 Lê Lợi, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM

Tel : 028.62767340 - 028.62860172 - 0906800091

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

KS. LÊ VĂN TOÀN

THIẾT KẾ BẢN VẼ / DRAWING DESIGN

KS. NGUYỄN NGUYỄN BẢO

KIỂM TRA / CHECK BY

KS. TRẦN THỊ MỸ DUYÊN

CÔNG TRÌNH - PROJECT

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

ĐOÀN MINH THANH

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

Ấp Trường Lưu, Xã Trường Đông,
Thị xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh

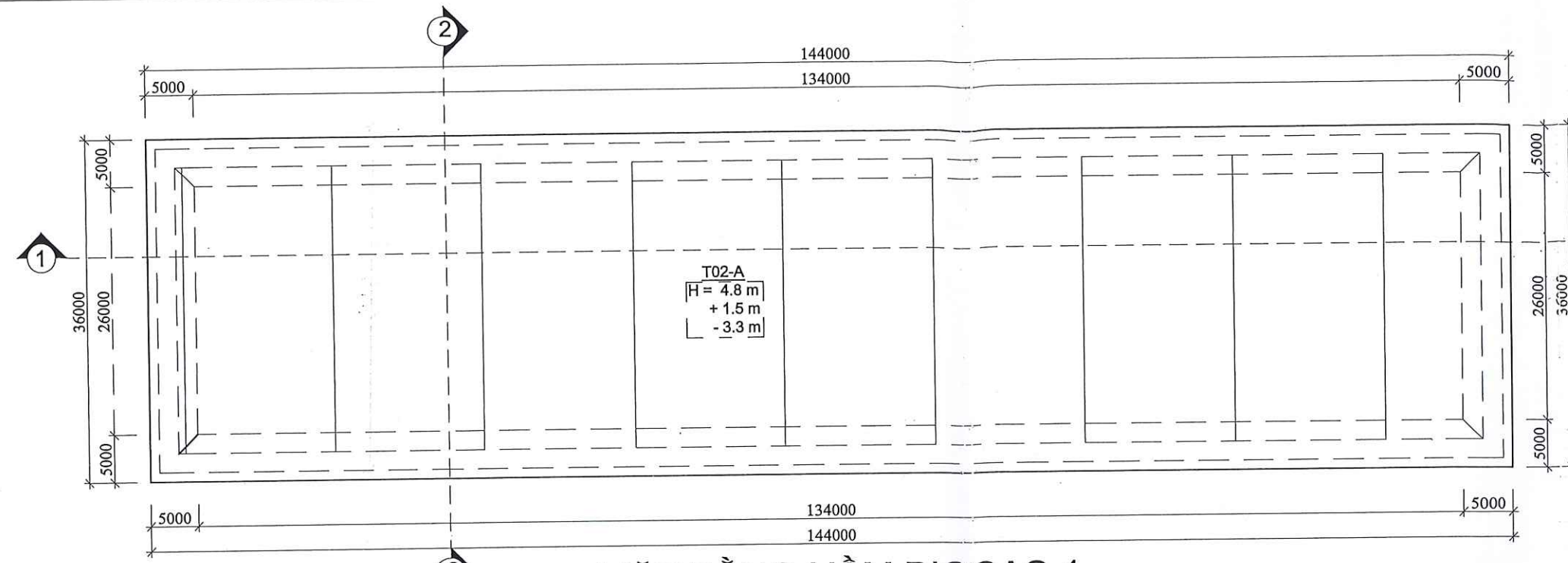
HẠNG MỤC - ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI,
CÔNG SUẤT 200M³/NGÀY.ĐÊM

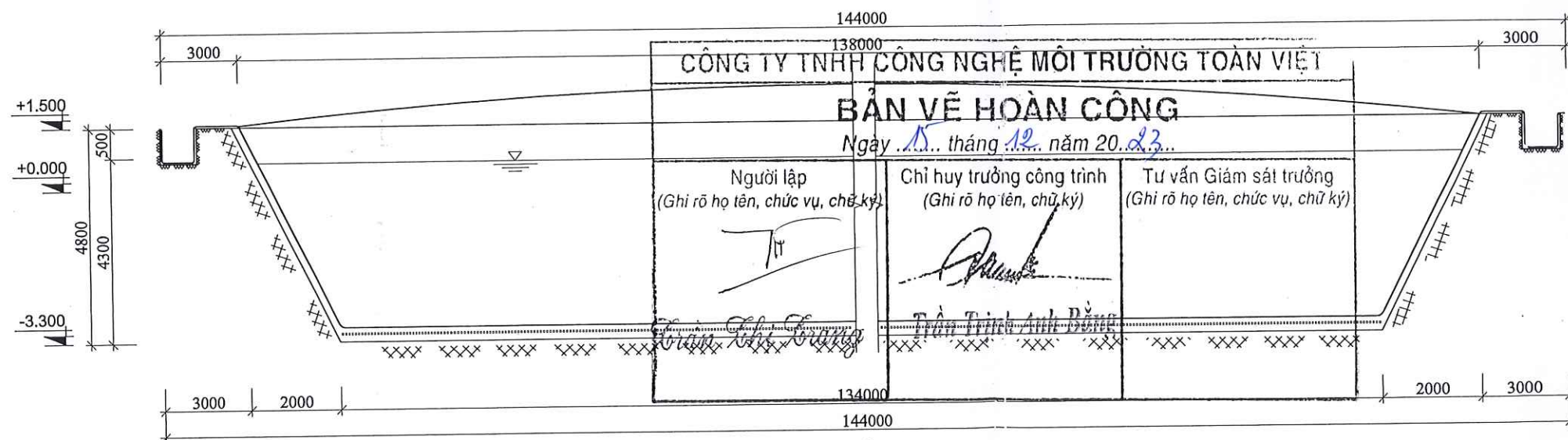
TÊN BẢN VẼ - DWG.TITLE

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 200M³/NGÀY.ĐÊM

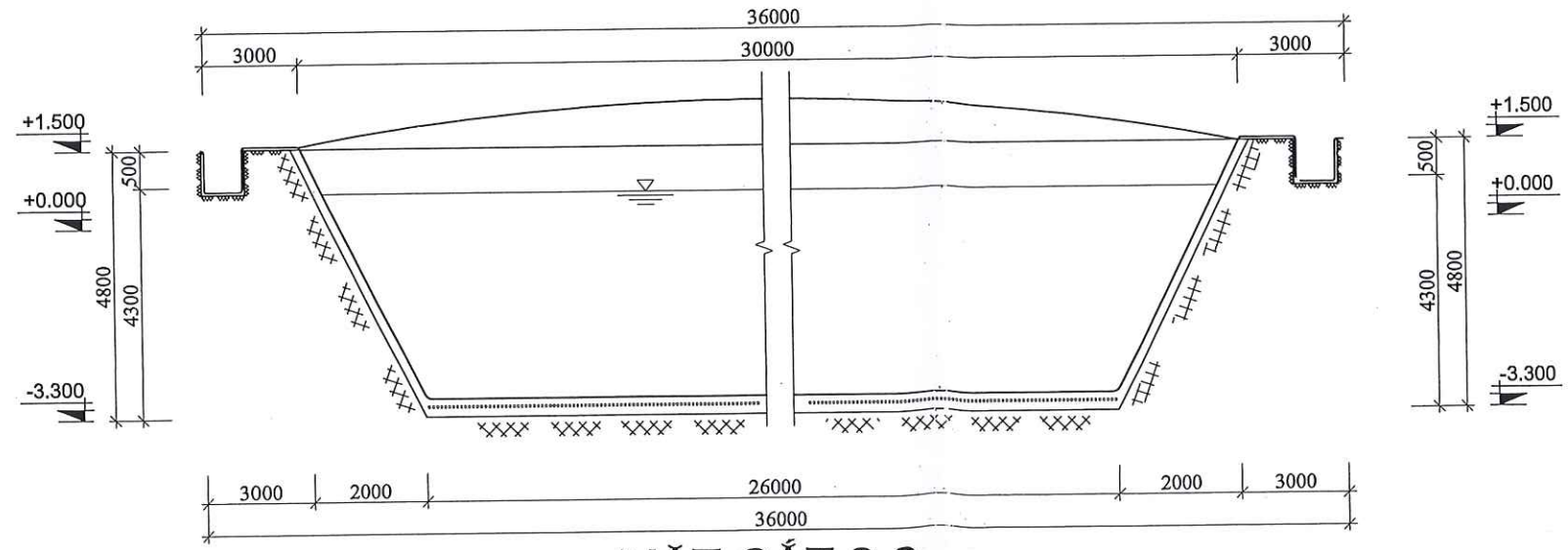
TỶ LỆ - SCALE	1:100
NGÀY - DATE	15/12/2023
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO.	1512 - TV23
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.	01/09



MẶT BẰNG HẦM BIOGAS 1



MẶT CẮT 1-1

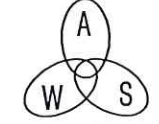


MẶT CẮT 2-2

Mục đích phát hành / Issued for	
Thiết kế sơ bộ / Preliminary Design	☐
Trình duyệt / Browser	☐
Thi công / Construction	☐
Hiệu chỉnh / Correction	☐
Hoàn công / Completion of	☒

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
ĐOÀN MINH THANH
 CHỦ HỒ
ĐOÀN MINH THANH
ĐOÀN MINH THANH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - CONSULTING CONTRACTOR
 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT
 TOAN VIET ENVIRONMENTAL ENGINEERING CO., LTD



TV ENV ENGIN CO., LTD
 Web site : www.moitruongtoanviet.vn
 Email : info@moitruongtoanviet.vn
 Add : 04 Lê Lợi, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM
 Tel : 028.62767340 - 028.62860172 - 0906800091

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR
KS. LÊ VĂN TOÀN

THIẾT KẾ BẢN VẼ / DRAWING DESIGN
KS. NGUYỄN NGUYỄN BẢO

KIỂM TRA / CHECK BY
KS. TRẦN THỊ MỸ DUYỀN

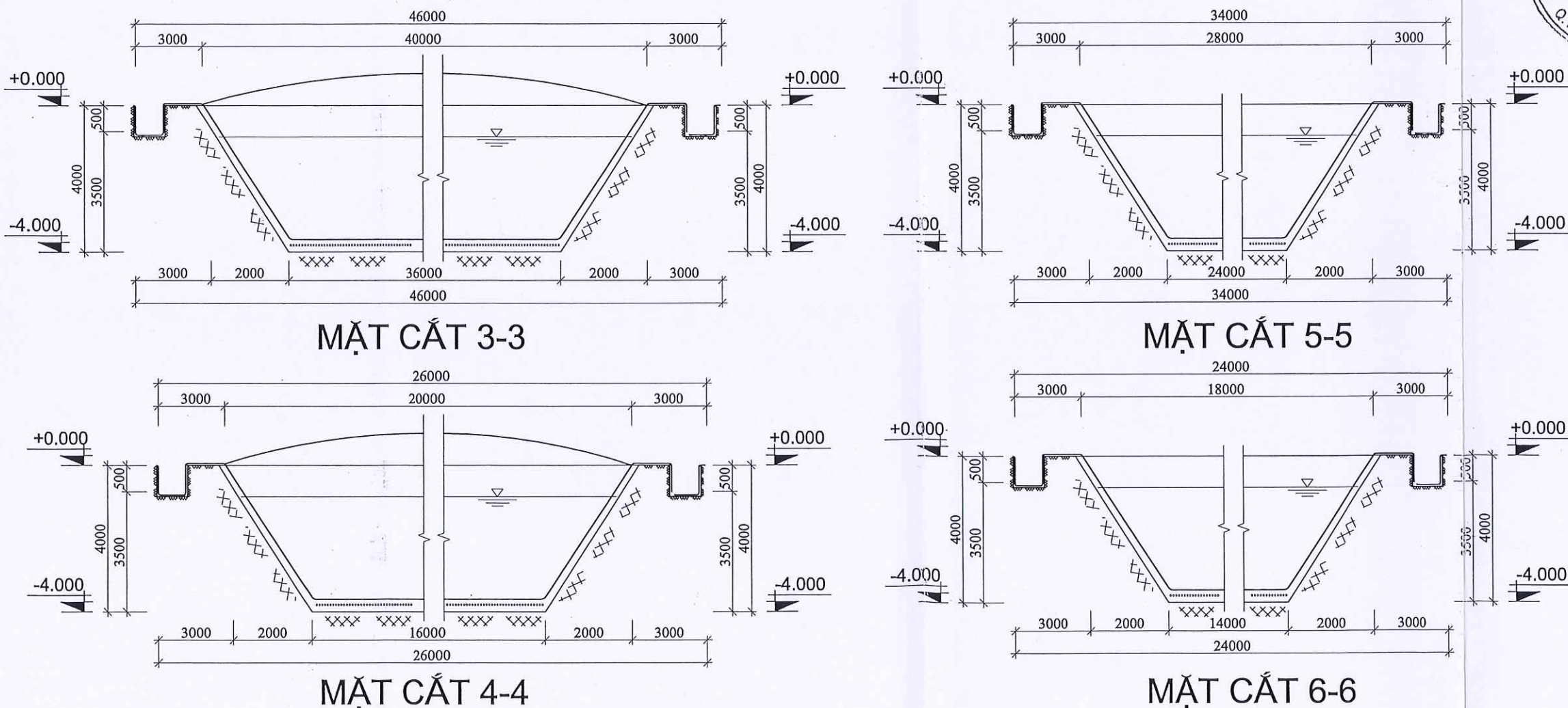
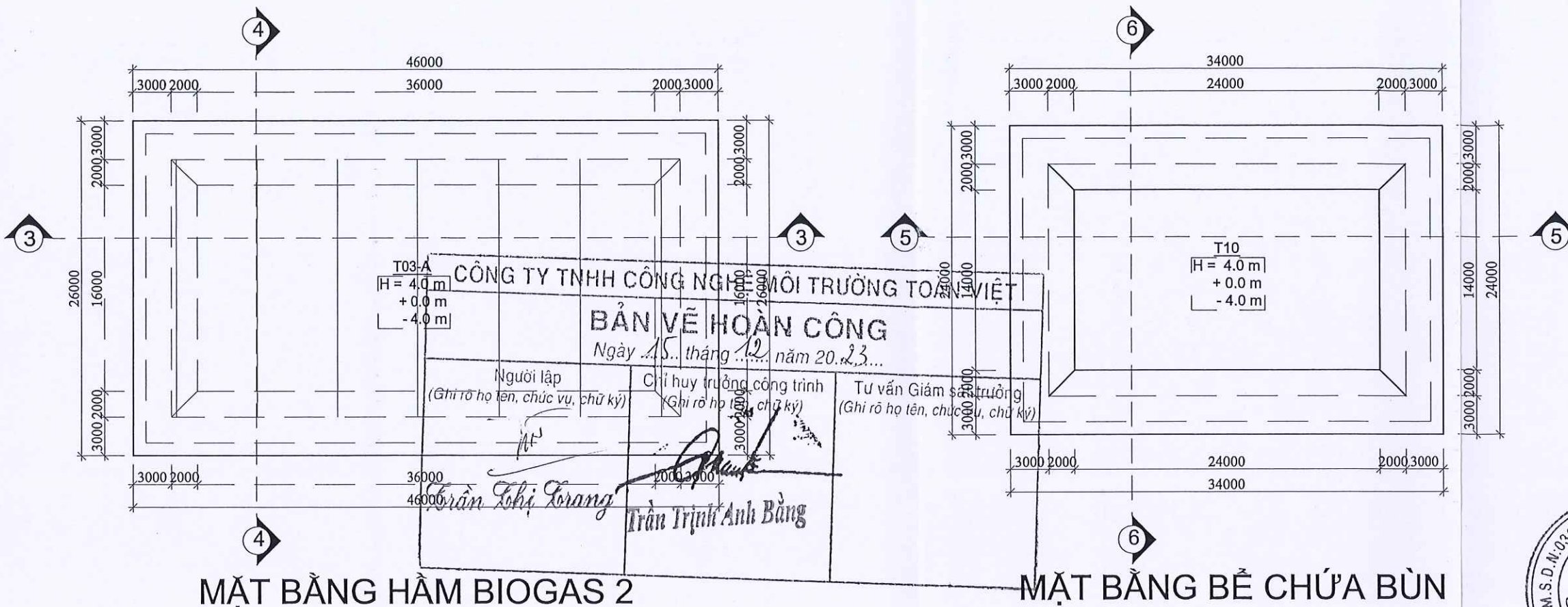
CÔNG TRÌNH - PROJECT
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
ĐOÀN MINH THANH

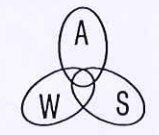
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
 Ấp Trường Lưu, Xã Trường Đông,
 Thị xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh

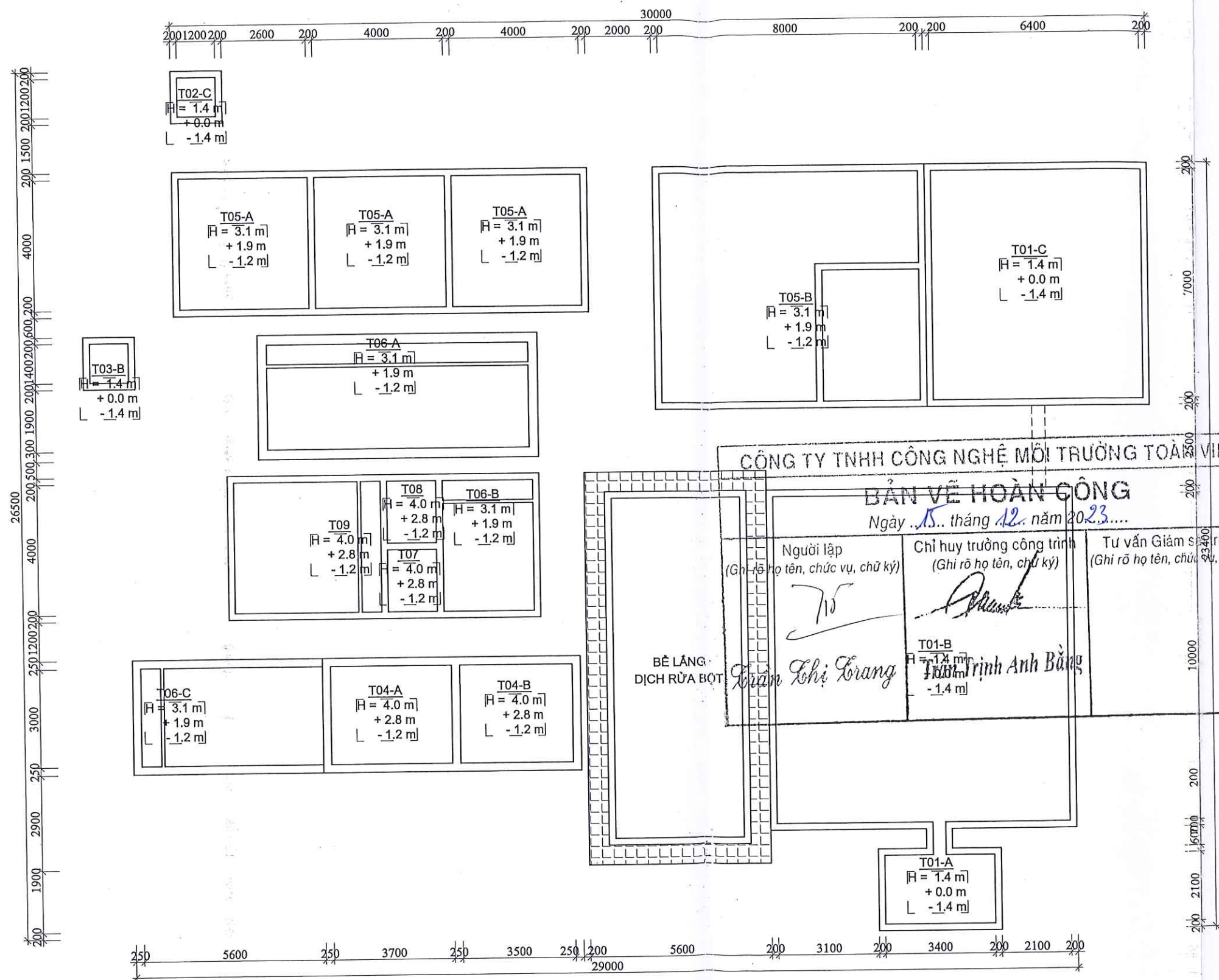
HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI,
CÔNG SUẤT 200M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG.TITLE
CHI TIẾT HẦM BIOGAS

TỶ LỆ - SCALE	1:100
NGÀY - DATE	15/12/2023
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO.	1512 - TV23
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.	03/09



Mục đích phát hành / Issued for	
Thiết kế sơ bộ / Preliminary Design	☐
Trình duyệt / Browser	☐
Thi công / Construction	☐
Hiệu chỉnh / Correction	☐
Hoàn công / Completion of	☒
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH CHỦ HỘ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH Đoàn Minh Thanh	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN - CONSULTING CONTRACTOR CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT TOAN VIET ENVIRONMENTAL ENGINEERING CO., LTD	
 TV ENV ENGIN CO., LTD Web site : www.moitruongtoanviet.vn Email : info@moitruongtoanviet.vn Add : 04 Lê Lợi, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM Tel : 028.62767340 - 028.62860172 - 0906800091	
THIẾT KẾ BẢN VẼ / DRAWING DESIGN KS. NGUYỄN NGUYỄN BẢO	
KIỂM TRA / CHECK BY KS. TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	
CÔNG TRÌNH - PROJECT DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH	
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION Ấp Trường Lưu, Xã Trường Đông, Thị xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh	
HẠNG MỤC - ITEM HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 200M³/NGÀY.ĐÊM	
TÊN BẢN VẼ - DWG.TITLE CHI TIẾT BỂ KỸ KHÍ CHI TIẾT BỂ CHỨA BÙN	
TỶ LỆ - SCALE	1:100
NGÀY - DATE	15/12/2023
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO.	1512 - TV23
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.	04/09



MẶT BẰNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

PHẦN XÂY DỰNG

CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC
T01-A	BỂ THU GOM VÀ TÁCH CẶN	D x R x C = 3.4 x 2.1 x 1.4m	T02-C	HẦM BƠM	D x R x C = 1.5 x 1.5 x 2.4m	T05-A	BỂ AEROTANK	D x R x C = 12.4 x 4.0 x 3.1m	T07	BỂ KEO TỤ	D x R x C = 1.9 x 1.5 x 3.1m
T01-B	BỂ THU GOM VÀ TÁCH CẶN	D x R x C = 10.0 x 9.0 x 1.4m	T03-A	HẦM BIOGAS 2	D x R x C = 40.0 x 20.0 x 4.0m	T05-B	BỂ AEROTANK	D x R x C = 8.0 x 7.0 x 3.1m	T08	BỂ TẠO BÔNG	D x R x C = 1.9 x 1.5 x 3.1m
T01-C	BỂ THU GOM VÀ TÁCH CẶN	D x R x C = 7.0 x 6.4 x 1.4m	T03-B	HẦM BƠM	D x R x C = 1.2 x 1.2 x 1.4m	T06-A	BỂ LẮNG SINH HỌC	D x R x C = 8.0 x 3.2 x 3.1m	T09	BỂ LẮNG HÓA LÝ	D x R x C = 4.5 x 4.0 x 3.1m
T02-A	HẦM BIOGAS 1	D x R x C = 138.0 x 30.0 x 5.0m	T04-A	BỂ ANOXIC	D x R x C = 3.7 x 3.0 x 4.0m	T06-B	BỂ LẮNG SINH HỌC	D x R x C = 4.0 x 2.8 x 3.1m	T10	BỂ CHỨA BÚN	D x R x C = 28.0 x 18.0 x 4.0m
T02-B	HẦM BƠM	D x R x C = 1.2 x 1.2 x 1.4m	T04-B	BỂ ANOXIC	D x R x C = 3.5 x 3.0 x 4.0m	T06-C	BỂ LẮNG SINH HỌC	D x R x C = 5.6 x 3.0 x 3.1m			

Mục đích phát hành / Issued for

Thiết kế sơ bộ / Preliminary Design	☐
Trình duyệt / Browser	☐
Thi công / Construction	☐
Hiệu chỉnh / Correction	☐
Hoàn công / Completion of	☒

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

ĐOÀN MINH THANH

CHỦ HO

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

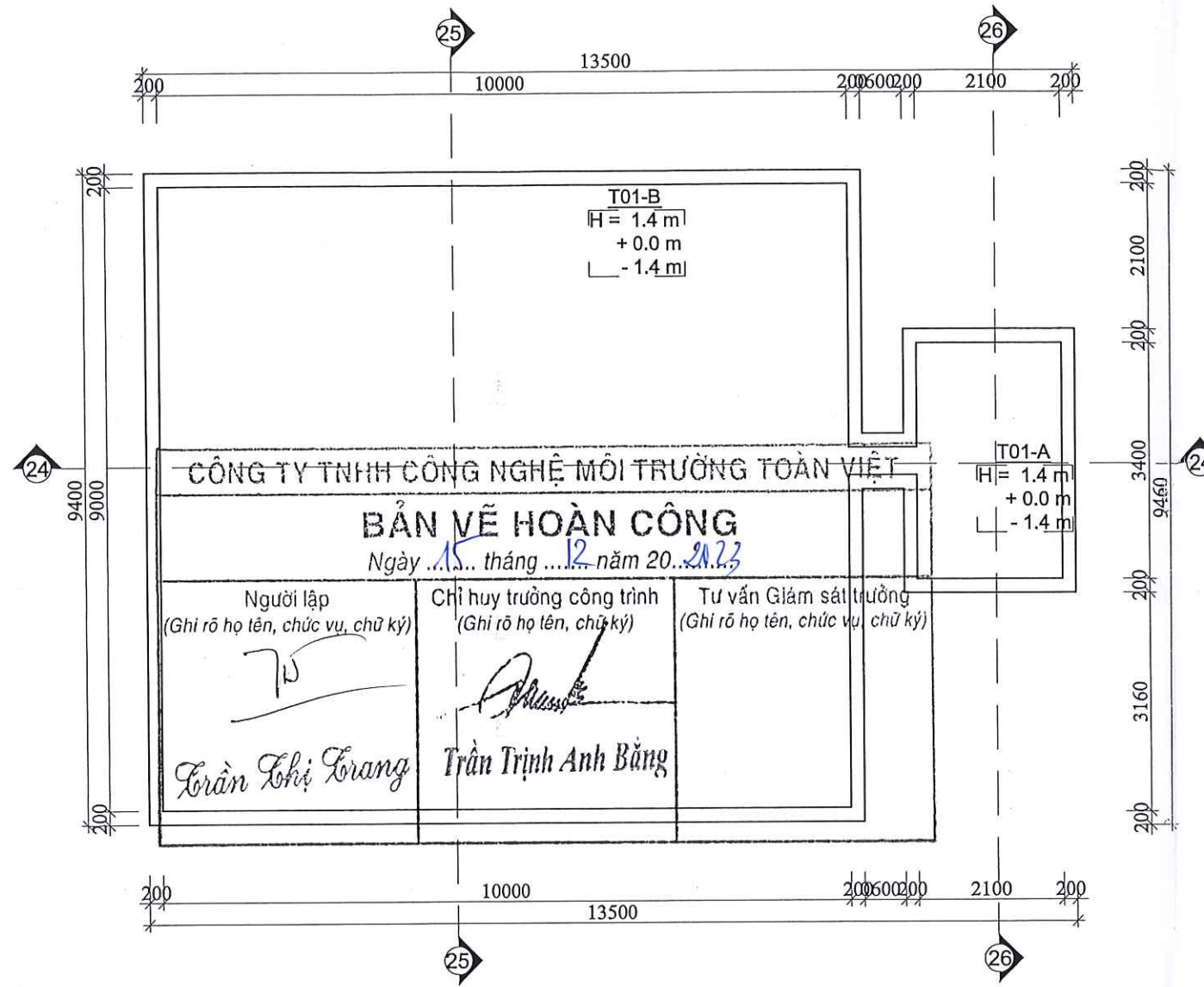
ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

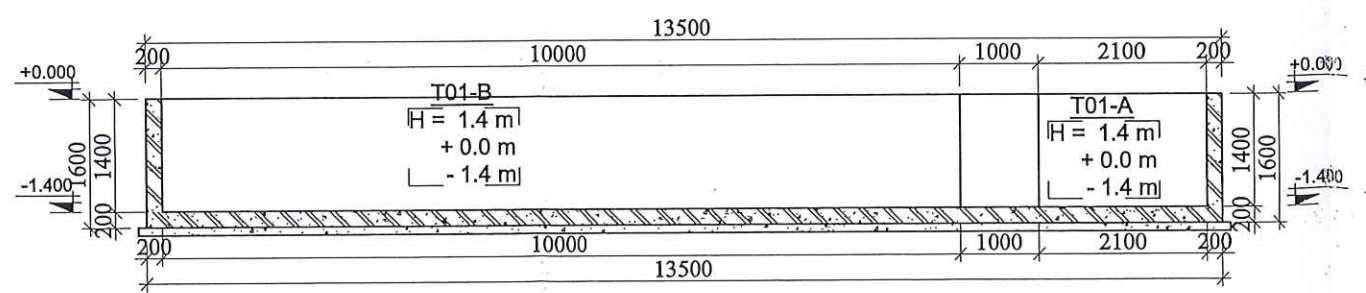
ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH

ĐOÀN MINH THANH



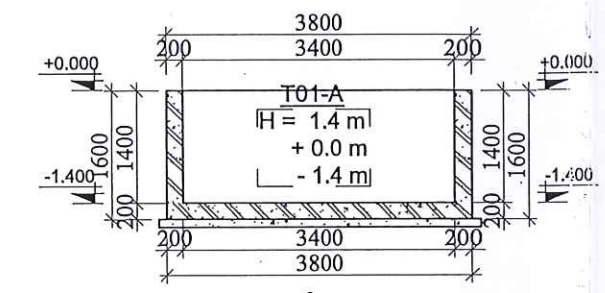
MẶT BẰNG CỤM BỂ T01-A, T01-B



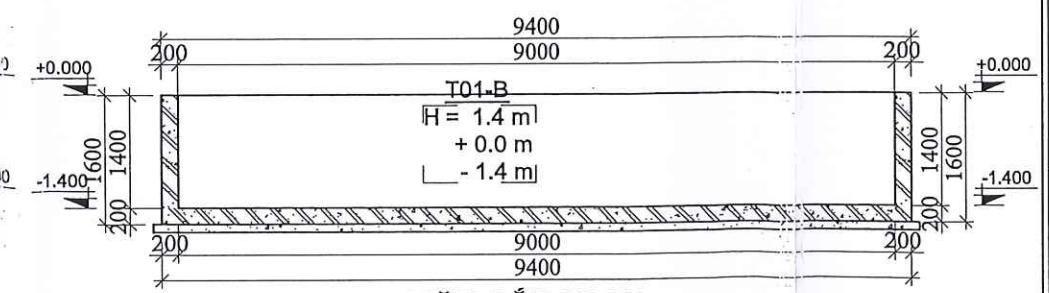
MẶT CẮT 24-24

GHI CHÚ:

- 1 - BÊ TÔNG SỬ DỤNG ĐÁ 1 x 2 MAC250
- 2 - BÊ TÔNG LÓT MÓNG SỬ DỤNG ĐÁ 4 x 6 MAC100
- 3 - THÉP SỬ DỤNG CÓ CƯỜNG ĐỘ:
 - a - Ø ≤ 10 THÉP TRƠN CÓ Ra = 3500 kg/cm²
 - b - Ø ≥ 10 THÉP TRƠN CÓ Ra = 5700 kg/cm²
- 4 - LỚP BẢO VỆ BẢO VỆ ĐÀ LÀ 25 mm
- 5 - COTE LÀ COTE MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN
- 6 - CƯỜNG ĐỘ NỀN ĐẤT ĐẶT ĐÁY BỂ ĐƯỢC GIẢI ĐỊNH R = 0,5 kg/cm²
- 7 - GIA CỐ CỌC CỪ TRÂM, L = 3.0m, GÓC 8-10cm MẶT ĐỘ CỪ TRÂM 15 CÂY/1m²



MẶT CẮT 26-26

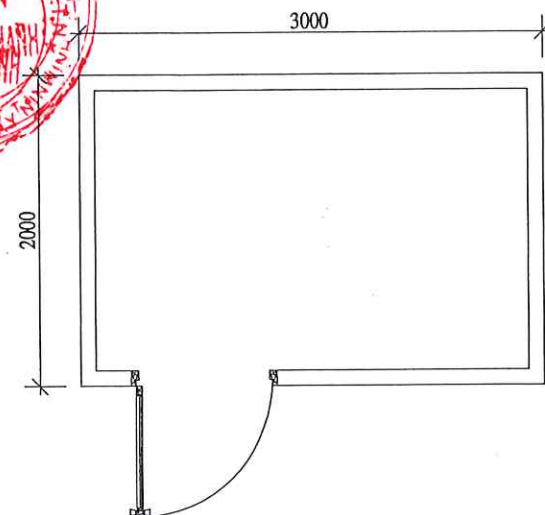


MẶT CẮT 25-25

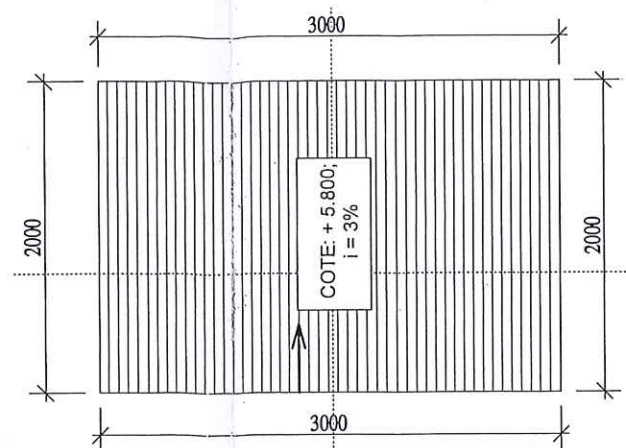
PHẦN XÂY DỰNG

CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	KÍCH THƯỚC
T01-A	BỂ THU GOM VÀ TÁCH CẶN	D x R x C = 3.4 x 2.1 x 1.4m	T02-C	HẦM BƠM	D x R x C = 1.5 x 1.5 x 2.4m	T05-A	BỂ AEROTANK	D x R x C = 12.4 x 4.0 x 3.1m	T07	BỂ KEO TỤ	D x R x C = 1.9 x 1.5 x 3.1m
T01-B	BỂ THU GOM VÀ TÁCH CẶN	D x R x C = 10.0 x 9.0 x 1.4m	T03-A	HẦM BIOGAS 2	D x R x C = 40.0 x 20.0 x 4.0m	T05-B	BỂ AEROTANK	D x R x C = 8.0 x 7.0 x 3.1m	T08	BỂ TẠO BÔNG	D x R x C = 1.9 x 1.5 x 3.1m
T01-C	BỂ THU GOM VÀ TÁCH CẶN	D x R x C = 7.0 x 6.4 x 1.4m	T03-B	HẦM BƠM	D x R x C = 1.2 x 1.2 x 1.4m	T06-A	BỂ LẮNG SINH HỌC	D x R x C = 8.0 x 3.2 x 3.1m	T09	BỂ LẮNG HÓA LÝ	D x R x C = 4.5 x 4.0 x 3.1m
T02-A	HẦM BIOGAS 1	D x R x C = 138.0 x 30.0 x 5.0m	T04-A	BỂ ANOXIC	D x R x C = 3.7 x 3.0 x 4.0m	T06-B	BỂ LẮNG SINH HỌC	D x R x C = 4.0 x 2.8 x 3.1m	T10	BỂ CHỨA BÙN	D x R x C = 28.0 x 18.0 x 4.0m
T02-B	HẦM BƠM	D x R x C = 1.2 x 1.2 x 1.4m	T04-B	BỂ ANOXIC	D x R x C = 3.5 x 3.0 x 4.0m	T06-C	BỂ LẮNG SINH HỌC	D x R x C = 5.6 x 3.0 x 3.1m			

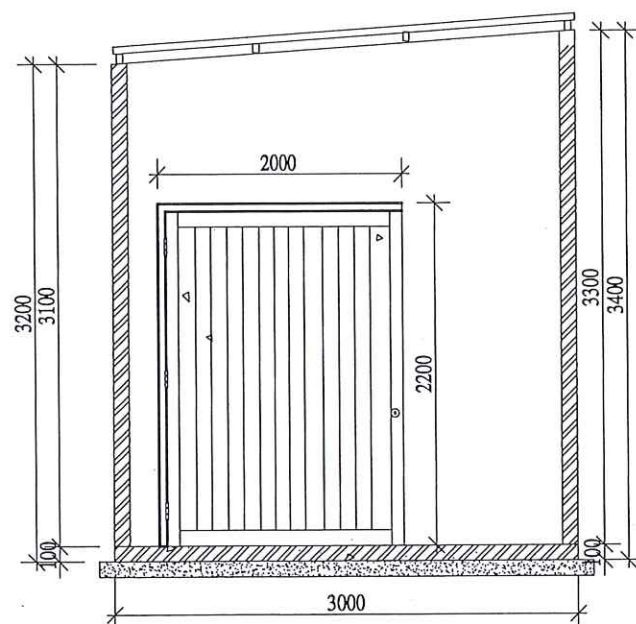
Mục đích phát hành / Issued for	
Thiết kế sơ bộ / Preliminary Design	☐
Trình duyệt / Browser	☐
Thi công / Construction	☐
Hiệu chỉnh / Correction	☐
Hoàn công / Completion of	☒
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH CHỦ HỌ ĐOÀN MINH THANH TX. HỒ CHÍ MINH	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN - CONSULTING CONTRACTOR CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT TOAN VIET ENVIRONMENTAL ENGINEERING CO., LTD	
TV ENV ENGIN CO., LTD Web site : www.moitruongtoanviet.vn Email : info@moitruongtoanviet.vn Address: 04 Lê Lợi, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM Tel : 028.62767340 - 028.62860172 - 0906800091	
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR KS. LÊ VĂN TOÀN	
THIẾT KẾ BẢN VẼ / DRAWING DESIGN KS. NGUYỄN NGUYỄN BẢO	
KIỂM TRA / CHECK BY KS. TRẦN THỊ MỸ DUYỀN	
CÔNG TRÌNH - PROJECT DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐOÀN MINH THANH	
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION Ấp Trường Lưu, Xã Trường Đông, Thị xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh	
HẠNG MỤC - ITEM HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 200M ³ /NGÀY.ĐÊM	
TÊN BẢN VẼ - DWG.TITLE CHI TIẾT CỤM BỂ T01-A, T01-B	
TỶ LỆ - SCALE	1:100
NGÀY - DATE	15/12/2023
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO.	1512 - TV23
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.	09/09



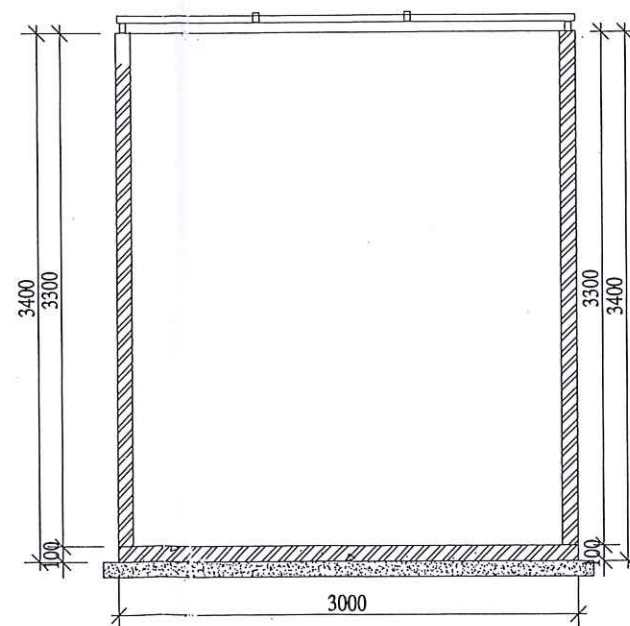
MẶT BẰNG KHO CHỨA CTNH



MẶT BẰNG MÁI LỢP TOLE



MẶT CẮT KIẾN TRÚC 1-1



MẶT CẮT KIẾN TRÚC 2-2

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
ĐOÀN MINH THANH
Chủ hộ

ĐỊA ĐIỂM: ẤP TRƯỜNG LƯU, XÃ TRƯỜNG ĐÔNG, THỊ XÃ HÒA
THÀNH, TỈNH TÂY NINH



KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI

Bản vẽ số: 01

Tỉ lệ: Phi tỷ lệ

Năm: 2023